

DU KHỔNG KIÊN

PHONG THUY CẢNH QUAN

Saigonbook biên dịch



nxb Đà Nẵng

TRUNG TÂM BIÊN SOẠN DỊCH THUẬT SÁCH SÀI GÒN

Saigonbook

PHONG THỦY CẢNH QUAN

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHONG THỦY CẢNH QUAN

DU KHỔNG KIÊN

<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	VÕ VĂN ĐẮNG
<i>Tổng biên tập:</i>	NGUYỄN ĐỨC HÙNG
<i>Biên tập:</i>	HUỲNH YÊN TRẮM MY
<i>Trình bày:</i>	SAIGONBOOK
<i>Vẽ bìa:</i>	TRẦN BẢO TOÀN
<i>Sửa bản in:</i>	QUỲNH MAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Thực hiện liên doanh: CTY TNHH PHS SAIGON

In: 1.000 cuốn, Khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại: Xí nghiệp in Người lao động. Theo TNKH số 57/583/XB-QLXB Cục xuất bản cấp ngày 24 tháng 04 năm 2005. Số 775/TN-XB. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2006.

MỤC LỤC

1. Mô hình phong thủy lý tưởng	25
1.1 Một mô hình đầu đầu cùng có	25
1.2. Những đặc trưng kết cấu cơ bản của mô hình phong thủy lý tưởng	40
2. Kết cấu giống như tự nhiên	49
2.1. Mô hình đất thần canh tiên trong tâm hồn người Trung Quốc	49
2.2. Mô hình cảnh quan lý tưởng trong tâm hồn các nhà nghệ thuật	54
2.3. Mô hình cảnh quan lý tưởng theo thống kê tâm lý học	68
2.4. Mô hình lý tưởng trong sâu thẳm tâm hồn người Trung Quốc mà phong thủy biểu đạt	71
3. Từ những con chuột đào hang đến Robinson: bản năng chọn nơi cư trú	75
3.1. Những gợi mở trong việc chọn nơi cư trú của động vật	77
3.2. Từ nơi cư trú của Robinson xem thiên chức chọn nơi cư trú của con người	80
4. Mô hình cư trú như ý của loài người nguyên thủy Trung Quốc	83
4.1. Từ rừng rậm đến thảo nguyên - quan điểm lịch sử tiến hóa của ý thức cảnh quan tốt xấu	83
4.2. Mô hình cư trú như ý của người nguyên thủy ở Trung Quốc - Hình tượng nguyên mẫu của phong thủy lý tưởng	91
4.3. Quan niệm về tiểu phẩm phong thủy	107
5. Những mô hình phong thủy được thể hiện trong văn hóa canh nông trung quốc	113
5.1. So sánh văn hóa: những đặc trưng làm mạnh thêm mô hình phong thủy	113
5.2. Vùng trung Quan Trung-sự nhấn mạnh thời kỳ định hình văn hóa của mô hình phong thủy	124
5.3. Kinh nghiệm vùng trung trong quá trình phát triển văn hóa: sự tái nhấn mạnh mô hình phong thủy	139
6. Hệ thống giải thích về địa điểm tốt - xấu theo thuyết phong thủy	151
6.1. Hệ thống giải thích triết học	153
6.2. Hệ thống giải thích kỹ thuật và tín ngưỡng dân gian	159

Sơ lược tiểu sử tác giả

Du Khổng Kiên sinh năm 1963 tại huyện Kim Hoa tỉnh Triết Giang (Trung Quốc). Năm 1995, ông nhận học vị Thạc sĩ ngành thiết kế của trường Đại học Havard (Mỹ), đồng thời làm chủ công trình thiết kế thành phố và quy hoạch cảnh quan. Năm 1997, ông trở về nước đảm nhận chức vị giáo sư ở Trường Đại học Bắc Kinh. Ông là người sáng lập ra Viện nghiên cứu thiết kế quy hoạch cảnh quan Thổ Nhân Bắc Kinh, Trung tâm thiết kế quy hoạch cảnh quan thuộc Đại học Bắc Kinh và là giáo sư của nhiều trường Đại học trong nước. Năm 1993 - 1995, ông giảng dạy bộ môn "Hệ thống tin địa lý toàn cầu" ở trường Đại học Havard. Năm 1995 - 1997, ông đảm nhận trách nhiệm công việc thiết kế thành phố và quy hoạch cảnh quan ở tập đoàn SWA của Mỹ. Ông đã từng chủ trì và tham gia hơn 40 công trình nghiên cứu và thiết kế quy hoạch cảnh quan khá lớn trong nước và quốc tế. Năm 1993, ông đã đạt được giải thưởng lớn thiết kế khu Ke-te-xu-she quốc tế. Các công trình thiết kế của ông đã được triển khai ở hơn 10 thành phố của nước Mỹ và lần lượt đạt được hơn 10 giải thưởng trong và ngoài nước.

Du Khổng Kiên đã phát biểu gần 60 tham luận trong và ngoài nước. Tác phẩm gần đây nhất của ông là *"Cảnh quan: văn hóa, sinh thái và tình cảm - nhận thức"*. Mấy năm trở lại đây ông nhận lời mời giảng dạy ở nhiều viện và các trường đại học trong nước cũng như ngoài nước như Mỹ, Anh, Thụy Điển, Hy Lạp, Xlôvakia, Nhật Bản, HongKong. Ông là người khởi xướng tổ chức Hội liên hiệp hữu nghị các nhà thiết kế quy hoạch cảnh quan trong và ngoài nước.

Lời tựa

Qua nhiều năm nghiên cứu vấn đề phong thủy và bám sát thực tiễn thiết kế cảnh quan, gần đây Giáo sư Du Khổng Kiên cho xuất bản tác phẩm quan trọng của ông: *"Tìm hiểu cảnh quan sống lý tưởng"*. Kỳ thực quyển sách này đã được viết xong từ 5 năm trước nhưng vì gặp sự cố nên trì hoãn đến nay mới xuất bản.

Vào cuối năm 1997, giáo sư Du Khổng Kiên muốn tôi viết lời tựa cho tác phẩm này của ông, tôi rất vui. Nhân cơ hội này, tôi đã đọc tác phẩm nổi tiếng này. Sau khi cầm bản thảo, tôi đọc rất nhanh. Nội dung của quyển sách đã cuốn hút tôi, khiến tôi rất say mê. Ngay đêm hôm đó tôi đã đọc hết hơn phân nửa quyển sách. Sáng sớm hôm sau vừa thức dậy tôi tiếp tục đọc ngay, bản thảo quyển sách cũng không dài nên tôi đọc xong rất nhanh. Sau khi đọc xong, trong lòng thấy thông suốt. Những vấn đề tôi nghi hoặc trong nhiều năm nay đột nhiên được tháo gỡ một cách rõ ràng, làm cho tôi cảm thấy rất thoải mái.

Đối với vấn đề phong thủy, tôi cũng có một chút cảm nhận, nhưng rất mơ hồ. Trước thời kỳ kháng chiến chống Nhật, bà nội tôi qua đời, gia đình đã mời một vị thầy phong thủy đến xem vùng đất xây mộ (mộ phần) cho bà. Lúc này, vùng đất xây mộ trở thành đề tài được mọi người trong nhà và họ hàng thân hữu bàn tán nhiều nhất. Qua lời nói của mọi người, tôi hiểu được phần nào nội dung của phong thủy và thích phong thủy từ đó.

Về sau, trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật, thấy được tính tàn khốc trong cuộc chiến của dân tộc, đồng thời vì chiến tranh mà gia đình trở nên suy tàn, sự hiểu biết của tôi tăng thêm. Sự giáo dục của thực tiễn giúp tôi nhận thức được rằng

nếu không có khoa học và kỹ thuật, không có tổ chức và lực lượng thì quốc gia sẽ gặp khó khăn, nhân dân sẽ chịu tai ương. Quốc gia cũng như nhân dân và gia đình đều khó tránh khỏi tai họa này. Phong thủy có tác dụng gì ? Nó vừa không thể giữ được nhà, cũng không thể cứu được mạng. Cách nghĩ này, đến cuối thập niên 40 càng tăng mạnh. Vào thập niên 50, xảy ra cuộc cải cách ruộng đất, công xã hóa khiến cho những phần mộ từ từ biến mất khỏi mặt đất, xây cất nhà đa số là công việc của tập thể và nhà nước. Trên con đường hiện đại hóa, cuộc sống của người dân cũng được cải thiện rất nhiều. Điều này hoàn toàn không mời thầy phong thủy đến để chọn âm trạch, dò tìm dương trạch và cũng không thể đem các biến động lớn trong xã hội quy công lao cho nó. Thời kỳ này, không có người bàn luận về phong thủy.

Mùa hè năm 1983, tôi đến Canada tu nghiệp. Giữa tháng 6, tôi nhận lời mời tham gia hội địa lý học Canada tổ chức hàng năm ở Vinnibai. Trong một tổ nhỏ thảo luận, một vị học giả Hoa kiều đã nêu lên một bài tham luận có liên quan đến phương diện phong thủy, chính là xem xét nội hàm khoa học của phong thủy. Việc này cho tôi một sự gợi mở mới. Đó chính là phong thủy. Nó là một loại hành vi và là tư tưởng khá phổ biến tồn tại trong thời gian dài ở Trung Quốc, nên dùng phương pháp khoa học để tiến hành tổng kết.

Sau khi từ Canada trở về, tôi bắt đầu có hứng thú đối với địa lý học văn hóa. Tôi vừa dạy vừa học môn học này trong khoa. Trong quá trình dạy và học, tôi hiểu được rằng tư tưởng văn hóa của nhân loại luôn luôn có mối quan hệ tương hỗ với kinh nghiệm và nhận thức trong thực tiễn cuộc sống trong hoàn cảnh địa lý mà họ tồn tại. Qua cách giải thích khoa học về nguyên nhân xuất hiện tôn giáo, tôi nhận thức được rằng nhân loại trong thời kỳ nguyên thủy, khi đối mặt với tự nhiên, xã hội và cuộc sống,

thiếu các tri thức khoa học, không thể nắm được vận mệnh của mình, cho nên họ cầu cứu một lực lượng siêu nhiên nào đó để làm chỗ dựa tinh thần và phó thác vận mệnh. Loại thực thể và lực lượng siêu nhiên vượt ra ngoài thế giới hiện thực này chính là thượng đế, thần tiên, ma quỷ. Người ta cho rằng nó có thể điều khiển vận mệnh và mang đến những điều họa phúc cho con người. Từ đó đối với các thực thể siêu nhiên sinh ra sự kính sợ và sùng bái.

Đối với vấn đề phong thủy, tôi nghĩ nó cũng giống như tôn giáo nguyên thủy. Nó là sự nối tiếp của văn hóa nguyên thủy, trong đó bao hàm những điều hợp lý chất phác, nhưng cũng có sự pha tạp những hình thức và nội dung thần bí, phi khoa học. Vì thế đối với vấn đề phong thủy, điểm then chốt là xuất phát từ quan điểm phát triển lịch sử của văn hóa, để chọn lấy cái tinh hoa của nó, loại bỏ những cái tạp nham. Từ thập niên 80 trở lại đây, đã xuất hiện nhiều tác phẩm nổi tiếng bàn về phong thủy - một loại văn hóa truyền thống. Dựa trên quan điểm duy vật để tiến hành phân tích, tôi cho rằng nội dung của nó phản ánh qui luật tồn tại của con người. Tôi căn cứ vào các đặc điểm của điều kiện tự nhiên như khí hậu, địa mạo, thủy văn, chất đất, thảm thực vật và sự tổng hợp các đặc điểm của điều kiện tự nhiên trong một khu vực để tìm kiếm vị trí cư trú và môi trường sống lý tưởng. Đồng thời, người ta cũng đem sự tìm kiếm môi trường lý tưởng này áp dụng cho việc chọn lựa vùng đất xây mộ cho người quá cố. Đa số các tác phẩm đều cho rằng phong thủy có những ảnh hưởng đối với sự tốt xấu, họa phúc, gia đình thịnh suy, sống thọ hay chết yểu, buôn may bán đắt, học hành đỗ đạt. Đó chỉ là cái vỏ ngoài thần bí được khoác lên nó. Nhưng đối với nguồn gốc của việc tìm kiếm cảnh quan lý tưởng này thường thiếu sự đào sâu tìm hiểu. Tác phẩm của Du Khổng Kiên dùng cách thức từ nhân tố cơ sở văn hóa và sinh vật để giải mở những

ý nghĩa sâu sắc giữa cảnh quan lý tưởng và phong thủy. Sau khi đọc bản thảo của quyển sách này, tôi cho rằng tác phẩm của giáo sư Du Khổng Kiên có ba đặc điểm như sau :

Thứ nhất, dạng đầu tiên của phong thủy lý tưởng là bắt đầu từ sự tìm kiếm mô hình vùng đất định cư như ý của người nguyên thủy.

Giáo sư Du Khổng Kiên cho rằng người nguyên thủy chuyển từ sống trên cây trong rừng rậm xuống sống trên mặt đất, tiến vào môi trường đồng cỏ rừng rậm, môi trường này có rất nhiều cơ hội cùng với những cuộc khiêu chiến mới. Nhân loại phải thay đổi thói quen ăn uống vốn có trước đây, nguồn săn bắt hái lượm sẵn có, nhưng phải trốn tránh sự tấn công của những kẻ thù mới (chủ yếu là thú dữ). Trong môi trường này, họ vừa phải lấy động vật làm nguồn thức ăn chủ yếu, vừa phải tránh xa sự tấn công của thú dữ đe dọa mạng sống của họ. Nhưng con người có cái linh của vạn vật, trên phương diện khí lực, cầm nắm, nhai nuốt, chạy nhảy, nói năng, thể chất con người nói chung không bằng động vật. Để sinh tồn con người đã dựa vào sức mạnh trí tuệ mà họ có thể nghĩ ra như công cụ lao động, hợp tác tập thể và lợi dụng môi trường. Lợi dụng môi trường có thể ẩn nấp, khi tiếp cận với động vật thì tấn công đột ngột, giết chết chúng. Khi tình hình không có lợi thì có thể mượn địa thế mà ẩn trốn như leo lên cây, trèo lên đồi núi để tránh khỏi hoàn cảnh nguy hiểm. Ở trong điều kiện tốt xấu họa phúc cùng tồn tại song song với các hoạt động như tự vệ, săn bắt, giữ lãnh địa cư trú, con người đã nhận thức được môi trường, phân tích môi trường và biết lợi dụng môi trường. Cuối cùng tạo thành mô hình vùng đất định cư như ý của người nguyên thủy, nó là dạng đầu tiên của phong thủy lý tưởng. Điều này chứng tỏ rằng giáo sư Du Khổng Kiên nghiên cứu sâu nguồn gốc đầu tiên của phong thủy lý tưởng, bắt

dầu từ xã hội nông nghiệp như trong các tác phẩm thông thường và hơn nữa còn trở ngược về giai đoạn săn bắt của người nguyên thủy, trên phương diện thời gian quả thật đã tiến triển hơn trước rất nhiều. Đồng thời quyển sách này dùng ví dụ những con chuột chọn lựa địa điểm đào hang thích hợp để chứng minh động vật trong quá trình chọn lựa và thích ứng với môi trường thông qua gien, tạo thành bản năng di truyền. Con người là một thành viên của thế giới sinh vật, nên cũng có bản năng thiên phú trong việc chọn nơi cư trú. Về sau, điểm này có liên quan trong việc phân tích di chỉ vùng đất cư trú của người nguyên thủy và người sống trong hang động ở đỉnh núi.

Thứ hai, tổng kết được kinh nghiệm của các mô hình phong thủy ở những vùng đất trũng trong văn hóa nông nghiệp.

Con người chuyển từ hái lượm và săn bắt sang trồng trọt và chăn nuôi nên đồng thời cũng chuyển từ nơi tiếp giáp giữa đồi núi và đồng bằng về vùng đồng bằng có nhiều sông hồ kênh rạch, nơi tập trung những cánh đồng. Trong thời kỳ săn bắt, đặt bẫy thú hoang, trốn tránh sự tấn công của thú dữ, họ chỉ có thể lợi dụng địa vật địa hình trong cảnh quan tự nhiên. Trong vùng đất bằng phẳng rộng lớn, cho dù đặc điểm môi trường không giống như thời kỳ săn bắt, nhưng những ý thức về tự vệ và giữ gìn lãnh địa cư trú hình thành từ thời đại người nguyên thủy vẫn duy trì và chuyển từ đối phó với động vật sang đối phó với các nhóm người khác. Biện pháp thích ứng chủ yếu là những cách thức do con người tạo ra dựa trên tự nhiên, sống thành quần thể; đối với gia đình thì xuất hiện kiểu nhà tập thể (tứ hợp viện) hình hộp. Ở đây giáo sư Du Không Kiên đem công cụ tự vệ và giữ gìn lãnh địa cư trú do con người tạo nên liên hệ với định hình văn hóa sản sinh trong địa hình vùng trũng đặc thù xuất hiện ở vùng đồng bằng Trung Quốc. Ông đã giải thích một cách

khoa học mối liên hệ giữa quá trình phát triển của mô hình phong thủy và môi trường tự nhiên cùng với cảnh quan văn hóa.

Thứ ba, suy xét theo quan điểm triết học đối với "thuyết phong thủy" và dò tìm những hàm ý sâu xa của phong thủy.

Qua việc trình bày sự hình thành và phát triển của phong thủy, tác phẩm của giáo sư Du Khổng Kiên đã đề cập đến vấn đề then chốt của phong thủy, tức là tiến hành xem xét quan điểm triết học và dò tìm những hàm ý sâu xa của phong thủy. Trong quyển sách này, tác giả đã phân tích quan điểm triết học "duy khí luận" của cơ sở lý luận phong thủy, bắt đầu từ "thủy hóa" của "duy khí luận" (tức là mọi vật trong trời đất đều bắt nguồn từ khí âm dương), qua "cơ hóa" (tức là khí khí hội tụ thì trời đất hình thành), đến trình bày quá trình "hóa thành" (tức là khí âm dương xung đột với nhau, hòa hợp với nhau mà thành sinh khí, có sinh khí thì phúc lộc tràn đầy) và nêu ra rằng: "thuyết phong thủy" lợi dụng cái gọi là "khí cảm tương ứng, họa phúc và con người" để suy đoán mỗ mả tổ tiên tốt hay xấu có thể quyết định họa phúc đối với con cháu là thiếu căn cứ khoa học. Quan trọng nhất, khác với các tác phẩm phong thủy phổ biến khác ở chỗ ông vừa không mượn cái tên "duy khí luận" của văn hóa truyền thống để làm tăng thêm "màu sắc thần bí" của thuyết phong thủy, vừa không giới thiệu cơ sở lý luận triết học "địa lý khách quan", nhưng ông vẫn nêu ra chính xác:

"Không phải thuyết phong thủy gợi ra mô hình lý tưởng của người Trung Quốc (mô hình cảnh quan), trái lại, là mô hình cảnh quan lý tưởng có được từ nền văn hóa đã in hằn trong tim người Trung Quốc, dẫn đến những suy luận trực quan về cơ sở lý luận của thuyết phong thủy, tiến thêm một bước gán ghép vào hệ thống giải thích trên cơ sở triết học Trung Quốc". Cuối cùng, tác giả kết luận "cơ sở lý luận của phong thủy bản thân nó vốn không

có nhiều ý nghĩa to lớn, nhưng sự lý tưởng về cảnh quan trong tầng sâu của phong thủy mới thật sự đáng để chúng ta xem trọng. Đây cũng chính là điểm xuất phát của quyển sách này."

Từ những lời giới thiệu sơ lược trên, chúng ta có thể thấy được chỗ khác nhau giữa đặc điểm của quyển sách này và những tác phẩm khác. Đây là một quyển sách đáng đọc. Quyển sách này không dài nhưng lời văn giản dị, hình ảnh chú thích đầy đủ. Theo tôi hiểu, sự nghiên cứu của tác giả không đơn thuần chỉ là tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của thuyết phong thủy, mà còn muốn thể hiện trong thực tiễn công việc thiết kế và quy hoạch cảnh quan của mình để phát huy chân lý của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Tôi đã thấy nhiều sáng tạo mới của tác giả. Trên phương diện này, tôi hy vọng sau khi tác phẩm này xuất bản không lâu sẽ tiếp tục xuất bản những tác phẩm mới về cảnh quan lý tưởng của ông.

Wương Ân Dũng - Giáo sư đại học Bắc Kinh

Tự bạch của tác giả

Từ Bharat đến Mã Khắc Tư, từ Aristote đến Khổng Phu Tử, từ Jefferson đến Tôn Trung Sơn, vì hướng đến một xã hội lý tưởng nào đó nên con người luôn phấn đấu không mệt mỏi, dưới sự dẫn dắt của lý tưởng này thúc đẩy cải biến xã hội. Nhưng con người thường không chú ý đến một loại lý tưởng khác đi cùng với lý tưởng xã hội của nhân loại, đó chính là môi trường sống lý tưởng. Trong quyển sách này tôi gọi nó là cảnh quan lý tưởng, để nhấn mạnh kết cấu bố cục không gian của môi trường.

Tìm kiếm cảnh quan lý tưởng có thể có nhiều con đường, bao gồm cảnh quan lý tưởng trong thần thoại và tôn giáo. Ví dụ như núi thần, cảnh tiên trong thần thoại Trung Quốc cổ đại, chốn động tiên đất phúc trong đạo giáo, thế giới Tây phương cực lạc trong phật giáo; cảnh quan lý tưởng mà những nghệ thuật gia mô tả như tranh sơn thủy, thơ phong cảnh, cảnh quan lý tưởng trong nghệ thuật xây dựng hoa viên; cảnh quan lý tưởng phản ánh trong thống kê tâm lý học và những hành vi thường ngày... Thuyết phong thủy dung hòa với tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, thần thoại, nghệ thuật và hành vi thường ngày thành một thể, cho nên nó có thể thể hiện tổng hợp các loại cảnh quan lý tưởng trên. Loại cảnh quan lý tưởng này ẩn chứa trong mỗi người, mỗi dân tộc hoặc trong mỗi nền văn hóa. Thông thường sự cải tạo và thiết kế cảnh quan của con người là một việc người ta thường để bụng không nói ra, cho nên nói đến cảnh quan lý tưởng của nhân loại với những hàm ý sâu xa cũng giống như nói đến xã hội lý tưởng của nhân loại. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra một môi trường cư trú tươi đẹp. Vì thế việc tìm kiếm cảnh quan lý tưởng trong văn hóa Trung Quốc và làm rõ ý nghĩa sâu xa của nó đã trở thành một phương hướng nghiên cứu chủ

yếu của tôi trong mười mấy năm qua. Xem phong thủy như một loại hiện tượng văn hóa để nghiên cứu cảnh quan lý tưởng và hàm ý sâu xa mà nó biểu đạt, nhưng tôi sẽ không bình luận và giải thích bản thân vấn đề phong thủy, đó chính là điểm xuất phát chủ yếu của quyển sách này.

Kinh nghiệm về phong thủy của tôi bắt đầu từ khi tôi có thể ghi nhớ sự việc. Gia đình tôi sống ở thôn Đông Du huyện Kim Hoa tỉnh Triết Giang, nằm trong vùng trũng Kim Cù, bốn bề đều là núi, sông Kim Hoa nằm ở phía bắc, bao bọc ở phía tây là bờ cát trắng, phía trước thôn là một cánh rừng thông, con suối nhỏ xanh trong chảy ngang qua rừng thông, vòng qua trước nhà, được dẫn vào trong từng đầm trong thôn. Những cây long não cổ xưa ở đầu thôn che kín những mái ngói đen tường trắng. Người thôn quê đều tự khen rằng mình có một vùng đất phong thủy rất tốt. Mùa hè, mỗi khi màn đêm buông xuống, bọn trẻ chúng tôi vây quanh bà nội, cha và các chú các bác, ngồi trên tảng đá xanh cạnh dòng nước chảy qua trước cửa nhà, nghe họ kể đi kể lại câu chuyện tổ tiên dựng thôn lập nghiệp và thời thơ ấu của họ, đa số đều có liên quan đến cánh rừng màu đen ấy. Trong rừng có chôn hài cốt của tổ tiên, mọi người nói linh hồn của họ đang phù hộ cho chúng tôi. Trong màn đêm, trong rừng thông thỉnh thoảng có đốm lửa lân tinh (lửa ma) loé sáng, kèm theo đó là tiếng kêu như oán trách của chim cú mèo. Về thần bí và cảm giác kính sợ khiến tôi không bao giờ dám đến cánh rừng này. Cho đến khi tôi mười mấy tuổi mới có cơ hội bước vào rừng cùng với các anh tôi. Thì ra ở đây lại rất đẹp, những chú chim sẻ và chim khách nghỉ ngơi trên những cây thông cao to, những chú chồn hôi kết thành nhóm nô đùa, nước rạch vừa trong vừa mát, những chú cá ẩn hiện trong đám rong. Từ đó, nơi đây trở thành nơi tôi yêu thích nhất, cho đến nay thỉnh thoảng nó vẫn xuất hiện trong giấc mơ của tôi, và trở thành sân khấu của tất cả

đồng thoại rừng rậm mà tôi biết, và mãi mãi lưu giữ trong ký ức của tôi. Thật là luyến tiếc biết bao, mấy năm trước cánh rừng phong thủy tuyệt đẹp này và cả những cây long não phong thủy ở đầu thôn bị một số người nào đó đem bán đi. Từ đó, bọn trẻ chúng tôi không còn sự kính sợ cánh rừng phong thủy này, đương nhiên cũng không còn có cảnh đàn đồng thoại của rừng rậm mà tôi đã biết.

Khi còn nhỏ, sự kính sợ của tôi đối với phong thủy và cảnh quan của nó chỉ bởi vì những đốm "lửa ma" thần bí và tiếng chim cú mèo đáng sợ của cánh rừng phong thủy. Có một điều tôi tin rằng nó có liên quan trực tiếp tới vận mệnh của tôi. Cuộc đại cách mạng văn hóa hầu như chiếm hết những năm tháng niên thiếu của tôi, cha mẹ đều là phần tử "5 loại đen", mỗi ngày mẹ tôi sau khi chịu thâm vắn và đấu tranh với những lời phê phán, trở về, chỉ có than trách "phong thủy" của mồ mã tổ tông không tốt. Sau đó, anh trai tôi vì viết thư tố cáo đại cách mạng văn hóa mà bị ghép vào tội phản cách mạng, cũng vì thế mà nhiều lần ở tiểu học và trung học tôi bị cự tuyệt không cho nhập học. Mẹ tôi luôn miệng than trách phong thủy mồ mã tổ tiên làm cao, muốn đào mồ lên chôn lại. Như thế, tôi đã trải qua thời niên thiếu bị ảnh hưởng âm "không tốt lành" của phong thủy. Nhưng điều này hoàn toàn không thể ngăn cản tôi có những thể nghiệm đẹp đẽ đối với cảnh quan của quê hương. Nói đến cùng thấy lạ, năm 1980, tôi lại là một học sinh trung học duy nhất trong hơn 300 học sinh trung học của vùng này thi đỗ vào đại học. Thế là tiếng ngợi khen vang dậy, trong đó được khen ngợi nhiều nhất chính là phong thủy của nhà ở và mồ mã tổ tiên của gia đình tôi. Một ngày trước khi lên Bắc Kinh học, mẹ tôi dặn tôi lấy một nắm đất trong cánh rừng phong thủy trước thôn, dùng giấy đỏ và chỉ đỏ gói lại, cất kỹ trong rương hành lý. Từ đó trở đi, nắm đất quê hương mang theo phong thủy, thần linh của quê nhà luôn ở bên

tôi suốt nhiều năm sống ở phương Bắc, và cùng theo tôi lang bạt nhiều năm ở Âu Mỹ. ít nhiều đã mang lại cho tôi một chút cảm giác kỳ thác.

Có nguyên nhân nào đó không thể giải thích được đối với phong thủy, từ khoa này ở trường đại học cho đến khi làm nghiên cứu sinh chuyên ngành thiết kế quy hoạch cảnh quan (ở đại lục Trung Quốc gọi là chuyên ngành phong cảnh hoa viên). Trong những năm 80, phong thủy còn là một điều cấm kỵ rất nhạy cảm, tôi bèn bắt đầu điều tra các loại di vật "mê tín phong kiến" trong dân gian, phỏng vấn nhiều "thầy phong thủy" ở thôn quê, cuối cùng là tìm những đồ họa (hình ảnh) về phong thủy. Do quan hệ chuyên môn và bản tính thích du ngoạn, đi thăm ngọn núi nổi tiếng Đại Quyển, đi chi cổ mộ và động tiên đất phúc đã trở thành niềm hứng thú lớn nhất của tôi suốt mười mấy năm. Tôi thường mang theo lương khô và nước uống, một mình đi khắp vùng thôn quê. Trong thời gian đó, sự hiểu biết về các loại cảnh quan có truyền thuyết phong thủy thần bí rất thiết thực đối với tôi.

Là một nhà hoạt động thực tiễn và nghiên cứu thiết kế thành phố và cảnh quan, tôi thật sự xem trọng phong thủy-một hiện tượng văn hóa không được cao quý - và một nguyên nhân khác là kinh nghiệm thực tiễn chuyên môn của tôi. Còn nhớ vào những năm đầu của thập niên 90, nhận lời mời của một khu thương nghiệp mới, tôi đến Sơn Đầu làm công tác thiết kế quy hoạch cảnh quan. không ngờ người thẩm duyệt bản vẽ của tôi không phải là nhà chuyên môn thiết kế quy hoạch, mà là hai vị thầy phong thủy đến từ Hồng Kông. May mắn là tôi đã tôn trọng tín ngưỡng của vùng này, đồng thời xem xét và cho nó vào trong bản thiết kế. Kinh nghiệm lần này khiến tôi cảm thấy, làm một người thiết kế nên hiểu và tôn trọng tín ngưỡng và mô hình nhận thức cảnh quan của người chủ, tôn trọng quá trình

văn hóa và quá trình tự nhiên của vùng đất đó, trong đó bao gồm tôn trọng cảnh quan phong thủy và những hàm ý của nó. Đó là đạo đức nghề nghiệp cơ bản của nhà thiết kế. Còn nhận thức và hiểu rõ quá trình tự nhiên và quá trình văn hóa (bao gồm phong thủy) của vùng đất đó là tố chất chuyên môn cơ bản của nhà thiết kế. Tất nhiên, ở đây cần phải nhấn mạnh là nhà thiết kế "tôn trọng" và "hiểu rõ" tuyệt đối không phải là "tuyên dương" và đi theo con đường của các thầy phong thủy, mà phải làm cho mình cao hơn "thầy phong thủy", cần phải hiểu những tầng sâu xa của phong thủy và hàm ý bản chất cảnh quan của nó.

Nhận thức về phong thủy và bản chất của cảnh quan lý tưởng có thể quy về 3 vấn đề cần tìm hiểu sau đây :

1. Một cảnh quan phong thủy lý tưởng có những đặc trưng kết cấu gì? Nó có những ý nghĩa sâu xa nào?
2. Cảnh quan phong thủy lý tưởng và các cảnh quan lý tưởng khác trong văn hóa Trung Quốc có những đặc trưng chung nào? Tính kết cấu chung này chứng tỏ điều gì?
3. Phong thủy, cảnh quan lý tưởng của văn hóa Trung Quốc và các cảnh quan lý tưởng của các nền văn hóa khác có những điểm nào khác nhau? Tại sao lại có những điểm khác nhau này?

Câu nói "đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường" thật đúng. Sự hiểu biết về cảnh quan và khảo sát nhiều thực địa giúp tôi có được một chút linh ngộ về hàm ý bản chất của phong thủy. Đầu tiên tôi thể nghiệm được là giữa cảnh quan phong thủy lý tưởng và các cảnh quan lý tưởng khác có tồn tại một số hiện tượng kết cấu giống nhau. Đặc biệt là khi khảo sát nơi cư trú của người nguyên thủy như di chỉ văn hóa "Tiểu Hải Nam" ở Hà Nam, di chỉ "Mà Bá Nhân" ở Quảng Đông, tôi phát hiện thấy những

chùa miếu sau này chọn nơi xây cất cũng giống như sự chọn lựa nơi cư trú của người nguyên thủy, trùng điệp, thoát ẩn thoát hiện làm cho tôi cảm thấy được sự tồn tại của một giեն sinh vật nào đó trong mô hình cảnh quan lý tưởng. Để hiểu sâu hơn sự linh hội này tôi đã đọc và nghiên cứu các tác phẩm lý luận có liên quan của học phái nhận thức thẩm mỹ cảnh quan xuất hiện ở phương Tây vào những năm cuối của thập niên 70. Trong đó bao gồm mô hình "tín hiệu nhận thức môi trường", "thể nghiệm cảnh quan" và lý luận "hy vọng-bảo vệ". Những tác phẩm này đã được bổ sung với trình độ cao về tư tưởng thuyết tiến hóa nhân loại của Đac-uyn giúp lý giải hệ thống tri thức thẩm mỹ cảnh quan. Điều này giúp tôi có thể từ góc độ tiến hóa và sinh thái của nhân loại để nhận thức được tầng ý nghĩa sâu xa của một kết cấu nào đó của cảnh quan và phong thủy lý tưởng.

Cảnh quan văn hóa phương Đông và phương Tây tồn tại nhiều sự khác biệt rất rõ, bao gồm trên phương diện xử lý cốt trụ đường nét. Người phương Tây nhấn mạnh sự thông suốt của tầm mắt, nhưng trong văn hóa truyền thống Trung Quốc thì nhấn mạnh hơn tác dụng của kiến trúc khi tổ chức trong không gian. Trong việc chọn địa điểm xây dựng, văn hóa phương Tây thiên về điểm cao và điểm khống chế tầm mắt, nhưng trong văn hóa Trung Quốc thì thiên về kết cấu tính ẩn dấu và che chở ... Nếu chỉ nhìn từ góc độ tiến hóa hệ thống nhân loại, thì rất khó lý giải sự khác biệt này của phương Đông và phương Tây. Cho nên cần phải khảo sát sự truyền bá và kinh nghiệm sinh thái của từng nền văn hóa. Trong chừng mực nào đó, "tư tưởng của lý luận môi trường địa lý có vai trò quyết định" đã ảnh hưởng đến tôi rất lớn. Cho dù có nhiều người đang phê bình "lý luận môi trường địa lý có vai trò quyết định", nhưng từ ý nghĩa nào đó mà nói thì tôi vững tin rằng kinh nghiệm sinh thái của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc, đặc biệt là kinh nghiệm của thời kỳ

văn hóa định hình có tác dụng rất quan trọng trong việc hình thành mô hình cảnh quan lý tưởng và ý thức cảnh quan tốt xấu của dân tộc chúng tôi. Quyển sách này đặc biệt nhấn mạnh đến ý nghĩa tính then chốt của vùng đất trũng Thiểm Tây và dân tộc Chu trong cấu trúc cảnh quan lý tưởng của dân tộc Trung Hoa. Để tiến thêm một bước chứng minh tác dụng thích ứng đối với cảnh quan của môi trường địa lý và kinh nghiệm sinh thái của thời kỳ đầu định hình văn hóa, tôi còn khảo sát thực địa chuyên môn và thể nghiệm cảnh quan chịu tác dụng của khí hậu Địa Trung Hải, đồng thời tôi đặc biệt lưu ý khảo sát khởi nguồn và nơi định hình của văn hóa châu Âu, bao gồm đảo Crete và bán đảo Hy Lạp. Sự thể nghiệm cảnh quan và sinh thái của vùng định hình văn hóa Trung Quốc và văn hóa châu Âu hoàn toàn khác nhau khiến tôi tin rằng có tồn tại nhân tố gen di truyền văn hóa nào đó phía sau mô hình cảnh quan lý tưởng.

Phần lớn nội dung của quyển sách này được hoàn thành vào mùa hè năm 1992, cũng là lúc tôi nhận lời mời nhiệt tình của giáo sư Ngải Định Tăng cùng hợp tác viết quyển sách "Tìm hiểu sâu xa về phong thủy". Khi đó tôi định bán nhà (bao gồm cả sách vở) để chuẩn bị đi Mỹ, có thể nói nếu không có sự khích lệ và đốc thúc của giáo sư Ngải thì tôi không thể hoàn thành quyển sách này. Nguyên tác của quyển sách này là chương thứ nhất trong "Tìm hiểu sâu xa về phong thủy", có thời kỳ được xuất bản đồng thời ở Đài Loan và đại lục Trung Quốc. Sau đó quyển sách này dính dáng đến một số vấn đề nhạy cảm ở đại lục Trung Quốc nên không được xuất bản. Còn nhà xuất bản ở Đài Loan lại chê nội dung của quyển sách quá lý luận, thiếu giá trị thương mại, nên gác lại trong nhiều năm. Không ngờ tiên sinh Trần Bính Sâm của nhà xuất bản Điện Viên, Đài Loan truy tìm cái vô học trong nhiều năm, quyết định đưa lên khuôn in thật nhanh, đồng thời ở Bắc Kinh tôi viết xong những chữ cuối cùng.

Thành tâm như thế khiến tôi chỉ biết cảm động mà thôi. Thương Vụ Ấn Thư Quán khá tiếng tăm trong giới xuất bản trong nước cũng đồng ý xuất bản quyển sách này bằng chữ giản thể, giúp cho sự nghiên cứu của tôi thành công và ngày càng nhiều độc giả biết đến, khiến tôi rất vui mừng.

Nội dung chủ yếu của quyển sách này đã được báo cáo, giới thiệu nhiều lần ở Mỹ, Anh, Thụy điển, Hy Lạp, Nhật Bản và ở trong nước như trường đại học Bắc Kinh, đại học Thanh Hoa, đại học Nông Lâm Bắc Kinh, đại học Thâm Quyển, đại học sư phạm Nam Kinh, đại học sư phạm Hoa Đông, Viện khoa học Trung Quốc, hiệp hội môi trường Bắc Kinh, hiệp hội lâm viên Bắc Kinh, viện quy hoạch thành phố Trung Quốc. Đồng thời nhiều ý kiến phản hồi đều rất có ích cho việc hoàn thiện quyển sách này. Và tôi xin cảm ơn những học sinh của tôi. Một số công việc nghiên cứu và quá trình viết quyển sách này đã nhận được sự ủng hộ của phòng thí nghiệm sinh thái mở của hệ thống viện khoa học Trung quốc, quỹ khoa học tự nhiên quốc gia, quỹ nhân viên du học hồi hương của ủy ban giáo sư quốc gia. Cảm ơn hai vị Trịnh Diễm Lỗi và Vương Vĩnh Mai giúp tôi sửa lời văn. Cuối cùng tôi phải cảm ơn Cát Khánh Bình vợ tôi đã bỏ nhiều công sức cho tôi hoàn thành quyển sách này. Cô ấy không những để tôi tự do, không đòi hỏi trách nhiệm gia đình thường ngày, mà còn trực tiếp hỗ trợ tôi hoàn thành những hình ảnh minh họa sáng đẹp và viết lời khen cho bản thảo đầu tiên.

Yến Viên ngày 23 tháng 12 năm 1997.

Du Khổng Kiên

Lời nói đầu

Luận về phong thủy trong và ngoài nước từ xưa đến nay

Sách địa lý bắt đầu có từ Hoàng Thạch (cuối đời Tần đầu đời Hán) được kể tục bởi Quách Phác (đời Tấn), được thịnh hành do công của Dương Công (Dương Quân Tùng, đời Đường) và tuyệt hậu bởi những sách giả tạp nham xuất hiện, giả mạo những tên tuổi nổi tiếng (Tương Quốc, đời Thanh). Trước thập niên 50 của thế kỷ này sách địa lý được thịnh hành ở đại lục Trung Quốc, sau đó không lâu nó bị cấm đoán nhưng không thể ngăn chặn triệt để vì vẫn có một số người thích đọc chúng. Ngược lại, chúng thịnh hành hơn ở Đài Loan, HongKong và ở các vùng Đông Nam Á. Một điều khó tin là ở các thành phố lớn như New York và Wasington của Mỹ vẫn có nhiều người một lòng tin tưởng vào thuật phong thủy. Nghiên cứu nguyên nhân tồn tại của nó, ý kiến của các học giả không thống nhất với nhau. Điềm qua các quan điểm của một số học giả rất có lợi cho việc xác định vị trí và làm sáng tỏ lập luận của quyển sách này.

Sự quan tâm nghiên cứu thuật phong thủy của phương Tây từ Yates (1868) cho đến nay đã có 130 năm lịch sử. Nhưng ở những giai đoạn khác nhau, thì phong thủy đã có những sự đả ngộ hoàn toàn khác nhau. Ngoài vài trường hợp cá biệt (như Johnson, 1881 và Schlegel, 1890), tuyệt đại đa số giáo sĩ truyền giáo đạo cơ đốc trong thời kỳ đầu và bọn thực dân đều cho rằng phong thủy là phép phù thủy (Black art), mê tín và thuật lừa bịp. Phong thủy trở thành trở ngại lớn nhất cho tất cả các công trình hiện đại, bao gồm các hạng mục công trình phương Tây xem là cần thiết cho sự phát triển của quốc gia như giao thông đường sắt, kiến trúc cầu. Có tài liệu ghi chép rằng, để bảo vệ sự

tiến triển thuận lợi của các công trình, chính phủ đã từng phái quân đội đến để ngăn chặn hoạt động chống đối của những người bảo vệ phong thủy. Cũng chính vì bọn thực dân và các giáo sĩ truyền giáo thời kỳ đầu rất ghét phong thủy nên dẫn đến một số lượng lớn các sách phong thủy cổ quý giá bị đốt trụi.

Đến thế kỷ 20, tình hình có khác đi, thuyết phong thủy không những thu hút ngày càng nhiều các học giả phương Tây, mà địa vị của nó ngày càng cao. Needham đã khẳng định chắc chắn rằng nó có tác dụng đặc biệt và có vị trí quan trọng trong sự phát triển khoa học kỹ thuật của Trung Quốc; so với những phát minh khác của Trung Quốc như thuốc súng, kỹ thuật in và kim chi nam (la bàn) thì sự nhận thức và xem trọng phong thủy của thế giới phương Tây không đầy đủ. Nguyên nhân chính là những kỹ thuật khác rất dễ hòa nhập vào hệ giá trị của chủ nghĩa vật chất phương Tây vốn có. Michell (1973) tuyên bố thời kỳ thay đổi quan niệm giá trị truyền thống của phương Tây đã đến, nhận thức về phong thủy cũng nên xác lập lại.

Bennett (1978) gọi phong thủy là một loại "sinh thái học vũ trụ" (Astro-ecology). Ông đã khẳng định trong khái niệm phong thủy và nhấn mạnh mối quan hệ triết học giữa con người và môi trường. Ông cho rằng, cơ sở lý luận của phong thủy là lấy mối quan hệ giữa người và đất, người và vũ trụ làm nền tảng. Lip (1979, 1986) có cùng quan điểm với ông.

Họ đặt phong thủy ngang bằng với sinh thái học và địa lý học hiện đại. Mô hình phong thủy còn được dùng để xác định vị trí khảo cổ.

Có học giả cho rằng nền văn minh nông nghiệp truyền thống của Trung Quốc có một phần công lao của phong thủy (Michell, 1973; Skinner, 1982), đồng thời học giả này còn đem phong thủy sánh ngang với kỹ thuật châm cứu của Trung Quốc.

Hiệu quả của việc sử dụng kỹ thuật châm cứu đã sớm được chấp nhận rộng rãi. Thuyết phong thủy có ý nghĩa quan trọng và được phổ biến, sử dụng thích hợp ở phương Đông, cũng như ứng dụng thích hợp ở phương Tây (Skinner, 1982; Xu, 1990). Rosspach (1983). Phong thủy là mối liên hệ giữa con người với môi trường, là điểm then chốt của cuộc sống hiện đại và văn minh cổ xưa. Nó bao hàm tất cả những thành phần hợp logic, có lý tính, đồng thời nó cũng bao hàm những thành phần phi logic, không lý tính. Cho nên có người cho rằng khi xử lý các vấn đề thực tế phong thủy có ưu thế hơn khoa học.

Điều đáng chú ý ở đây là, sự thăng cấp trong thái độ của các học giả phương Tây đối với phong thủy là phát triển song song với sự quan tâm về nguy cơ sinh thái và môi trường toàn cầu. Từ kế hoạch sinh vật toàn cầu (IBP) của thập niên 60, kế hoạch khoanh vùng giữa sinh vật và con người (MAB) của thập niên 70 cho đến kế hoạch khoanh vùng sinh vật - khoanh vùng lục địa toàn cầu (IGBP) của thập niên 80 và từ các khái niệm hệ thống sinh thái (Ecosystem) đến khái niệm hệ thống sinh thái toàn thể nhân loại đã tìm ra phương thức xử lý giữa con người và tự nhiên. Các nhà sinh thái học hiện đại ngày càng tiến gần tới phương thức xử lý mối quan hệ giữa người với tự nhiên của người Trung Quốc cổ đại được thể hiện trong thuyết phong thủy, nghĩa là thuận theo tự nhiên mà hành động. Vì vậy "tư tưởng thiết kế tôn trọng tự nhiên" (Design with Nature) được các nhà thiết kế quy hoạch cảnh quan phương Tây hiện đại lấy làm tiêu chuẩn cao nhất, đồng thời nó trở thành một nền tảng lý luận chủ yếu của sự phát triển chuyên ngành thiết kế trong tương lai.

Đối với các cảnh quan chịu ảnh hưởng của phong thủy, dù là người khó tính nhất cũng phải khen ngợi. Ví dụ như Storrs

Turner, người cho phong thủy là không đúng, nói rằng: "Trong tận sâu thẳm tâm hồn của người Trung Quốc tràn đầy ý thơ". Riêng Needham có tình cảm sâu sắc đối với cảnh quan phong thủy của đại lục Trung Quốc, ông không ngớt khen ngợi: "Bất kỳ một người nào đã từng đi thăm qua Thập Tam Lăng đời Minh, đều có thể lĩnh hội được sức sáng tạo của các thầy phong thủy". Từ cảnh quan phong thủy có thể thấy được ý họa tình thơ của đất nước Trung Quốc.

Chức năng sinh thái của phong thủy được nhiều học giả thừa nhận. Nó bao gồm tính ưu việt các phương diện như thoát nước, tránh gió, ánh sáng của vùng đất cư trú. Họ cho rằng, trạch tốt lành của phong thủy vừa có thể tránh được tai họa lũ lụt vừa không mất đi nguồn nước ở gần bên.

Còn hiệu quả tâm lý và xã hội học thì càng hiện rõ, phong thủy đã hòa nhập vào trong mỗi con người và cả xã hội Trung Quốc truyền thống. Cùng với nhận thức đồng nhất của một nhóm người hay cả một gia tộc, thì hình tượng cá thể, hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động chính trị xã hội luôn liên hệ chặt chẽ với quan niệm xã hội của một nhóm người nào đó.

Một luận điểm có căn cứ là thế giới hiện thực trong mắt người Trung Quốc không giống như thế giới hiện thực của người phương Tây. Phong thủy chính là "Một thế giới nhận thức của người Trung Quốc, một phương thức nhận thức thế giới và xử lý thế giới hiện thực". Ý nghĩa này một mặt chịu sự tác động của phong thủy đối với cuộc sống, người Trung Quốc mới nhận thức và giải thích phong thủy; nó vượt ra ngoài hệ lý luận và quan niệm giá trị của phương Tây. Mặt khác, phong thủy có thể phản ánh một bộ phận nào đó của thế giới hiện thực nằm ngoài sự hiểu biết của người phương Tây. Cho nên, nếu đem mô hình phong thủy kết hợp với mô hình của phương Tây thì có thể cho

chúng ta một con đường nhận thức toàn diện hơn về thế giới, đặc biệt là nhận thức được những con đường của thế giới cuộc sống chúng ta.

Tôi hoàn toàn không muốn tiến hành thảo luận về kỹ thuật và lý luận của thuyết phong thủy. Nhiệm vụ này chủ yếu dành cho các thầy phong thủy và các học giả đang tranh luận không mệt mỏi về sự thật giả của phong thủy. Một điểm cơ bản của phong thủy trong quyển sách này là: phong thủy là một hiện tượng văn hóa, nó vượt ra ngoài bất kỳ ngành khoa học nào và vượt ra ngoài những tiêu chuẩn giá trị văn hóa khác. Công kích phong thủy là mê tín hay đề cao nó là khoa học đều không đủ để nói lên bản chất của phong thủy. Nó có hàm ý sinh thái văn hóa và sinh thái nhân loại trong tầng sâu của nó. Quyển sách này chủ yếu nghiên cứu cấu trúc, thiết kế mà thuyết phong thủy muốn đạt tới bằng cách dùng mô hình cảnh quan lý tưởng để giải thích môi trường, tìm hiểu ý nghĩa sâu xa và đặc trưng kết cấu của nó. Chúng ta sẽ thấy được mô hình phong thủy lý tưởng tồn tại sâu trong tâm hồn của người Trung Quốc. Nó là hình họa cấu trúc trên gien văn hóa và gien sinh vật của người Trung Quốc. Ngoài ra "thuyết" phong thủy còn là sự cách giải thích thêm cho hệ thống của loại hình họa sâu sắc này. Nhận thức ý nghĩa sâu xa của phong thủy, tôi thấy nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nhận thức về người Trung Quốc và văn hóa Trung Quốc của chúng tôi, tôi hiểu hơn về cảnh quan của đại lục Trung Quốc và tinh thần của nó. Việc cải tạo và sáng tạo cảnh quan hiện đại trở nên giàu ý nghĩa.

1

MÔ HÌNH PHONG THỦY LÝ TƯỢNG

1.1. MỘT MÔ HÌNH ĐÀU ĐÀU CŨNG CÓ

Mở ra lý luận của thuyết phong thủy cùng với sự thật giả của kỹ thuật, chúng ta biết được mục tiêu chủ yếu của phong thủy là căn cứ vào âm dương trạch để chọn một môi trường tốt nhất, tức cái gọi là "phong thủy tốt". Như thế nào mới được xem là phong thủy tốt? Trong "thuyết phong thủy" luôn luôn nhấn mạnh một mô hình hình tượng hoàn chỉnh cơ bản: "tả

thanh long, hữu bạch hổ, tiền chu tước, hậu huyền vũ" (phía Đông là rồng xanh, phía Tây là hổ trắng, phía Bắc là rùa, phía Nam là phụng hoàng). Trạng thái lý tượng của mô hình hình tượng này là: "rùa rút đầu, phụng hoàng bay lượn, rồng xanh uốn mình, hổ trắng phủ phục" ("táng thư") (hình 1). Dựa theo thể núi mà nói thì cảnh quan lý tượng đối ứng với mô hình hình tượng lý tượng này là "huyệt



Hình 1. Mô hình hình tượng phong thủy lý tượng (tác giả vẽ).

phong thủy nằm ở chỗ dừng của dãy núi, phía lưng dựa vào ngọn núi kéo dài, nằm gần bình nguyên (minh đường), xung quanh huyệt có dòng nước uốn cong hữu tình, hai bên được núi bao bọc, trước mặt Chiêu Sơn, Ấn Sơn tương ứng theo thế chấp tay vái" (hình 2).

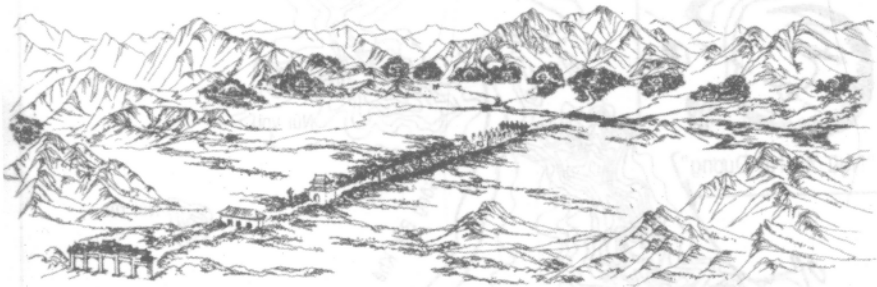


Hình 2. Mô hình cảnh quan phong thủy lý tưởng (mô phỏng từ sách cổ về phong thủy).

Mô hình phong thủy lý tưởng có thể thực hiện một cách hoàn mỹ nhất trong phong thủy âm trạch, một mặt cấu trúc và việc chọn địa điểm âm trạch thực chất hoàn toàn không có ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế (bất kể thuyết phong thủy đem phong thủy của huyệt mộ người chết liên kết với sự tốt xấu họa phúc của người sống như thế nào, sẽ nói rõ ở phần sau); mặt khác sự chọn lựa nơi chôn cất người chết trong một môi trường tự nhiên rộng lớn, nên vùng chọn lựa rất rộng. Dù hoàn cảnh khách quan hay chủ quan thì phong thủy lý tưởng đều có thể thực hiện với mức độ lớn nhất, cho nên, trước tiên chúng ta phải khảo sát qua một số ví dụ điển hình phong thủy âm trạch lý tưởng.

Mô hình phong thủy lý tưởng được thể hiện đầy đủ nhất trong Thập Tam Lăng. Nó được các nhà phong thủy nổi tiếng như nhà phong thủy Liêu Vận Khanh ở Giang Tây đã mất hơn hai năm đi khắp các vùng non nước Bắc Kinh, cuối cùng nhờ nhà phong thủy Chu Đệ xem xét lại và chọn lựa nơi tốt nhất mà được. Ở đây mạch dư của núi Yến quây vòng, bao bọc lại giống như con rồng lớn đang bay lên đột nhiên cúi đầu nhìn lại. Phía Bắc khu lăng mộ dựa vào núi Quân Đô, phía Nam hai núi Long

Hồ trấn giữ miệng huyết, nhiều dòng suối chảy ra từ những khe núi xung quanh, hội tụ lại trong vùng trũng (minh đường), mỗi lăng mộ nằm ven vùng vũng, đều lấy thế sơn hoàn thủy bao (núi vây quanh, nước bao bọc) (hình 3,4). Lăng mộ của các hoàng đế đời Thanh cũng có kết cấu phong thủy lý tưởng tương tự như thế.



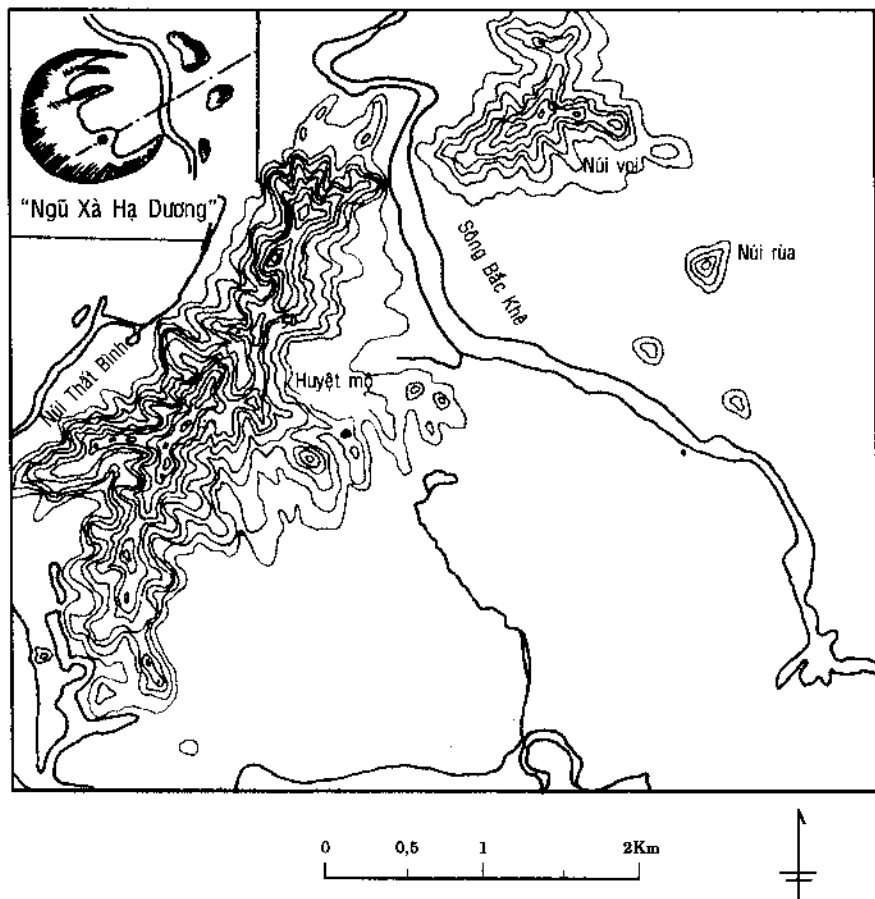
Hình 3. Toàn thể cảnh quan phong thủy của Thập Tam Lăng đời Minh (tác giả vẽ).

Chọn lựa địa điểm mồ mả tổ tiên trong dân gian mặc dù không sánh được với khí phách lăng mộ của hoàng đế nhưng cũng đều hết sức cố gắng thực hiện theo mô hình phong thủy lý tưởng. Trong hình 5, 6 tác giả đã vẽ lại thực địa cảnh quan phong thủy của mồ mả tổ tiên dòng họ Trần ở huyện Trùng Hải, Quảng Đông. Dòng họ này danh tiếng vang dội cả trong và ngoài nước, và là một trong những nhà Hoa kiều rất giàu có, rất hưng thịnh. Theo thuyết phong thủy, điều này có lẽ liên quan đến phong thủy mồ mả tổ tiên của họ. Vì vậy, thử làm một cuộc khảo sát kiểm tra thật tỉ mỉ sẽ tìm ra ý nghĩa điển hình. Mồ mả tổ tiên của dòng họ Trần đại thể nằm ở phía TÂY NAM nhưng hướng về phía ĐÔNG BẮC, dựa vào núi Thất Bình, nằm gần bình nguyên (đồng bằng), hai bên có gò đồi



Hình 4. Cảnh quan phong thủy Lăng hiển lễ của Thập Tam Lăng đời Minh (tác giả chụp).

bảo vệ, hiện lên cái thế "Ngũ Xà Hạ Dương" (năm con rắn trườn xuống nước); trước mình đường là núi Rùa và núi Voi khóa lại, dòng sông Bắc Khê uốn lượn ở phía trước huyệt. Bố cục này đại thể giống như Thập Tam Lăng đã nói trên.



Hình 5. Bản đồ bề mặt kết cấu phong thủy mô phỏng tổ tiên của dòng họ Trần ở Quảng Đông. Thế "Năm con rắn xuống nước" (tác giả căn cứ theo khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).

Qua việc xem xét các tài liệu ghi chép và hình vẽ mô tả tổ tiên trong gia phả các dòng họ trong dân gian, chúng ta có thể

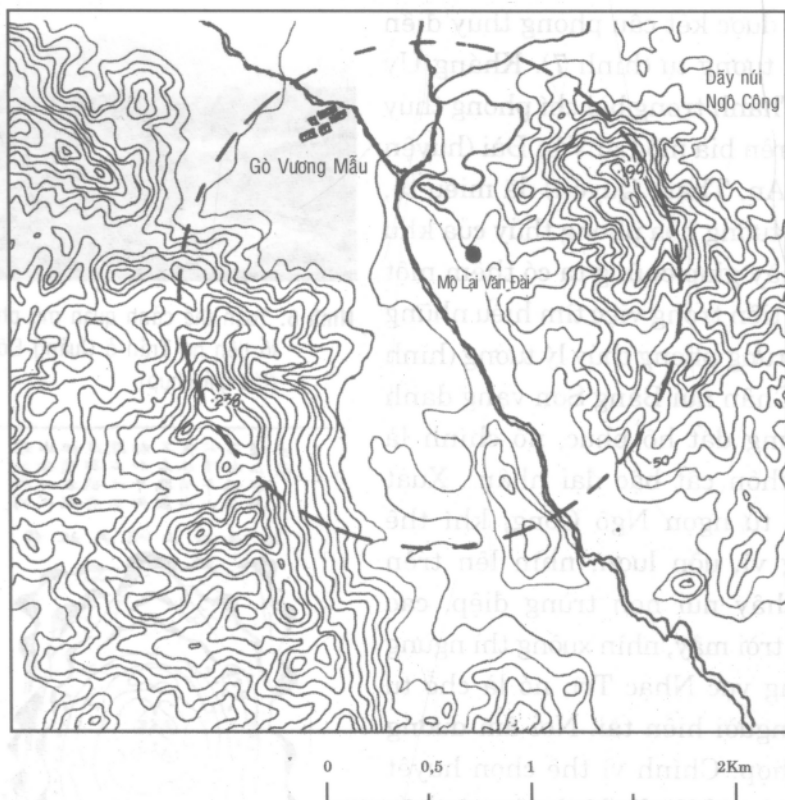
thấy được kết cấu phong thủy điển hình tương tự (hình 7). Kháng Uy đời Thanh trong bài chí phong thủy ghi trên bia mộ Lại Văn Đài (huyện Bảo An, Thanh Quyển) đã miêu tả, sự lý tưởng hóa phong thủy của khu mộ này giúp chúng ta có thêm một bước tiến trong việc tìm hiểu những đặc trưng phong thủy lý tưởng (hình 8): "Chân núi Bằng Sơn vang danh là vùng đất hổ phục, nó chính là nơi chôn cất bậc đại nhân... Xuất phát từ ngọn Ngô Công, khí thế hùng vĩ, uốn lượn, nhìn lên trên thì thấy núi non trùng điệp, cao ngất trời mây, nhìn xuống thì ngừng ở lòng vực Nhạc Trĩ, nó là chỗ tụ họp người hiền tài. Nơi âm dương hòa hợp. Chính vì thế chọn huyệt này, phân biệt địa hình của nó, thấy cái thế rất tốt, rất giống tư thế hổ quỳ, từ đó lấy tên nó là hổ khát uống nước và dự đoán nên điều tốt lành của nó...". Trong tình hình sức người có thể làm được, thông qua chính kết cấu của trạch mộ và sự cải tạo trực tiếp môi trường của nó cùng với một số vật cấu trúc nhân tạo có ý nghĩa tượng trưng, họ vẫn cố gắng hết sức để thực hiện một trạng thái lý tưởng nào đó của phong thủy (hình 9,10).



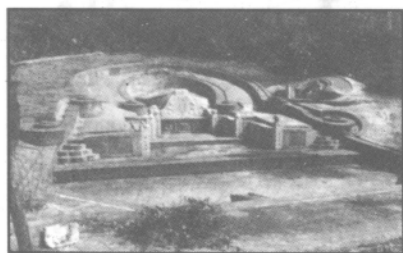
Hình 6. Toàn thể cảnh quan mộ phần tổ tiên họ Trần ở Quảng Đông (tác giả chụp).



Hình 7. Một ví dụ về phong thủy mộ mà điển hình được vẽ trong gia phả dân gian (trích từ gia phả dòng họ Hoàng ở Giang Hạ).



Hình 8. Địa hình thực tế của phong thủy được miêu tả trong bài minh phong thủy ghi trên mộ chí Lại Văn Đài ở Thâm Quyển (tác giả căn cứ vào khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).

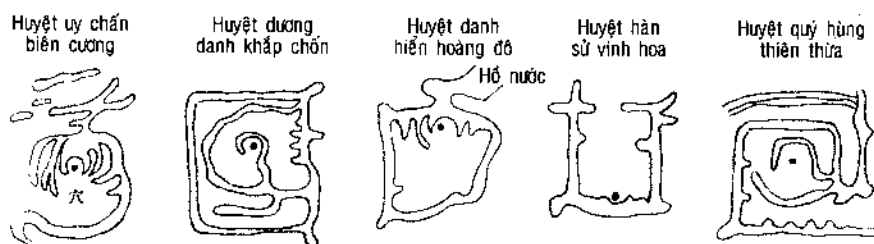


Hình 9. Thực nghiệm một đặc trưng phong thủy lý tưởng thông qua kết cấu của chính mộ trạch (tác giả chụp).



Hình 10. Thông qua huyết mộ trực tiếp cải tạo môi trường sinh thái, thực nghiệm một kết cấu phong thủy lý tưởng nào đó (tác giả chụp).

Trên cơ sở phong thủy vùng núi, thuyết phong thủy cũng đem mô hình phong thủy lý tưởng đó mở rộng ra phong thủy vùng bình nguyên (1) tức là chủ yếu lấy hệ thống dòng nước để khảo sát phong thủy. Hai loại hình phong thủy này thống nhất trên kết cấu, gọi là "đồng bằng lấy nước làm núi" (Thiên Nguyên Cửu Lạc), "chôn ở núi thì dựa vào cốt (đá), chôn ở đất thì dựa vào huyết (nước)" (Quy Hậu Lạc). Mô hình lý tưởng của phong thủy đồng bằng vẫn là dòng nước uốn khúc bao quanh, trông thật hữu tình. Quan hệ giữa huyết phong thủy tốt và nước không ngoài ba bố cục cuối rộng (giữ nước ở phía sau), kẹp rộng (dựa vào nước ở bên cạnh) và leo lên rộng (tự nguồn nước ở phía trước), tốt nhất là bố cục cuối rộng (Quy Hậu Lạc). Hình 11 là một vài mô hình lý tưởng khi chọn huyết ở đồng bằng. Qua đó ta có thể thấy chúng đi ra từ cùng một mô hình phong thủy vùng núi như đã nói trên và có tính kết cấu đồng nhất.

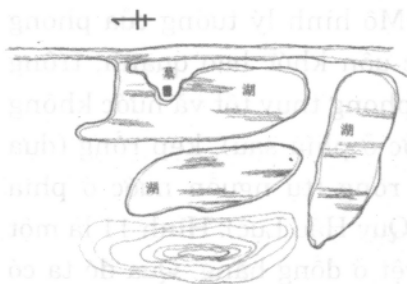


Hình 11. Một số mô hình phong thủy bình nguyên lý tưởng điển hình (căn cứ theo "Quy Hậu Lạc")

Một ví dụ phong thủy bình nguyên điển hình là chọn địa điểm đặt đến quyền cao chức trọng cho hoàng đế họ Trịnh ở xã Hoa Phú huyện Trùng Hải, Quảng Đông. Hoàng đế họ Trịnh là một trong năm đại đế của nước Thái (Một nước nhỏ của dân tộc Thái ở Trung Quốc ngày xưa). Theo sách của dòng họ xã Hoa Phú ghi lại thì thuở nhỏ ông theo cha đến sống ở đất Thái, về sau trở

(1) Phong thủy bình nguyên: Tức là phong cảnh của vùng đồng bằng, đối ứng với cách nói phong thủy của vùng núi.

thành Hoàng đế. Trong những năm vua Càn Long đời Thanh cai trị, cảnh quan xung quanh mặc dù có một số biến đổi, nhưng nhìn chung kết cấu phong thủy vẫn hiện lên rất rõ và có thể phân biệt. Mộ nằm ở phía Tây hướng về phía Đông, bố cục cuội rồng, lưng dựa vào hồ nước, huyết mộ nằm đưa vào trong nước thành dạng bán đảo, các khe nước quần vòng xung quanh (hình 12,13).



Hình 12. Sơ đồ cảnh quan phong thủy quyền cao chức trọng Hoàng đế họ Trịnh (tác giả căn cứ theo khảo sát thực địa ước lượng đo đạc).

Hình 13. Cảnh quan phong thủy quyền cao chức trọng - điển hình của phong thủy bình nguyên lý tưởng (tác giả chụp).

Phong thủy lý tưởng đương trạch ra đời từ một con đường phong thủy âm trạch, điểm khác nhau chỉ là hình dạng bố cục to nhỏ khác nhau (Thiên Nguyên Cửu Lược). Nhưng so sánh với phong thủy âm trạch thì việc chọn địa điểm và cấu trúc đương trạch rõ ràng chịu sự hạn chế của tính hiệu quả và lợi ích (như điều kiện giao thông, quan hệ với hàng xóm...), mức độ tự do đương nhiên cũng không sánh được với phong thủy âm trạch, mức độ thực hiện mô hình phong thủy lý tưởng tự nhiên sẽ phải thấp hơn phong thủy âm trạch. Để hiện thực và lý tưởng được hòa điệu nhịp nhàng phải thông qua một số tiểu phẩm phong thủy có ý nghĩa tượng trưng như đình, cầu, gác, tháp, cửa và rừng cây, hồ nước... để đạt đến mức lý tưởng hóa kết cấu phong thủy tự nhiên.

Kết cấu phong thủy của thôn Hoàn huyện Y Nam, An Huy có tính phổ biến của phong thủy vùng nông thôn (hình 14, 15). Khảo sát các gia phả dân gian Trung Quốc, ta thấy nó là nguồn

cung cấp tư liệu phong phú cho chúng ta tổng kết mô hình phong thủy lý tưởng trong việc quy hoạch và chọn địa điểm thôn. Ở phương diện này đã có nhiều người thực hiện, về điểm này không tiện bàn luận nhiều. Mô



Hình 14. Cảnh quan phong thủy của thôn Hoành ở miền Nam tỉnh An Huy (tác giả chụp).

hình lý tưởng cơ bản nhất của nó vẫn là gối lên núi, núi bao quanh, che chắn bình nguyên (hình 16, 17). Trong mô hình cơ bản này, ta có thể thấy tổng thể những đặc trưng phân bố thôn xóm trong vùng trung khu vực miền núi Trung Quốc.



Biểu đồ hình tượng

Hình 15. Mặt phẳng kết cấu phong thủy của thôn Hoành ở miền Nam tỉnh An Huy (tác giả căn cứ khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



Hình 16. Mô hình phong thủy đường trạch lý tưởng (tác giả vẽ).

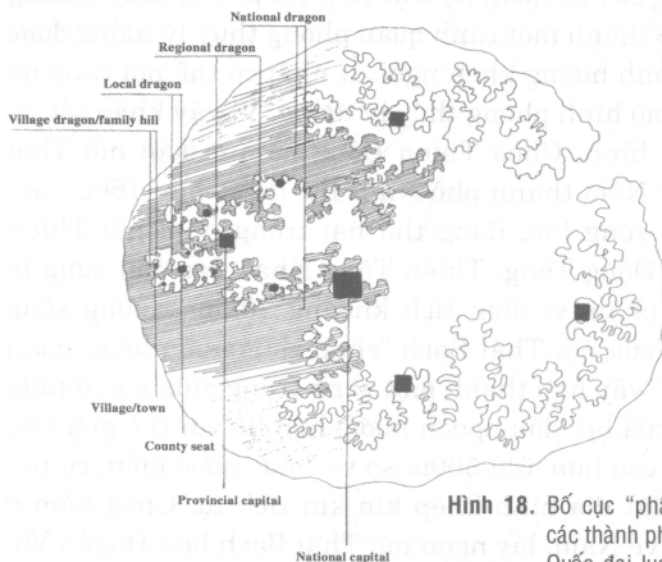
Đối với phong thủy lý tưởng của thành thị có rất nhiều học giả đã tìm hiểu (Thích Hành, Phạm Vi, 1989; Khuất Du Hiến Nhị, 1989; Lô Minh Cảnh, 1990; Vu Hy Hiền, 1990). Bản chất mô hình của nó không khác với mô hình phong thủy thôn xóm và mô hình phong thủy huyết mộ. Với cùng một cách giải thích và xây dựng mô hình, từ thủ đô của đất nước đến nha huyện châu phủ, toàn thể vùng đất rộng lớn Trung Quốc, tất cả đều đã tạo nên một bố cục phong thủy "phân hình" nào đó (Fractal Pattern) (hình 18, 19).



Hình 17. Cảnh quan phong thủy thôn xóm điển hình (tác giả chụp. vùng Nhân Hóa, Quảng Đông).

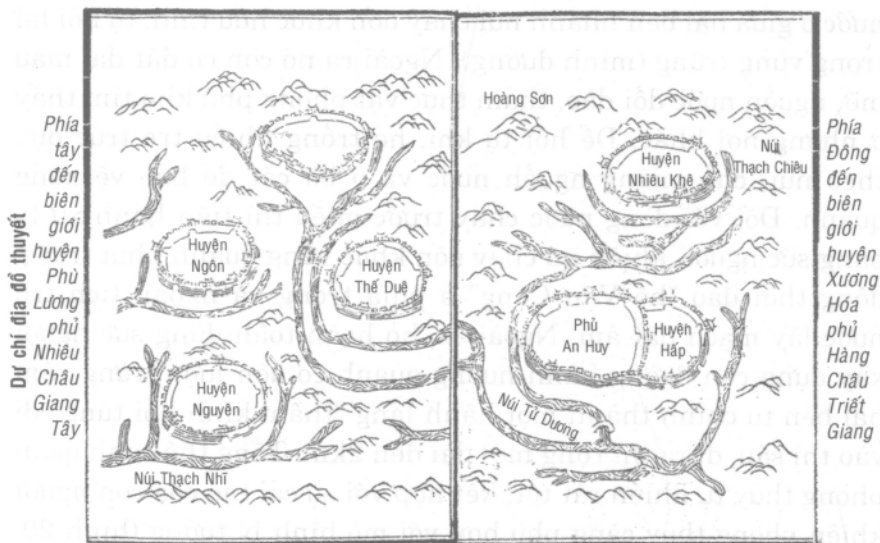
Cuối cùng, tìm hiểu bố cục phong thủy điển hình trong việc chọn địa điểm và xây dựng chùa miếu, chúng ta có thể khảo sát một chút toàn thể kết cấu cảnh quan của chùa Thiên Đồng. Nó cũng giống như đa số các chùa, am Phật giáo khác, nhưng chùa Thiên Đồng cũng là nơi cư trú trên núi của những vị sư đi vân du thuyết pháp. Bản thân nó

hoàn toàn không có mối quan hệ trực tiếp với phong thủy, nhưng về sau thì lại trở thành một cảnh quan phong thủy lý tưởng được những nhà đi hành hương khen ngợi. Ít nhất có thể nói rằng nó đã phù hợp với mô hình phong thủy lý tưởng. Vì vậy khảo sát nó có ý nghĩa điển hình. Chùa Thiên Đồng nằm ở dưới núi Thái Bạch phía Đông Nam thành phố Ninh Ba, đã có hơn 1600 năm lịch sử, quy mô rộng lớn, đứng thứ hai trong năm núi Thiên Tông, được Tào Động Tông, Thiên Tông Nhật Bản tôn xưng là chùa tổ. Trong phạm vi diện tích khoảng 20km², xương sống mạch núi chính của núi Thái Bạch "chập chùng uốn lượn, quán quanh hữu tình", vây hợp thành một vùng trũng giữa núi, ở phía Tây chỉ có một cửa hở (đầu nguồn nước) liên hệ với thế giới bên ngoài. Sóng núi cao hơn 400-500m so với mực nước biển, có thể gọi nó là vùng đất địa hình khép kín khí tích tụ. Chùa nằm ở phía Bắc hướng về Nam, lấy ngọn núi Thái Bạch làm Huyền Vũ. Từ ngọn núi chính phân ra làm nhiều nhánh rẽ hai bên Đông Tây, ngồn ngèo chạy xuống phía Nam, bao bọc hai bên, dòng nước ở giữa hai bên nhánh núi chảy uốn khúc hữu tình, tụ hội lại trong vùng trũng (minh đường). Ngoài ra nó còn có đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, thảm thực vật phong phú khó tìm thấy ở những nơi khác. Để hội tụ khí, họ trồng nhiều tre trúc dựa theo núi, chỗ miệng nguồn nước và ở bờ cát để bảo vệ xung quanh. Đối với dòng nước chảy trước miếu thì tiến hành xử lý bằng sức người, khiến nó chảy uốn khúc vòng quanh phía trước, đồng thời đào "hồ Vạn Công" ở phía trong và ngoài, tích trữ nước lấy mạch đất âm. Ngoài ra, họ hoàn toàn dùng sức người xây dựng con đường hành hương quanh co uốn lượn, rừng rậm hai bên tu chỉnh thành một hành lang "thâm kính hồi tàng"(đi vào thì sâu, đi ra thì rộng mở) dài đến 2km. Tổng thể cảnh quan phong thủy tự nhiên rất tốt, kết hợp với sự cải tạo của con người khiến phong thủy càng phù hợp với mô hình lý tưởng (hình 20, 21). Cũng với kết cấu giống như thế chúng ta có thể gặp trong các địa điểm chọn xây chùa miếu ở núi Tây Bắc Kinh (hình 22, 23).



Hình 18. Bố cục “phân hình” phong thủy các thành phố chung quanh Trung Quốc đại lục.

Phía Bắc đến biên giới huyện Thái Bình phủ Duệ Quốc



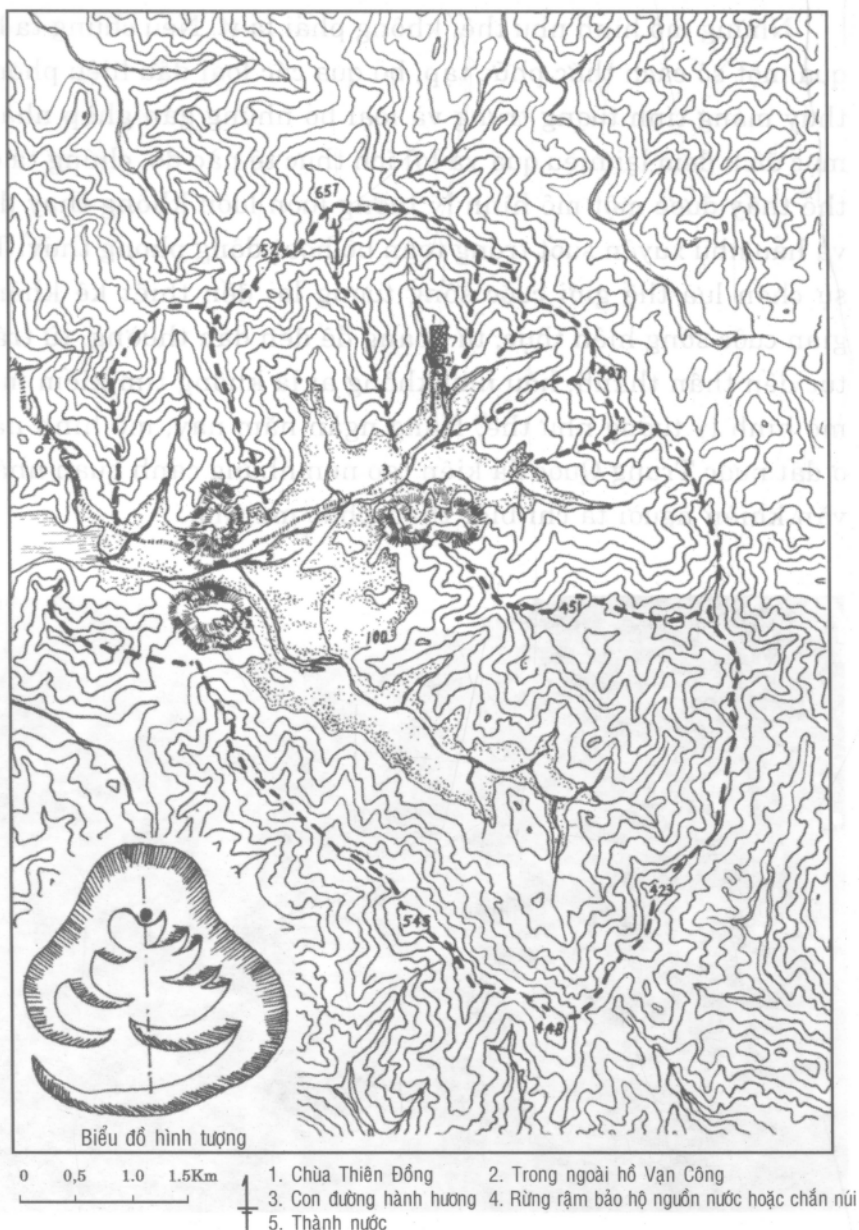
Phía Nam đến biên giới huyện Toại An phủ Nghiêm Châu

Hình 19. Giải thích mục đích bố cục cảnh quan Châu phủ huyện nha của tỉnh An Huy (Thanh Anh Huy phủ chỉ).

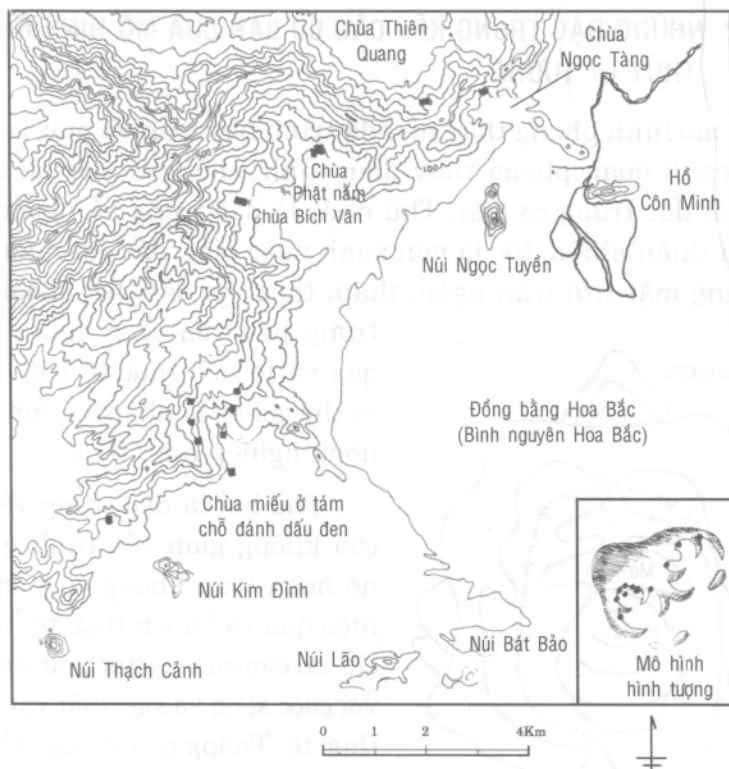
Những mô hình như thế, không phải là ít. Nếu chúng ta bỏ qua một số cách thức phức tạp, bỏ qua các loại dấu hiệu phong thủy mang tính tượng trưng và loại bỏ những gán ghép nhằm mục đích đem lại hiệu quả và lợi ích thực tế nào đó, chúng ta có thể thấy được một mô hình lý tưởng luôn luôn không thay đổi và hầu như xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động phong thủy. Từ sự chọn lựa thế giới cuộc sống tương lai đến thiết kế không gian cuộc sống hiện thực, từ hoàng đế đến dân thường, từ trần tục đến thần thánh, hầu như không ai là không tìm kiếm một mô hình lý tưởng như thế. Hàng ngàn năm nay, mô hình này ở đất nước Trung Quốc đã kiến tạo nên những cảnh quan nhân văn khiến người ta chỉ biết thán phục mà thôi.



Hình 20. Cảnh quan phong thủy chùa Thiên Đồng (tác giả chụp).



Hình 21. Bản đồ địa hình phong thủy chùa Thiên Đồng (tác giả căn cứ theo khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



Hình 22. Địa hình tổng thể của các chùa miếu ở núi Tây Bắc Kinh (tác giả căn cứ theo khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



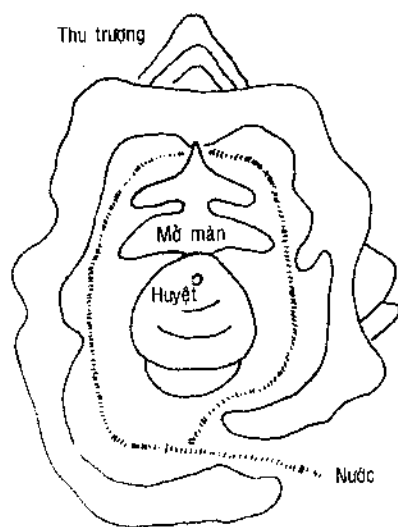
Hình 23. Tổng thể cảnh quan Chùa Bích Vân (tác giả chụp).

1.2. NHỮNG ĐẶC TRƯNG KẾT CẤU CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH PHONG THỦY LÝ TƯỢNG

Từ mô hình phong thủy như đã trình bày trên và một loạt ví dụ về cảnh quan phong thủy điển hình, chúng ta có thể thấy được hai đặc trưng cơ bản. Thứ nhất là đặc trưng về nguồn tài nguyên thiên nhiên, tức là non xanh nước biếc, đất đai màu mỡ, ánh sáng mặt trời tràn ngập, thảm thực vật đầy đặn... Loại đặc

trưng này vốn có ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế trực tiếp, có thể gọi nó là nhân tố sinh thái nông nghiệp hiện thực.

Thứ hai là đặc trưng về kết cấu không gian của cảnh quan, nó hoàn toàn không có ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế, thậm chí nó còn có ý nghĩa tiêu cực đối với cuộc sống và sản xuất vật chất thực tế. Thông qua chúng, chúng ta có thể nhận thức ý nghĩa ở tầng sâu hơn của phong thủy lý tượng. Những đặc trưng kết cấu cơ bản này bao gồm :



Hình 24. Mỏ mìn và thủy trường mô phỏng từ sách cổ phong thủy

1.2.1. Bao bọc và che chắn

Xung quanh minh đường (1) của phong thủy lý tượng "từng lớp núi vây như thành trì cho nên giữ được long khí", tức cái gọi là La thành (2) vây kín xung quanh. Trong La thành lại có Thủy thành (3): "trước minh đường những dòng kênh khe nước, vây

(1) Minh đường: Là một thuật ngữ phong thủy, chủ về nói khí địa hội tụ trước mộ, tức là chỗ đất trống trước huyệt vị phong thủy.

(2) La Thành: Nhấn mạnh vào phong thủy, một vòng thành nhỏ hình nhô ra vây thêm bên ngoài tường thành. Đây là cảnh quan hợp vây do núi xung quanh cấu thành.

(3) Thủy thành: Cảnh quan hợp vây do nước cấu thành.

lấy long khí, ví như thành trì bao hộ...thủy thành bao bọc hội tụ" (Sơn Long Loại Ngữ). Trong La thành, Thủy thành này, hai bên huyết phong thủy có bờ cát bao quanh; phía trước có Chiêu Sơn, Ấn Sơn làm bình phong, cấu tạo thành một không gian che chắn và bao bọc nhiều tầng. Ngoài kết cấu bao bọc và che chắn của thiên nhiên ra, các cấu trúc nhân tạo như xây tường vây quanh, vách ngăn, rừng phong thủy xung quanh huyết, đã làm mạnh thêm rất nhiều chức năng che chắn và bao bọc.

1.2.2. Ven biên và nương tựa

Huyệt lý tưởng cần phải lấy cái thế dựa vào núi và ở kề bên nước. Nơi thích hợp nhất là ở chỗ dừng của mạch núi. Khu Thập Tam Lăng đời Minh ở ven một góc của đồng bằng Hoa Bắc rộng lớn và mỗi lăng mộ đều lấy thế ven vùng trung của Thập Tam Lăng, đó chính là một ví dụ điển hình (xem hình 3). Việc chọn địa điểm của các chùa miếu ở núi Tây Bắc Kinh đa số cũng có đặc trưng này (hình 22, 23). Đối với ba bố cục cuối rộng, kẹp rộng và leo lên rộng trong phong thủy bình nguyên, không có bố cục nào là không dựa ven nước.

1.2.3. Cách ly và thai tức (sinh sôi, nảy nở)

Trong kết cấu phong thủy lý tưởng, giữa huyết phong thủy và cảnh quan môi sinh (matrix) xung quanh hình thành một dạng so sánh và cách ly không gian, trong núi lớn tìm núi nhỏ, trong núi nhỏ tìm chim hạc giữa bầy gà (tức là trong núi nhỏ chọn vị trí tốt so với những vị trí khác). Từ đó tìm ra vị trí huyết tương đối độc lập. Huyệt phong thủy lặn sâu vào trong nước thành dạng bán đảo, hoặc xung quanh có dòng nước chảy vòng quanh thành hòn đảo. Mặc dù huyết phong thủy có bốn loại nang (ổ lõm), kiềm (dạng giống như cây kiềm), nhũ (giống hình bầu vú), đột (nhô ra ngoài), nhưng lại lấy loại huyết "đột" làm đặc trưng lý tưởng

chung của tinh huyết: cái gọi là "phàm tinh huyết khởi đỉnh đều gọi là đột", "huyết không khởi đỉnh thì không phải là huyết chân chính". Tức là đầu huyết nhô ra phía trên mình đường, "như chiếc ly đặt trên mâm, như cái nhân mọc ra chân", nhìn xuống là mình đường, nhìn xung quanh là La thành. Mặc dù huyết dựa vào

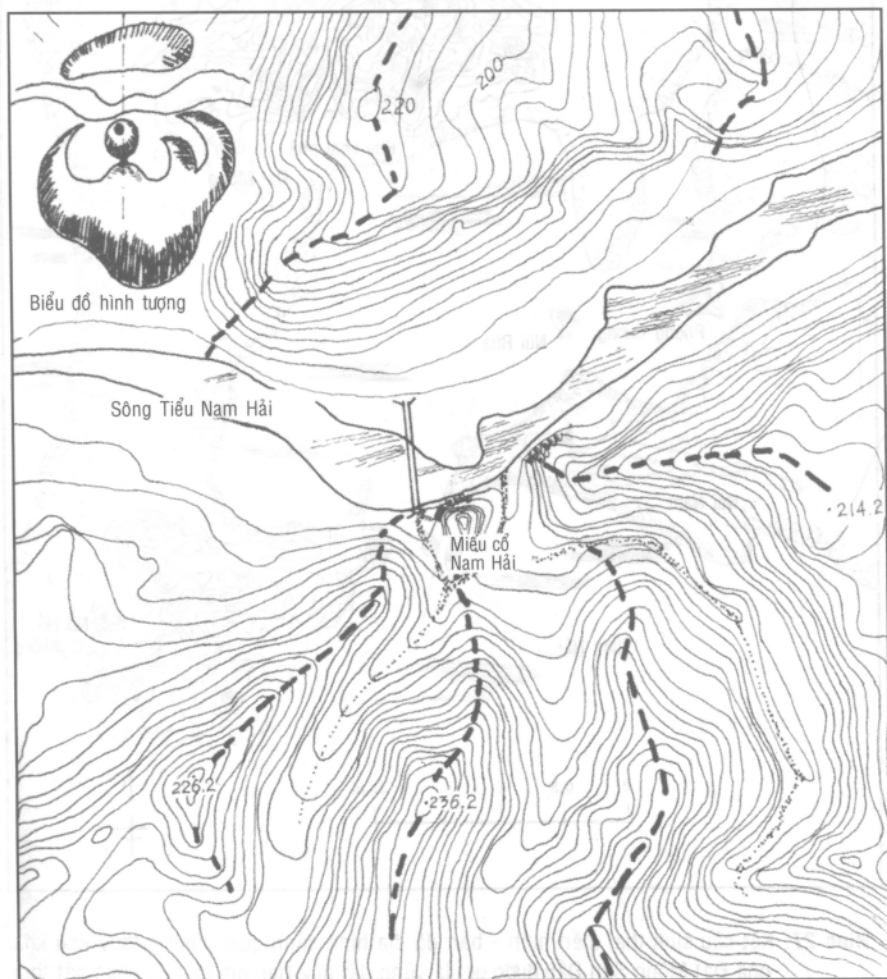


Hình 25. Vùng huyết chùa miếu tương đối độc lập tạo thành kết cấu cách ly sinh thái điển hình - Tiểu Nam Hải An Dương Hà Nam (tác giả chụp)

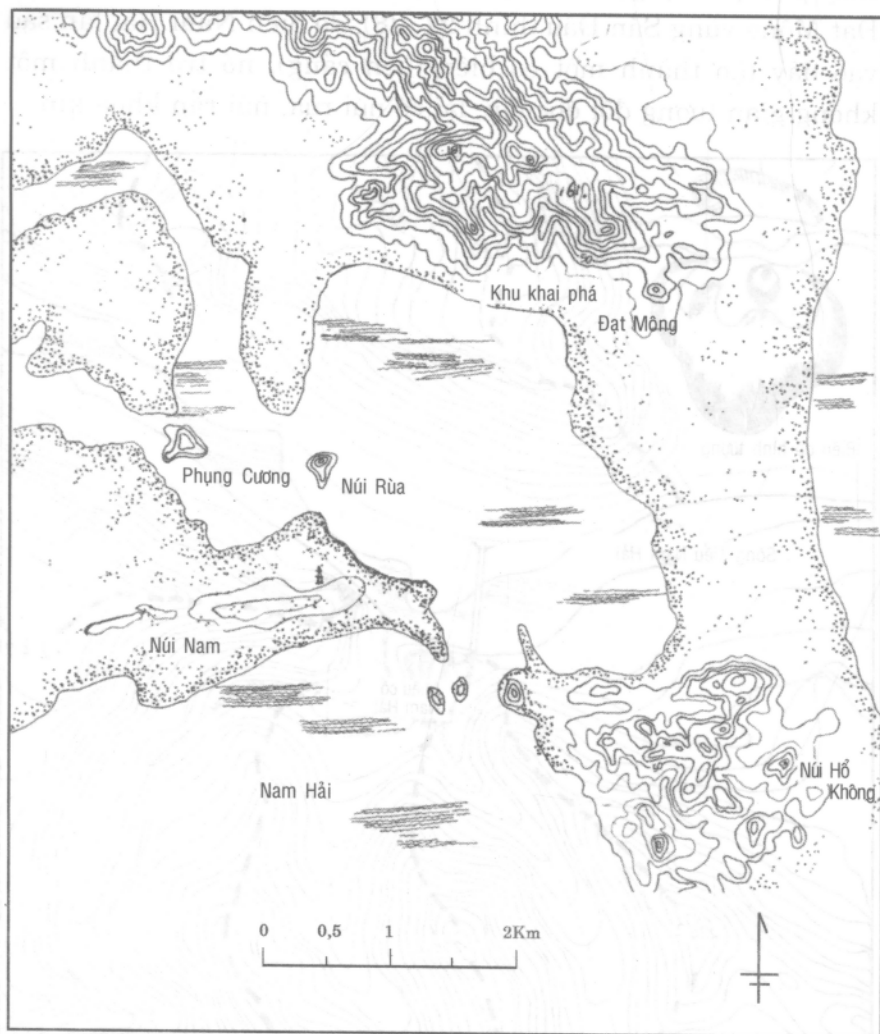
núi cha mẹ, ông bà, nhưng ngọn núi gồ đầu huyết cần phải "kết yên thúc khí", "biểu hiện lưng ong gồ hạc", giống như kéo dài liên tục nhưng lại đứt đoạn, đây chính là thai tức (hình 24). Thai là nguồn gốc huyết từ núi cha mẹ, núi ông bà mang thai phân nhánh mà ra. Tức là chỉ sau khi núi cha mẹ mang thai, và có hơi thở riêng của mình, tách rời khỏi núi cha mẹ, rồi lại gồ đầu lên gây Huyền Vũ sau đó kết thành huyết. Ngoài các ví dụ thực tế trên còn có những đặc trưng cách ly do thai tức mà tạo thành ở các ví dụ trong bản vẽ hình 25, 26, nó hiện rõ và dễ thấy.

Dựa theo rồng núi mà nói thì "rồng đi bằng dòng chính, huyết kết bằng nhánh". Sông lớn chảy dài ngàn dặm, chẳng qua chỉ là con rồng lớn đi ngang qua mà thôi, không thể sinh thai. Hồ lớn "cái thể của nó tản mạn, cho dù ở ngay chính giữa, cũng e khó tụ khí. Nếu như hồ ngoài rộng lớn, nhưng có một góc trong tích thành hồ nhỏ, thì giống như hút nước vào miệng. Và nếu như hồ ngoài chảy thẳng, nhưng có một góc hơi uốn cong vào, thì giữa nó có một cồn cát vây kín lại. Nhìn theo dòng nước chảy ở khu này thì hồ lớn là dòng chính, hồ nhỏ là nhánh, hồ lớn là đường thoát, còn hồ nhỏ là đường tụ thai, tức là thai rồng, nó là vùng đất quý". (Quy Hậu Lục, chương Cự Tầm). Một ví dụ điển hình được các bậc

thầy phong thủy gọi là vùng đất quý chính là khu khai phá mới Đạt Mông vùng Sán Đầu (hình 27, 28), do biển Nam Hải lấn sâu vào đây tạo thành một eo biển (bến cảng), nó trở thành một không gian tương đối độc lập, lại có núi rùa, núi rắn khóa kín.



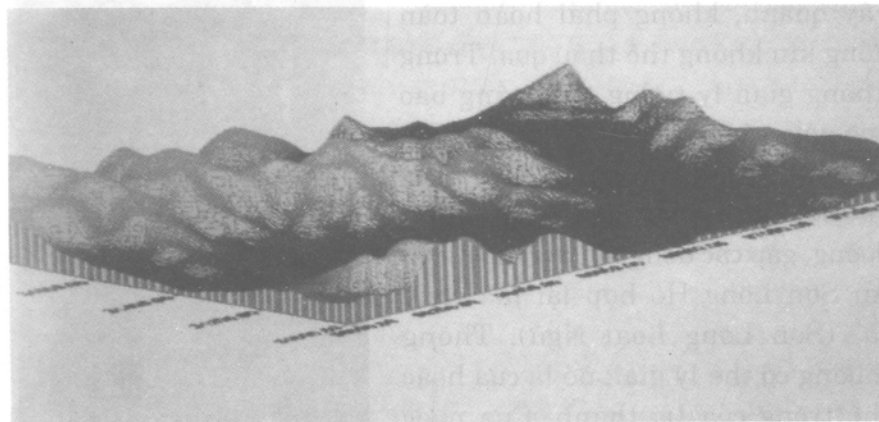
Hình 26. Bản đồ địa hình kết cấu phong thủy sinh thái điển hình - Tiểu Nam Hải, An Dương, Hà Nam (tác giả căn cứ khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



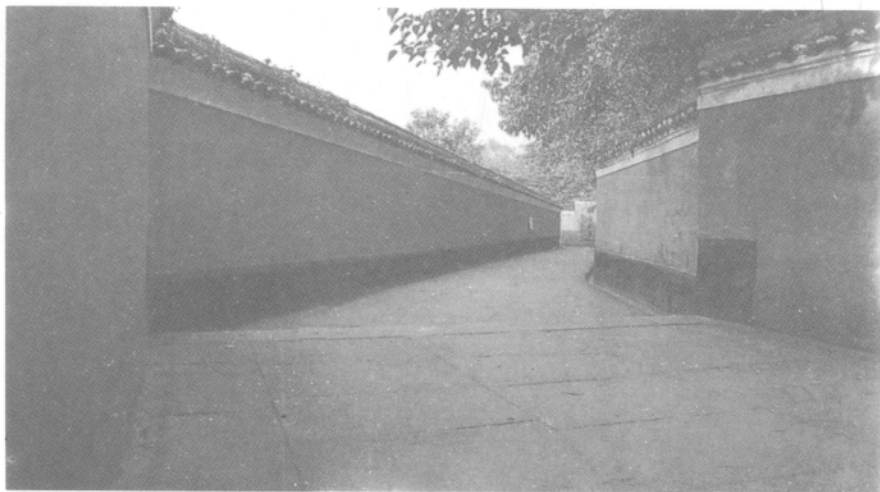
Hình 27. Kết cấu sinh thái điển hình - bản đồ địa hình cảnh quan phong thủy khu khai phá Đạt Mộng Sầm Đầu được gọi là vùng đất quý (tác giả căn cứ khảo sát thực địa và hiện trạng địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



Hình 28. Kết cấu sinh thái điển hình - Tổng thể cảnh quan khu khai phá Đạ Mông (tác giả chụp).



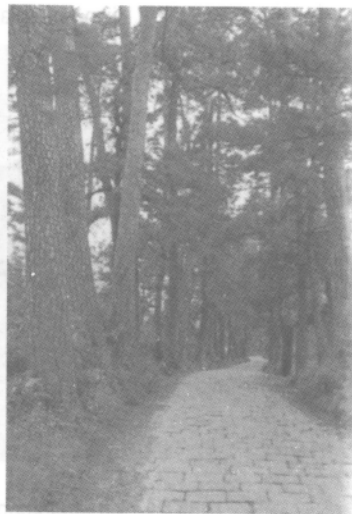
Hình 29. Mô hình không gian 3 chiều cảnh quan phong thủy khu Lăng mộ ở Bảo Sơn, Thẩm Quyển (tác giả vẽ).



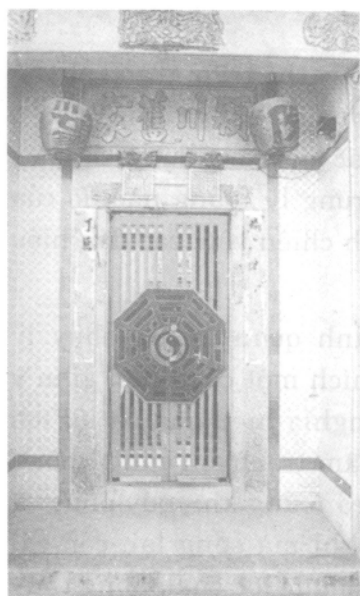
Hình 30. Hành lang của chùa miếu hướng dẫn về góc ẩn khuất (tác giả chụp).

1.2.4. Chỗ trống và hành lang

Minh đường được bao bọc trong La thành và huyệt được dòng nước vây quanh, không phải hoàn toàn đóng kín không thể thấu qua. Trong không gian lý tưởng tầng tầng bao bọc này, có cửa nước và cửa khí liên hệ với thế giới bên ngoài. Cửa nước là "nơi nước chảy qua trước mình đường, gặp các dòng nước trong ngoài Ấn Sơn Long Hồ hợp lại mà chảy ra" (Sơn Long Loại Ngữ). Thông thường có thể lý giải, nó là cửa hoặc chỗ trống của La thành. Cửa nước kiêng kỵ nhất là rộng lớn và chảy thẳng, làm thoát mất khí của mình đường, phải kẹp chặt và quay đầu lại, thanh chắn ngọc giữ cửa. Núi



Hình 31. Con đường hành hương "Thâm Kính Hối Tùng" của chùa Thiên Đồng.



Hình 32. Dấu hiệu và tiêu phẩm phong thủy - Bát Phong Đổng (tác giả chụp).

đóng hai bên cửa nước gọi là thủy khẩu tinh, trong đó ngọn núi cao, đứng thẳng là hân môn tinh, tốt nhất là bế chặt, đóng kín cửa nước. Các đôi núi như Long Hồ, Quy Xà, Sư Tượng trong mô hình ví dụ trên cấu thành thế khấp kín lý tưởng. Ngoài cửa nước ra nên có la tinh, cái gọi là la tinh chính là "cửa nước như hòng, la tinh như lưỡi". Huyệt cũng cần phải có miệng huyệt, nếu không thì tử khí lan tràn, "miệng huyệt hô hấp, cần phải hướng về chỗ trống trải (hư không)" (Sơn Long Loại Ngữ). Hình 29 là sự xem xét đối với miệng huyệt (cửa khí) của khu mộ Bảo Sơn Thâm Quyến do tác giả chủ trì thiết kế. Bên trái miệng huyệt là núi Bạch

Hồ, bên phải là núi Thanh Long, xuyên qua miệng huyệt, trải rộng một vùng thung lũng cỏ cây xanh um, Chiêu Sơn Ấn Sơn xa gần tương ứng theo thế chấp tay vái, tuyệt diệu không thể nói.

Chỗ trống kéo dài trong không gian tạo thành hành lang, nó có thể là dòng suối hoặc là hành lang kênh rạch tự nhiên hoàn toàn, vượt qua lớp lớp la thành liên kết minh đường với thế giới bên ngoài. Nó cũng có thể là hành lang nhân tạo hoặc thông qua sức người làm mạnh thêm kết cấu vốn có của tự nhiên mà tạo thành. Ví dụ như con đường đi qua minh đường, nối liền các làng trong Thập Tam Lăng. Đạo trường ẩn khuất của chùa miếu thường là thông qua đường hành lang lát đá uốn khúc liên hệ cùng với thế giới bên ngoài (hình 30). Con đường dâng hương "Thâm Kính Hồi Tòng" trong chùa Thiên Đồng chính là một hành lang nhân tạo điển hình (hình 31).

1.2.5. Tiểu phẩm và dấu hiệu

Ngoài mấy loại đặc trưng kết cấu tổng thể trên, trong phong thủy thường thông qua một số dấu hiệu phong thủy và tiểu phẩm có ý nghĩa tượng trưng (hoặc có thêm các loại công dụng) để thực hiện hoặc làm mạnh thêm một đặc trưng lý tưởng nào đó của phong thủy: tháp, đình, cổng vào, kính chiếu yêu, các dấu hiệu trấn giữ, thần giữ cửa.

Những đặc trưng kết cấu của cảnh quan phong thủy lý tưởng trên không nên dùng để giải thích một cách đơn giản ý nghĩa sinh thái nông nghiệp hoặc ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế, đặc biệt là trong phong thủy âm trạch thì càng không thể. Nếu chúng ta có thể khẳng định cảm ứng khí, quý phúc và người, hài cốt cha mẹ thu được sinh khí mà sống lại, con cái cũng nhờ sinh khí đó mà may mắn, có phúc lộc của phong thủy âm trạch đều là hoang đường. Nếu như thế thì ý nghĩa của chúng là ở đâu? Mô hình đâu đâu cũng có này từ đâu mà đến? Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta xem qua một vài mô hình cảnh quan lý tưởng khác độc lập với thuyết phong thủy hoặc xuất hiện trước thuyết phong thủy từ những đặc trưng kết cấu của nó, lấy nó để chứng minh mô hình phong thủy lý tưởng bắt nguồn từ chỗ sâu xa trong tâm hồn người Trung Quốc và nó có ý nghĩa sâu sắc hơn.



KẾT CẤU GIỐNG NHƯ TỰ NHIÊN

2.1. MÔ HÌNH ĐẤT THẦN CẢNH TIỀN TRONG TÂM HỒN NGƯỜI TRUNG QUỐC

Tín ngưỡng tôn giáo và thần thoại không những biểu đạt lý tưởng xã hội của con người, mà còn biểu đạt cái lý tưởng của cảnh quan. Chúng ta sẽ nhấn mạnh một số mô hình cảnh quan lý tưởng trừu tượng hóa và điển hình hóa cao độ để khảo sát tổng thể đặc trưng của chốn thần tiên trong tâm hồn người Trung Quốc:

2.1.1. Mô hình núi Côn Lôn

Bất luận là trong thần thoại cổ đại hay là trong truyền thuyết đạo giáo, núi Côn Lôn được người Trung Quốc miêu tả như là chốn núi thần tiên phong cảnh mơ ước nhưng không thể đạt tới, đồng thời không ngừng gia công đào luyện, cuối cùng khiến nó trở thành một khát vọng chung có thể thỏa mãn cho tất cả mọi người, thậm chí có thể biến nó thành vùng đất lý tưởng của những con người bất tử. "Trong biển Côn Lôn nằm ở phía Tây Bắc, là kinh đô của thượng đế. Côn Lôn rộng tám trăm dặm, cao đến vạn nhận (một nhận bằng 6,48m)"; "Ở dưới chân

núi này, non chín tầng nước, sóng to cao đến vạn trượng, không có cỗ xe gió với những vòng bánh xe bằng lông chim thì không thể tới được". Núi Côn Lôn vốn là một hòn đảo cô lập cao đến tận trời xanh. Trong hòn đảo cô lập cao tận trời xanh này "có chín tầng thành, cao một vạn một ngàn dặm một trăm mười bốn bộ hai thước sáu tấc. Trên có cây lúa, cây châu, cây ngọc, cây ngọc tuyến, cây trường sinh bắt từ ở phía Tây. Sa đường, ngọc thạch ở phía Đông. Giáng thụ ở phía Nam. Cây ngọc bích, cây ngọc dao ở phía Bắc. Xung quanh có một trăm bốn mươi cửa... cửa Bắc mở ra để lấy gió... Lại có "Sở Từ, Thiên Vấn" nói rằng: "vườn Côn Lôn xa xôi, gốc của nó ở đâu? Nó cao mấy dặm?...". Ngoài ra, "chốn hư không Côn Lôn... có chín cửa, mỗi cửa có thú dữ canh gác.... thú thân to như hổ nhưng có chín đầu, đều có mặt người.... Đông Nam Tây Bắc đều có những con thú kỳ lạ, gia cầm quý hiếm bảo vệ".

Nếu chúng ta vứt bỏ những từ khoa trương không thống nhất và vụn vặt miêu tả trên đây, thì ta có thể thấy các truyền thuyết này chẳng qua là biểu đạt mấy đặc trưng lớn sau đây của núi Côn Lôn :

- Không gian cách ly: cao vạn nhận, sóng to vạn trượng ngăn trở, không phải là thần tiên có cánh thì không thể đến được.
- Bao bọc và che chắn: chín tầng thành, cung đế, cửa tiên đều ở bên trong, bốn bên nước chảy vòng quanh, xung quanh có các loại cây kỳ lạ bao bọc.
- Cửa và chỗ trống: thành là những lớp cửa bảo vệ, cửa lại có thú thần bảo vệ, cửa bắc mở ra để nạp gió vào.
- Đặc trưng tài nguyên thiên nhiên có nước trường sinh, cây trường sinh, thuốc trường sinh và các loại thú quý hiếm.

2.1.2. Mô hình bồng lai

Một mô hình chốn thần tiên khác trong thần thoại Trung Quốc là đảo tiên trên biển, có "Tam Sơn" và "Ngũ Sơn". Tam Sơn tức là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. "Ba vị thần núi này, tương truyền họ ở trong biển Bột Hải, cách người không xa lắm; khi gặp nạn, thì gió dẫn thuyền đi. Nơi ấy có người đến, các vị tiên và thuốc trường sinh đều ở đó. Các loại cảm thú kỳ vật không có, nhưng cung khuyết là vàng bạc" (sách Phong Thiên). "Ngũ Sơn" bao gồm hai núi Uyển Kiệu và Đại

Dư. Về "Ngũ Sơn" trong "Thang Ván của Liệt tử" truyền rằng: "phía Đông Bột Hải không biết mấy triệu dặm, có khe núi lớn, thực là khe núi không có đáy...". Các vị tiên trên núi lấy tên gọi là bồng lai, nên gọi là mô hình bồng lai. Bồng lai "nằm ở bờ Đông Bắc của Đông Hải, chu vi năm ngàn dặm. Ngoài ra còn có Uyển Hải vây quanh núi. Nước Uyển Hải màu đen, nên còn gọi là Minh Hải. Không có gió nhưng sóng to trăm trượng, không thể lui tới, chỉ có những vị tiên bay được mới có thể tới đó mà thôi". (hình 33).



Hình 33. Mô hình núi Bồng Lai (mô phỏng từ "Họa đồ Tam Tài").

Chúng ta có thể thấy, tiên cảnh bồng lai trong vùng biển phía Đông này và tiên cảnh Côn Lôn ở phía Tây Bắc đều có một số đặc trưng kết cấu có xu thế đồng hóa: hòn đảo được ngăn cách bởi trùng dương, núi cao đến tận trời xanh, không phải là tiên có cánh thì không thể đến được, ngoài ra còn có các nguồn tài nguyên quý hiếm như châu ngọc, vàng bạc và thú quý. Điều này

chứng tỏ rằng, cảnh tiên trong tâm hồn của người Trung Quốc đã có từ mấy ngàn năm nay. Nó là kết quả mô hình hóa, điển hình hóa của người Trung Quốc đối với cảnh quan lý tưởng.

2.1.3. Mô hình hồ thiên

Trong truyền thuyết và thần thoại của Đạo giáo Trung Quốc, còn có tiên cảnh "hồ thiên" hoặc "động thiên". Hồ tức là hồ lô, ở thời cổ đại nó là một đồ vật thường dùng nhất. Các dân tộc của Trung Quốc đều có truyền thuyết con người xuất hiện từ trong chiếc hồ lô. "Hồ thiên" của đạo giáo vốn là khoảng không trong hồ lô. Theo Cát Hồng (Thần Tiên Truyện): có vị tiên xưng là Hồ Công, treo bình (hồ lô) bán thuốc, đêm thì vào trong bình nghỉ, có người theo Hồ Công vào bình, thấy trong đó là một thế giới thần tiên, lâu đài, nhiều lớp cửa, gác tía. Đặc điểm mới lạ của cảnh tiên hồ thiên này là miệng bình nhỏ hẹp + bụng bình mở to.



Hình 34. Một ví dụ động thiên phúc địa - Tổng thể cảnh quan Xung Hư Quan núi La Phù (tác giả chụp).



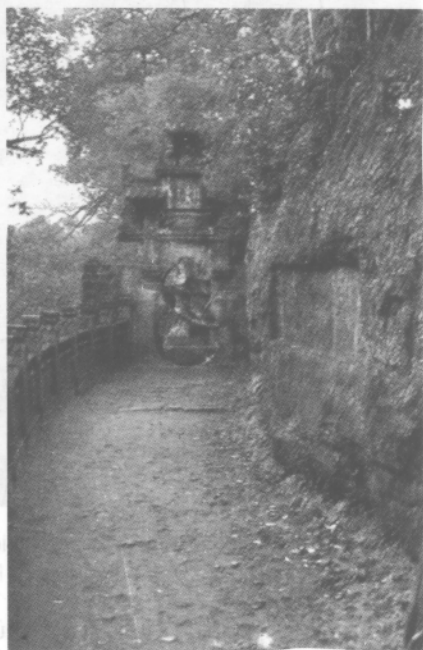
Hình 35. Một ví dụ động thiên phúc địa - Tổng thể cảnh quan Thanh Viên Phi Lai Hiệp (tác giả chụp).

Ngoài ra, "Ba Núi Thần" cũng được gọi là "Tam Hồ". "Tam Hồ" là ba ngọn núi trong biển. Một là phương hồ, tức là phương trượng; hai là bông hồ, tức là bông lai; ba là doanh hồ, tức là doanh châu. Hình dáng như cái bình". Từ hình núi bông lai trong "Tam Tài Đồ Hội", có thể mô phỏng hình dạng của nó (hình 33). Ngoài đặc điểm miệng nhỏ bụng to, hồ thiên này còn treo lơ lửng trong không trung hoặc nổi trên nước, điều này tự nhiên lại làm tăng thêm một tầng không gian không thể vượt qua.

So sánh với những cảnh thần tiên khác, cảnh tiên dạng hồ lô miệng nhỏ bụng to này dường như được đạo giáo yêu thích hơn. Phàm những nơi thần tiên cư trú nghỉ ngơi của đại lục Trung Quốc, đều gọi là động thiên. Có ba mươi sáu động thiên và bảy mươi hai phúc địa được mọi người quen thuộc, đa số đều

lấy mô hình hồ thiên (hình 34, 35), đồng thời thông qua các kiến trúc nhân tạo nhấn mạnh thêm kết cấu này (hình 36).

Qua ba mô hình tiên cảnh trên chúng ta thấy mỗi mô hình đều có đặc điểm mới lạ của nó. Mô hình Côn Lôn nhấn mạnh đặc trưng cách ly núi cao tận trời xanh, muôn vàn hiểm trở. Mô hình bồng lai nhấn mạnh đặc trưng cách ly hòn đảo cô lập trong biển. Mô hình hồ thiên thì nêu bật đặc trưng che chắn và hợp vây của bốn bức thành vây lại và chỉ có một chỗ trống nhỏ đến mức không thể nhỏ hơn. Giữa ba mô hình này có đặc điểm theo xu thế đồng hóa, nó đã phản ánh quá trình trù tượng hóa và lý tưởng hóa tiên cảnh trong tâm hồn người Trung Quốc.



Hình 36. Kết cấu Hồ Thiên được nhấn mạnh hóa (Núi Tế Vân, tác giả chụp).

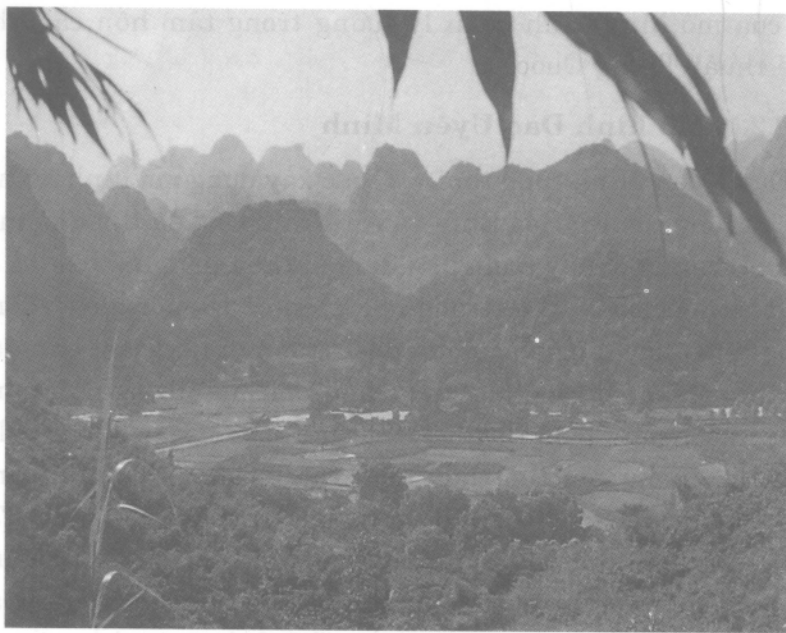
2.2. MÔ HÌNH CẢNH QUAN LÝ TƯỢNG TRONG TÂM HỒN CÁC NHÀ NGHỆ THUẬT

Các thành phần lý tưởng bao gồm trong cảnh quan mà các nhà nghệ thuật miêu tả và thiết kế không thể sánh với chốn thần tiên, đương nhiên, bản thân cảnh thần tiên cũng không phải là không bao hàm những thành phần mỹ hóa và gia công của các nhà nghệ thuật thời đại. Ở đây, chúng ta chỉ cần khảo sát một vài mô hình cảnh quan lý tưởng điển hình có ảnh hưởng sâu sắc để có thể biết được những đặc trưng kết cấu cơ

ban của mô hình cảnh quan lý tưởng trong tâm hồn các nhà nghệ thuật Trung Quốc.

2.2.1. Mô hình Đào Uyên Minh

Đào Uyên Minh cùng thời với việc xây dựng mô hình xã hội không tưởng của Kỳ Hòa Bình và An Ninh. Ông đã thiết kế một mô hình cảnh quan lý tưởng: lối đi men theo suối, hai bên bờ là hoa đào, nước chảy ra từ trong núi, trên đó có một huyệt động dường như phát sáng; vào động phải trườn đi như rắn, ban đầu hẹp nhưng sau đó rộng mở, tươi sáng mát mẻ, trong đó những lối đi nhỏ ngang dọc. Bước ra thế giới bên ngoài, khi trở lại thăm thì không còn tìm thấy nữa. Đây là một mô hình cảnh quan khu lòng chảo giữa núi được lý tưởng hóa cao độ (hình 37): một hành lang khe suối dài, một chỗ trống chỉ vừa một người trườn đi như rắn và một động thiên tươi sáng mát mẻ. Đào nguyên bên ngoài thế giới này gồm "hành lang + chỗ trống + khu lòng chảo" là nơi được văn nhân mặc khách các thời đại tìm kiếm, theo đuổi và đạt được sự đồng cảm rộng rãi nhất. Đồng thời nó trở thành chủ đề chính trong cảnh lâm viên sơn thủy của văn nhân Trung Quốc, nhiều khi nó được tái hiện lại trong lâm viên của hoàng gia (hình 38). Tác giả đã từng lấy "trời đất không biên giới trong hồ lô" làm đầu đề, nêu lên một kết cấu cơ bản trong lâm viên (khu vườn lớn, một nét đặc sắc trong kiến trúc xây dựng vườn của Trung Quốc) Trung Quốc chính là hồ lô. Nó thể hiện lý tưởng xã hội của người chủ xây dựng trong cảnh quan lý tưởng của mô hình hồ lô. Nó có thể đạt được sự đồng cảm rộng rãi và lâu dài như thế chứng tỏ tư tưởng ẩn dật và lý tưởng tìm kiếm một xã hội tốt đẹp luôn tiềm ẩn sâu đậm trong văn hóa Trung Quốc, đồng thời nó phản ánh một cách sinh động sự yêu chuộng của văn hóa Trung Quốc đối với mô hình cảnh quan "hồ lô có cuống" (hành lang + hồ thiên) này.



Hình 37. Một khu lòng chảo giữa núi gần với mô hình
Đào Hoa Nguyên. Quảng Tây (tác giả chụp).

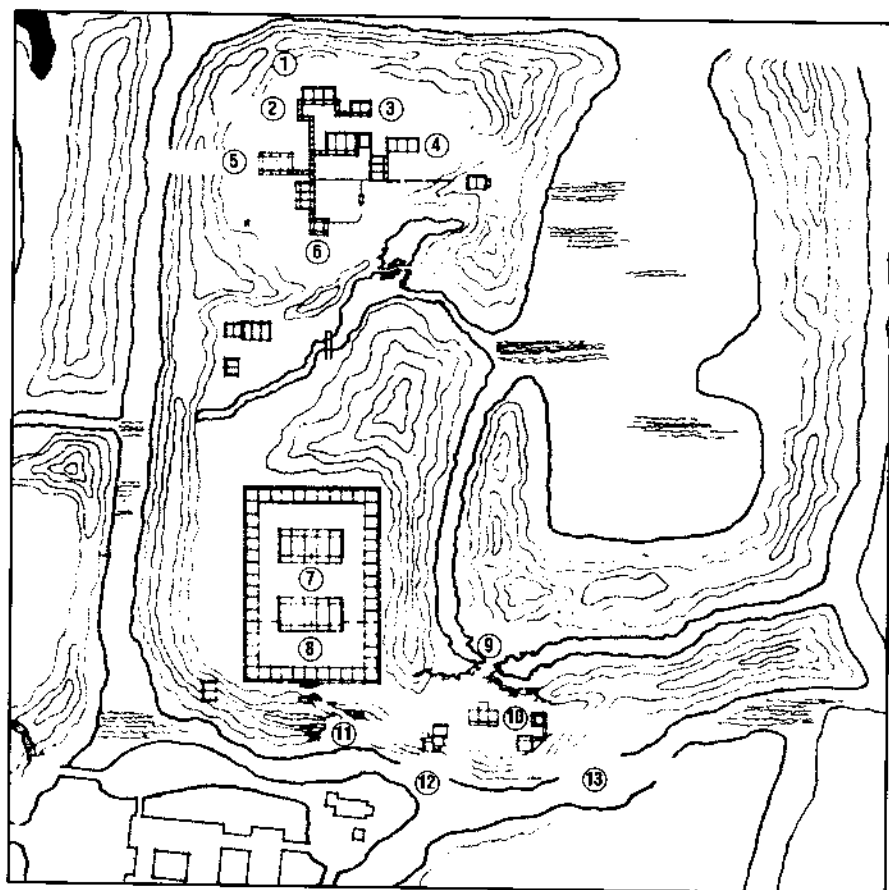
2.2.2. Khâu hác nội doanh (khu nhà trong thung lũng) - mô hình cảnh quan lý tưởng trong tranh sơn thủy Trung Quốc

Tranh sơn thủy Trung Quốc nhấn mạnh đến ý vị, chủ trương vượt ra ngoài tạo hóa, đạt được cái thần bên trong, "sáu phép của nhà danh họa, ý vị sinh động, ý vị là cái không thể học được, sinh ra mà biết được nó, tự tiếp thu từ trời đất. Nhưng cũng có chỗ học được, đó là đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường, trong lòng thoát khỏi trần tục, tự nhiên đạt đến cảnh giới khâu hác nội doanh, lập nên Ngân Ngạc, tiện tay vẽ nên, đều là những nét truyền thần cho sơn thủy" (Đồng Kỳ Xương, "họa thiên thất luận họa"). Phép cấu hình của khâu hác nội doanh (khu nhà trong thung lũng) được cho là một đặc điểm lớn của tranh sơn

thủy Trung Quốc (Ngũ Lôi Phủ, 1983). Các nhà danh họa sơn thủy cổ đại lấy tâm để tiếp vật, mượn vật để biểu tâm. Trên trang giấy vẽ thoải mái miễn là biểu đạt được lý tưởng của mình. Cho nên trong các kiệt tác tranh sơn thủy chúng ta có thể thấy được loại cảnh quan lý tưởng truyền chân "sinh ra mà biết nó, là tự tiếp thu từ trời đất". Loại lý tưởng này, theo một ý nghĩa nào đó là lý tưởng của vùng đất cư trú nghỉ ngơi: "sông núi có thể đi, có thể thấy, có thể cư trú, có thể du ngoạn... nhưng có thể đi, có thể thấy không sánh bằng có thể cư trú, có thể du ngoạn. Tại sao? Sông, núi, đất đai chiếm mấy trăm dặm, chỗ có thể cư trú, có thể du ngoạn, không phải là ít, nhưng cần phải chọn lấy chỗ đáng cư trú, đáng du ngoạn. Cho nên người quân tử luôn khát khao tìm được chốn lâm tuyền (suối rừng), vì chỗ này là nơi tốt. Tranh cổ lấy nó làm nguồn sáng tạo, còn người giám định lại làm nghèo đi ý này" (Quách Hí, Quách Tư, "lâm tuyền cao trí"). Bất luận là người vẽ tranh hay người thưởng thức tranh, thực chất đều là một dạng của quá trình tìm nơi cư trú.

Nghệ thuật tranh sơn thủy Trung Quốc bắt đầu khởi sắc từ thời Đông Tấn. Khi tách rời khỏi bối cảnh nhân vật. Và sau khi phát triển độc lập qua thời Đường, đến thời Ngũ Đại và sơ Tống, cấu hình và thủ pháp kỹ thuật cơ bản đều hướng đến sự thành thực. Nó đã đặt nền móng cho sự phát triển tranh sơn thủy các đời sau và hoàn thành một cuộc biến đổi lớn trong lịch sử tranh sơn thủy Trung Quốc (Phan Thiên Thọ, 1983). Các họa sĩ trong thời kỳ cải cách như các họa sĩ Kinh Hạo, Quan Đồng, Đồng Nguyên, Cự Nhiên đều có ảnh hưởng sâu sắc: "Những nhà bình luận gọi Kinh, Quan là đời trước, Đồng, Cự là đời sau, môn phái Tịch Lục Pháp, sự gọi mở mệnh môn, hài hòa của hậu học, đều là bốn người này vậy. Cho nên, khảo sát các tác phẩm đại biểu cho tông sư trăm đời này có thể phát hiện ra mô hình cảnh quan lý tưởng gần với ý nguyện nhất hoặc cách xa sự bất chúc. Họ chính là khuôn mẫu cho đời sau mô phỏng và bắt chước. Bản thân việc

này đã chứng tỏ cảnh quan lý tưởng mà họ biểu hiện (nơi cư trú nghỉ ngơi) đã đạt được sự đồng cảm rộng rãi. Trong những bậc tông sư này, Kinh Hạo là người đầu tiên thúc đẩy nó. Ông đã vượt qua cả một thời kỳ quá độ Đường và Ngũ Đại, tạo nên tác dụng vừa kế thừa những người đi trước vừa gợi ra hướng đi cho đời sau.



Hình 38. Mặt phẳng Viên Minh Viên "Vũ Lăng Xuân Sắc"
(trích từ "Viên Minh Viên tứ thập cảnh đồ")

- | | | |
|---------------------------------|--|--------------------|
| 1. Dòng nước trong xanh | 2. Đình Thanh Hội | 3. Hiên Oán Xuân |
| 4. Nhà bình phẩm thơ | 5. Chỗ nguồn hoa đào | 6. Đình Thanh Từ |
| 7. Nhà thờ Thượng đế | 8. Toàn Bích Đường | 9. Đồng Đào Nguyên |
| 10. Cảnh thiên nhiên tươi đẹp | 11. Nơi nghỉ ngơi thanh lịch | |
| 12. Tu Hà tường (nơi để suy tư) | 13. Nhiều cảnh đẹp ngày và đêm ở đồng trời | |

Hình 39. Mô hình Kinh Hạo - Cấu hình của “Khuông Lư Đồ” (tác giả quyển sách này phân tích và giải thích).



Kinh Hạo là người Hà Nam, sống ẩn dật ở Hồng Cốc, núi Lâm Lự phía nam núi Thái Hàng, biệt hiệu là Hồng Cốc Tử. Tranh của ông có đặc điểm là tranh thủy mặc kiểu toàn cảnh, núi lớn, cây lớn. Từ trong cấu hình của tranh chúng ta có thể thấy đặc trưng lý tưởng ẩn chứa trong vùng đất cư trú hoặc kết cấu khu nhà của vùng đất cư trú (hình 39). Thông qua việc phân tích vùng cảnh quan điển hình - núi Lâm Lự, nơi Kinh Hạo cư trú, chúng ta có thể nhận thức rõ hơn những đặc trưng này trong mô hình của Kinh Hạo. Hình 40 là một vùng cảnh quan khe núi hẹp điển hình ở núi Lâm Lự phía nam núi Thái Hàng. Do tác dụng lấn sâu của nguồn nước, men theo hai bên hành lang khe suối hình thành một loạt khe núi vây quanh, trở thành một loại kết cấu dạng chuỗi hạt. Do có sự khác biệt của lớp đá khiến vách đá của khe núi vây quanh hình thành nhiều tầng bậc thang. Trên mỗi tầng bậc đều có ngọn núi, khiến mỗi tầng núi cách nhau bằng một khe sâu. Vách lưng núi thẳng đứng, quây vòng bốn bên, đều là những ngọn núi hiểm trở bao bọc, giữa mỗi tầng bậc thang trên dưới chỉ có một con đường hiểm trở để đi. Sự khác biệt của vách đá bị phân hóa, lại tạo thành những hang động có thể cư trú, chúng giống như ở trong mây, cao vòi vọi trên vách đá thẳng đứng, tạo thành sự cách ly trên không gian, phía trước chỗ cư trú là những ngọn núi cao như tấm bình phong che chắn.

Nói đơn giản, trong cảnh quan khe núi hẹp phía Nam núi Thái Hàng có tồn tại vùng đất cư trú "như tranh vẽ" (những bản làng trong hang núi và trên các tầng đá nằm sâu vào) hoặc ẩn chứa vùng đất cư trú (mỏm núi, hang động). Chúng tựa vào những ngọn núi cao hiểm trở có những vách đá dựng đứng bao bọc chung quanh và rừng rậm che chắn. Chỉ có con đường hiểm trở giữa các khe đá hoặc khe suối là có thể đi đến. Loại đặc trưng cảnh quan điển hình này được tái hiện lại rất hoàn mỹ

trong "Khuông Lư Đồ" của Kinh Hạo. Ở đây, chúng ta có thể thấy được việc chọn nơi cư trú của nhà nghệ thuật trong tác phẩm "Khâu Hác Nội Doanh" (nhà ở bên khe suối trong núi). Tác phẩm này gợi sự đồng cảm của người thưởng thức, và được người đời sau mô phỏng. Thời kỳ này tồn tại một lực tác dụng nội tại. Loại lực tác dụng nội tại (bên trong) này chính là lý tưởng về cảnh quan trong sâu thẳm tâm hồn người Trung Quốc.



Hình 40 Vĩ Cốc (khe núi vàng bạc) - Cảnh quan khe núi hẹp điển hình của núi Lâm Lự (tác giả chụp).

Quan Đồng là học trò Kinh Hạo, xem những tác phẩm của ông, ta có thể thấy tính tương tự của họ trên tranh vẽ, tính tương tự này không biết có phải do mối quan hệ kế thừa của thầy tạo nên, hay là một sự sáng tạo "xuất phát từ tâm ý đạt được trong tâm" không hẹn mà có cùng một ý. Nó đều phản ánh sự tìm kiếm và lý tưởng chung của các nhà nghệ thuật. Tranh sơn thủy của Quan Đồng "bốn bề hiểm trở, không có dấu chân

người, nhưng trong khe vực sâu chạy quanh co, có lầu đài động phủ, hoa trúc, loan hạc tranh nhau khoe sắc. Những người đến giao du, đều mặc áo lông chim theo gió mà đến, đây chẳng phải là chốn thần tiên cư ngụ sao? Ở đây chúng ta thấy được mô hình đất thần tiên như đã nói bên trên. Phong cách hội họa của Kinh, Quan được Phạm Khoan, Lý Thành, Quách Hi thời Bắc Tống học tập, phát triển thành một trong những họa phái có ảnh hưởng sâu sắc thời Bắc Tống và các đời sau. Dù thủ pháp kỹ thuật đã có sự phát triển và cải biến, chúng ta vẫn có thể phát hiện một mô hình cơ bản có nhiều nét giống nhau trên cấu hình tác phẩm của họ (hình 41, 42). Người đời sau bình luận các tác phẩm của Quách Hi, ông đã đề xướng lấy tính có thể cư trú làm tiêu chuẩn cao nhất, và phá vỡ đặc trưng cơ bản của mô hình này: "Vách cao hiểm trở, những cây tùng già to lớn, khe suối vây quanh ngăn cách đôi bờ, núi đá cao vọi vọi, dãy núi xanh tươi đẹp đẽ".

Họa phái Kinh, Quan lãnh đạo phong cách hội họa phương Bắc. Họa phái Đông, Cự lại là chân truyền của tranh sơn thủy phía Nam, ảnh hưởng của họ đối với tranh sơn thủy Trung Quốc cùng ngang bằng với Kinh, Quan. Nhiều nhà danh họa kiệt xuất đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều học tập theo họ. "Đến thời Minh, Thanh, phẩm những người luận bàn về sơn thủy, không ai không tôn sùng Đông, Cự". Thông qua việc khảo sát những tác phẩm tiêu biểu của họ, chúng ta có thể phát hiện ra mô hình tâm lý đằng sau bối cảnh khu nhà trong thung lũng do hai nhà nghệ thuật Đông, Cự xây dựng nên. Vì vậy kết cấu nội tại của những tác phẩm này có thể thu hút sự đồng cảm rộng rãi của những nhà nghệ thuật Trung Quốc đời sau.



Hình 41.

Cấu hình “Khê Sơn
Hành Lũ đồ” của
Phạm Khoan (tác giả
quyển sách này phân
tích và giải thích).



Hình 42. Cấu hình "Tảo Xuân Đố" của Quách Hi (tác giả quyển sách này phân tích và giải thích).

Hình 43 là tác phẩm tiêu biểu của Đồng Nguyên "tiêu tương đồ": mặt nước rộng mênh mông, một bán đảo nằm sâu trong nước lấy đặc trưng thảm thực vật là bãi cỏ và rừng thưa, một bán đảo khác bao bọc ở một bên, đồng thời từ trong mặt nước rộng lớn tách ra một góc vịnh. Trong mô hình này mặt nước đã tạo thành một không gian cách ly, và chỉ có một con thuyền nhỏ đưa người liên hệ với bên ngoài dưới tiền đề cách ly không tổn hại (trên một ý nghĩa nào đó thì giống như chức năng của hành lang và chỗ trống). Nơi cư trú ở một vùng gọi là vùng sinh thái quá độ (ven đới khí hậu), biểu hiện ra đặc trưng nương tựa và ven biên của phong thủy. Trong tác phẩm tiêu biểu của Cự Nhiên (hình 44), những đặc trưng bao bọc và che chắn, cách ly, ven biên, chỗ trống và hành lang biểu hiện rõ. Điều này cho chúng ta thấy dù là họa phái phương Bắc hay họa phái Giang Nam, qua kỹ pháp thể hiện và đối tượng cảnh quan thể hiện vẫn có sự khác biệt rất lớn. Thực chất mô hình cấu hình cơ bản trong tác phẩm "Khâu hắc nội doanh" (kết cấu khu nhà ở cảnh quan có thể cư trú) là một sự kế thừa.



Hình 43. Cấu hình "Tiêu Tương Đồ" của Đồng Nguyên
(tác giả quyển sách này phân tích và giải thích).



Hình 44. Cấu hình
"Thu Sơn Vấn
Đạo Đồ" của Cự
Nhiên (tác giả
quyển sách này
phân tích và
giải thích).

Nếu như nói, trong mô hình Đào Uyên Minh, cảnh quan lý tưởng vẫn chỉ được xem là một vũ đài của xã hội lý tưởng ở trạng thái tĩnh, thì trong mô hình của Kinh, Quan và Đồng, Cư, đến cấu hình "Khâu hác nội doanh" trong các tranh sơn thủy sau này, chúng ta thấy được các nhà nghệ thuật sơn thủy đã hoàn toàn thoát ra khỏi xã hội và đặt mình vào trong tự nhiên. Người chấp trượng trong phong thủy, ngư ông chính là "ta". Nơi được bảo vệ trong tranh sơn thủy (bao gồm ẩn dấu trong khe núi, hang động, mỏm núi, bậc thềm đá bằng...) chính là nhà của ta. Tiến xa hơn, trong các mô hình này, chúng ta có thể thấy các nhà nghệ thuật đã thoát ra khỏi các thành phần vụ lợi của cảnh quan. Những đặc trưng cảnh quan mang ý nghĩa vụ lợi thực tế như ruộng tốt, đầm đẹp, dâu trúc, đường mòn quanh co, gia cầm đầy vườn trong mô hình Đào Uyên Minh không được thể hiện. Thông qua cấu hình khu nhà trong sơn thủy, chúng ta thấy được sự biểu đạt một cảnh giới lý tưởng xuất phát từ trong tâm hồn sau khi "sinh ra mà biết nó, tự do tiếp thu của trời đất" hoặc "thoát khỏi bụi trần". Chính vì thế tranh sơn thủy trở thành "thiên nhiên của con người tạo nên" và nó vượt ra ngoài tâm linh của con người. Đây chính là tiêu chuẩn mỹ học độc đáo của tranh sơn thủy Trung Quốc. Từ ý nghĩa này mà giảng giải ta thấy, kết cấu khu nhà của cảnh quan đáng cư trú trong tranh sơn thủy Trung Quốc có nhiều đặc trưng lý tưởng nhiều nhất. Lấy nó làm tiêu chí, chúng ta có thể tiến thêm một bước về nhận thức những đặc trưng cảnh quan lý tưởng trong các mô hình khác đã nói trên.

2.3. MÔ HÌNH CẢNH QUAN LÝ TƯỢNG THEO THỐNG KÊ TÂM LÝ HỌC

Dùng phương pháp thống kê học để xác định sự yêu thích của mọi người đối với thẩm mỹ cảnh quan là con đường trực tiếp và có hiệu quả để tìm hiểu và phân tích mô hình cảnh quan lý tưởng. Các công trình nghiên cứu trước đây của tác giả đã nêu rõ: giữa những người Trung Quốc ở những hoàn cảnh khác nhau, có trình độ văn hóa từ trung học trở lên có thị hiếu thẩm mỹ khá thống nhất. Giữa cư dân thành thị có trình độ văn hóa từ phổ thông trung học trở lên và những nông dân có trình độ văn hóa rất thấp tồn tại sự khác biệt rất lớn. Nhưng sự khác biệt này chủ yếu biểu hiện ở sự khác nhau của thái độ thẩm mỹ trước loại hình cảnh quan cụ thể nào đó. Ví dụ như sự yêu thích của nông dân đối với thẩm mỹ của cảnh quan nông nghiệp hiện đại, các công trình du lịch hiện đại hóa cao hơn rất nhiều so với nhóm không phải là nông dân. Nhưng hoàn toàn không phát hiện được sự khác nhau giữa thị hiếu thẩm mỹ của những nông dân và người không phải là nông dân đối với phương diện kết cấu không gian cảnh quan (như đặc trưng hợp vây, chỗ trống...). Sự khác biệt nói trên của nông dân và những người không phải là nông dân là do sự quan tâm đến hiệu quả và lợi ích thực tế của người nông dân tạo nên. Trái lại thị hiếu thẩm mỹ cảnh quan của người trí thức có khuynh hướng duy mỹ và không vụ lợi nhiều hơn. Sự quan tâm đối với hiệu quả và lợi ích thực tế sẽ che đậy thái độ thẩm mỹ chân thực của họ.

Trên cơ sở những luận cứ nêu trên, ít nhất chúng ta có thể kết luận rằng, mô hình cảnh quan lý tưởng của các sinh viên Trung Quốc đã phản ánh rất lớn mô hình lý tưởng của người

Trung Quốc hoặc của văn hóa Trung Quốc. Dưới đây là kết quả thực nghiệm thống kê tâm lý đối với 87 sinh viên nổi tiếng. Thực nghiệm này được tiến hành theo phương thức trả lời tự do. Yêu cầu câu hỏi được dùng biểu đồ hình tượng trên mặt phẳng, thiết kế cảnh quan lý tưởng trong tâm hồn, đồng thời phải có một bài giải thích với số chữ không hạn chế. Cuối cùng người thử nghiệm tiến hành chỉnh lý, phân loại tất cả những câu trả lời và đã thu được một số mô hình điển hình của cảnh quan lý tưởng.

Bảng 1: Mô hình cảnh quan vùng đất lý tưởng theo thống kê tâm lý học

Cảnh quan vùng đất cư trú lý tưởng	Miêu tả điển hình	Tỉ lệ chọn (%)
A 	Nhà ở lưng dựa vào núi, trước mặt là nước, cây cối bao bọc chung quanh; phía trước là bãi cỏ và hồ nước rộng, trên bãi cỏ có nhiều hoa, trong hồ có vịt trắng đùa nghịch với nước, làm người ta cảm thấy tâm hồn khoáng đạt, tinh thần thoải mái; một con đường nhỏ xuyên qua vùng nước hướng về rừng cây ở bờ đối diện, quanh co ẩn khuất, trong nước có thể bơi, trên bãi cỏ có thể nằm nghỉ, trong rừng có thể đi dạo.	72.4

B 	Nước ở giữa nhà ở và núi, xa xa có thể trông thấy gò núi và rừng cây, ở gần có thể thấy nước và bóng in trong nước, một con đường nhỏ bắc ngang qua nước, hướng về phía rừng núi.	10.3
C 	Một con đường nhỏ đi xuyên qua rừng cây, quanh co ẩn khuất, đến một hồ nước, khai thoáng thông suốt.	5.7
D 	“Lưng nhà ở dựa vào gò núi”; “trước nhà có một khu rừng nhỏ”; “trước nhà có một khu đất trống nho nhỏ. Ở đó tôi có thể hoạt động thỏa thích”; “một con đường cong cong, ẩn hiện trên đồi núi, hướng ra thế giới bên ngoài; “tốt nhất là có một con suối xanh xanh chảy qua trước cửa”.	3.4
Những mô hình khác		8.2

2.4. MÔ HÌNH LÝ TƯỢNG TRONG SÂU THẨM TÂM HỒN NGƯỜI TRUNG QUỐC MÀ PHONG THỦY BIỂU ĐẠT

Các mô hình cảnh quan lý tưởng nói trên sản sinh trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng lại có một số đặc trưng kết cấu giống nhau. Nếu chúng ta ví von một cách hình tượng rằng kết cấu "hợp vây + chỗ trống" là một chiếc hồ lô thì mô hình núi Côn Lôn là "hồ lô trên núi cao", mô hình bồng lai là "hồ lô trôi nổi trên mặt nước", mô hình hồ thiên là "hồ lô treo trên không", mô hình Đào Uyên Minh là "hồ lô có cuống", mô hình khu nhà ở lý tưởng trong tranh sơn thủy và mô hình lý tưởng trong thống kê tâm lý học là "hồ lô bên núi hoặc trong núi"... Mô hình phong thủy lý tưởng là sự tổng hợp tất cả các đặc trưng kết cấu của các mô hình lý tưởng nói trên (bảng 2, đồng thời thông qua một số dấu hiệu có ý nghĩa tượng trưng (như đình, tháp) để bổ sung và nhấn mạnh thêm một kết cấu nào đó.

Ngoài mô hình phong thủy, tất cả các mô hình cảnh quan lý tưởng liệt kê ở bảng 2 vượt ra ngoài thực tế, dù nó có mang tính hiệu quả và lợi ích của xã hội và vật chất hay không thì những cảnh quan lý tưởng này cũng chỉ là hư cấu, nằm ở một trạng thái lý tưởng không thể đạt đến. Chúng hầu như bắt nguồn từ một mô hình chung trong sâu thẳm của tâm hồn người Trung Quốc. Nhưng thuyết phong thủy biểu đạt mô hình này và mong muốn thực hiện mô hình lý tưởng này trong hoàn cảnh thực tế, mong muốn chúng sẽ mang đến sự thỏa mãn lớn nhất cho mục đích hiệu quả và lợi ích vật chất cho xã hội hiện thực (phúc lộc thọ hỷ, con cháu đầy nhà...)

Vấn đề hiện nay là giữa mục đích hiệu quả và lợi ích thực tế mà thuyết phong thủy mong muốn đạt được cùng với mô hình lý tưởng trong tâm hồn người Trung Quốc này (mô hình phong thủy lý tưởng) có tồn tại mối quan hệ của chức năng và kết cấu

thực tế hay không. Thông qua triết học về khí của thuyết phong thủy coi sinh khí là một dòng công năng. Nó lập nên lý luận và hệ thống nhân hình sát khí, qua kết cấu cảnh quan chúng ta có thể đoán định sinh khí. Rõ ràng đây là một cách giải thích sai sự thật có hệ thống phụ họa và không đủ căn cứ để chứng minh. Qua mối quan hệ của kết cấu phong thủy và chức năng sinh thái nông nghiệp thực tế, nhiều học giả hiện đại muốn giải thích sự yêu thích và mong đợi vào mô hình phong thủy của người Trung Quốc. Ví dụ như lưng dựa vào núi, trước mặt có nước có thể ngăn gió rét phía Bắc vào mùa đông, và đón gió mát phía Nam vào mùa hè, đồng thời có thể nhận được ánh sáng mặt trời (ánh sáng mặt trời) tốt... Ở một phương diện nào đó thì cách này có thể giải thích được, nhưng từ mối quan hệ giữa kết cấu cảnh quan và chức năng sinh thái nông nghiệp thực tế, sự nhận thức ý nghĩa của mô hình phong thủy không toàn diện, hướng hồ bán chất môi trường sinh thái của huyết mộ trong phong thủy âm trạch hoàn toàn không có bất kỳ tính hiệu quả và lợi ích thực tế nào (ngoại trừ có sự phụ họa của thuyết phong thủy).

Bất luận là giảng giải từ góc độ nào thì một La thành vây kín, khu lòng chảo giữa núi chỉ có một nguồn nước nhỏ hẹp nối liền với thế giới bên ngoài đều không có tính ưu việt về mặt sinh thái nông nghiệp. Kết cấu của mô hình phong thủy lý tưởng (mô hình cảnh quan lý tưởng của người Trung Quốc) giống một số mặt mả. Nó bao hàm ý nghĩa sâu xa, và không thể từ "hàm ý của mặt chữ" để lý giải. Như vậy làm thế nào để nhận thức ý nghĩa sâu xa của những kết cấu này? Trong các chương sau, chúng ta sẽ xem xét từ góc độ thích ứng sinh thái sinh vật trong quá trình tiến hóa của nhân loại, từ mối quan hệ giữa ý nghĩa hiệu quả và lợi ích sinh thái với kết cấu cảnh quan để khảo sát ý nghĩa sâu xa siêu hiện thực trong mô hình phong thủy lý tưởng.

Bảng 2: Phong thủy biểu đạt mô hình cảnh quan lý tưởng trong tâm hồn người Trung Quốc

Mô hình cảnh quan lý tưởng		Đặc điểm kết cấu chủ yếu	Bối cảnh
Mô hình đất thần tiên	Mô hình núi Côn Lôn	“Hồ lô trên núi cao” (cách ly hiểm trở + nhiều lớp thành bao bọc)	Có thể thỏa mãn tất cả nhu cầu lợi ích vật chất và sinh lý của con người (bao gồm vàng, ngọc, người đẹp, và thuốc trường sinh) là cảnh giới khó đạt đến trong thực tế
	Mô hình Bồng Lai	“Hồ lô nổi trên nước” (cách ly hòn đảo + miệng hồ lô + bụng hồ lô)	
	Mô hình hồ thiên	“Hồ lô treo lơ lửng trên không” (cách ly không gian + miệng hồ lô + bụng hồ lô)	
Mô hình lý tưởng của nhà nghệ thuật	Mô hình Đào Uyên Minh	“Hồ lô mang cuống” (thành lang + chỗ trống + vùng trũng vây hợp)	Trở thành bối cảnh của mô hình xã hội không tương, là sự lý tưởng hóa nơi cư trú khi nhà nghệ thuật vượt lên trên ý nghĩa vụ lợi vật chất và xã hội
	Mô hình có thể cư trú trong thung lũng	“Hồ lô trong núi hoặc bên núi” (rừng núi vây quanh và che chắn + cách ly hiểm trở hoặc mặt nước + hành lang khe suối quanh co và chỗ trống + đặc trưng ven rìa dựa vào núi, vào nước)	
Mô hình lý tưởng theo thống kê tâm lý học		“Hồ lô trong núi hoặc bên núi” (rừng cây vây quanh và che chắn + hành lang khúc khuỷu đi xuyên qua rừng + đặc trưng ven rìa dựa vào núi, vào nước)	Lý tưởng cảnh quan nơi ở của người hiện đại

Mô hình phong thủy	Tổng hợp tất cả các đặc trưng lý tưởng nói trên, đồng thời thông qua một số dấu hiệu có tính tượng trưng và vật kiến trúc do con người xây dựng để bổ sung hoặc nhấn mạnh một kết cấu nào đó	Vùng đất cư trú của thế giới hiện thực và thế giới tương lai, nó thể mang đến tính hiệu quả, cùng lợi ích vật chất và xã hội lớn nhất
--------------------	--	---



TỪ NHỮNG CON CHUỘT ĐÀO HANG ĐẾN ROBINSON: BẢN NĂNG CHỌN NƠI CƯ TRÚ

Để mở đầu chương này, chúng ta có thể trích dẫn câu chuyện về "người thợ săn và nhà triết học" của Simonds. Câu chuyện như sau:

Buổi sáng, người thợ săn cùng chú bé mang theo con chó săn đi vào thảo nguyên, họ nhìn chăm chú vào một gò đất cao ở phía trước mắt, trên gò có một hang chuột (hình 45).

Người thợ săn nói "những con chuột thật thông minh, chúng chọn nơi để làm hang rất tốt. Mỗi lần gặp một hang chuột, bạn luôn phát hiện nó ở gần bên một cánh đồng ngũ cốc, tiện lợi cho việc lấy lương thực; luôn ở gần khe suối hoặc đầm nước, rất tiện cho việc uống nước. chúng tuyệt đối không làm hang ở gần những cây liễu hoặc rừng dương đỏ, bởi vì cư trú ở đó chúng thường gặp loài thiên địch đáng sợ của chúng là cú mèo và chim cắt nhỏ, chúng



Hình 45. Đồ hình chuột đào đất và sự nướng nấu của nó.

cũng không làm hang ở trong đồng gạch đá, vì ở đó thường xuyên có rắn. Chúng thường làm hang ở trên sườn phía Đông Nam của gò đất, mỗi ngày có đầy đủ ánh nắng giúp cho hang của chúng giữ được sự ấm áp và thoải mái. Mùa đông, trong điều kiện gió đông hanh lạnh, đất đai của sườn phía Tây Bắc trở nên khô cứng, nhưng sườn phía Đông Nam lại có một lớp tuyết đọng dày và xốp mềm che đậy nhà của chuột. Khi chúng đào hang, trước tiên chúng đào con đường thẳng dốc hướng xuống dưới dài khoảng 5,8cm, sau đó chúng đào vòng trở lại làm hang dưới lớp đất gần gốc cỏ. Mùa đông có thể tránh được gió rét và nhận được đầy đủ ánh nắng ấm áp, không cần đi xa tìm thức ăn và nước, đồng thời lại có các hang của đồng đội kề bên, quả thật chúng có một kế hoạch chu đáo".

"Làng của chúng ta cùng lập ở sườn phía Đông Nam phải không?" đứa bé suy nghĩ rồi hỏi.

"Không" người thợ săn nhũn mảy nói "làng chúng ta nằm ở sườn phía Bắc, mặc cho gió rét mùa đông hoành hành, cho dù vào mùa hè, ngọn gió mát cũng không thi ơn cho chúng ta. Xương vải lạnh chúng ta mới xây dựng là nơi duy nhất có chu vi 40 dặm Anh. Địa điểm của nó vừa đúng chỗ ngọn gió mùa hè đi qua, khối đen trong xương bay khắp làng xóm, thổi vào trong những cửa sổ để mở".

"Nhưng ít nhất làng của chúng ta cũng nằm cạnh sông và rất gần nước !" - đứa bé phản bác.

"Đúng vậy" người thợ săn nói, "nhưng vấn đề là dựa vào nước như thế nào! Lòng sông rất cạn! Khi mùa xuân về, tuyết trên thảo nguyên tan ra, nước sông dâng rất cao, các phòng nằm ở tầng trệt của các nhà trong làng đều ngập trong nước".

"Những con chuột thì không như thế, khi chúng lập kế hoạch làm hang cho mình thì chúng thường làm tốt hơn con người", đứa bé nêu ra một phán đoán đầy tính triết học.

"Đúng vậy", người thợ săn trầm tư trả lời, "như bác biết thì đa số những động vật khác đều như thế, có khi bác cảm thấy rất lạ, điều này là tại sao?"

Câu chuyện của Simonds có những tình tiết buồn rầu, đã kích cay đắng cách chọn nơi cư trú của con người-vạn vật chi linh và những nền văn minh hiện đại của họ. Đồng thời nó cũng khiến chúng ta phải suy nghĩ sâu sắc hơn.

3.1. NHỮNG GỢI MỞ TRONG VIỆC CHỌN NƠI CƯ TRÚ CỦA ĐỘNG VẬT

Chọn lựa vùng đất cư trú như thế nào, lấy thức ăn như thế nào, làm sao tránh thiên địch và cách thức sinh sôi nảy nở con cháu ra sao là vấn đề của đa số động vật cần phải giải đáp. Trong đó có thành công trong việc chọn nơi cư trú hay không quyết định rất lớn đến tính hữu hiệu hành vi về ba phương diện khác, cuối cùng nó quyết định sự hưng suy của giống nòi. Nơi cư trú được chọn lựa đặc biệt, có ý nghĩa trong điều kiện hoàn cảnh nhất định, nó làm cho động vật chịu một áp lực đào thải tự nhiên nhất định. Cùng một chủng loài, chọn lựa nơi cư trú khác nhau sẽ dẫn đến sự phân chia địa phận trong cùng giống nòi. Những chủng loài khác nhau có sự thích ứng và chọn lựa nơi cư trú khác nhau thể hiện sự khác biệt về gien giữa những chủng loài khác nhau.

Cùng với việc chọn lựa nơi cư trú, động vật cũng xây dựng hang bằng chính sức mình. Kinh nghiệm di truyền khiến động vật yêu thích một vùng đất cư trú có tính đặc thù, thông qua gien di truyền cho đời sau, tổ tiên của chúng đã quy định chuẩn mực cho một mô hình vùng đất cư trú lý tưởng. Khi đối diện với hoàn cảnh thực tế, động vật cũng có thể học tập kinh nghiệm, thích ứng với hoàn cảnh mới trong một giới hạn nhất định, và sửa đổi mô hình lý tưởng xây dựng trên cấu trúc gien truyền từ

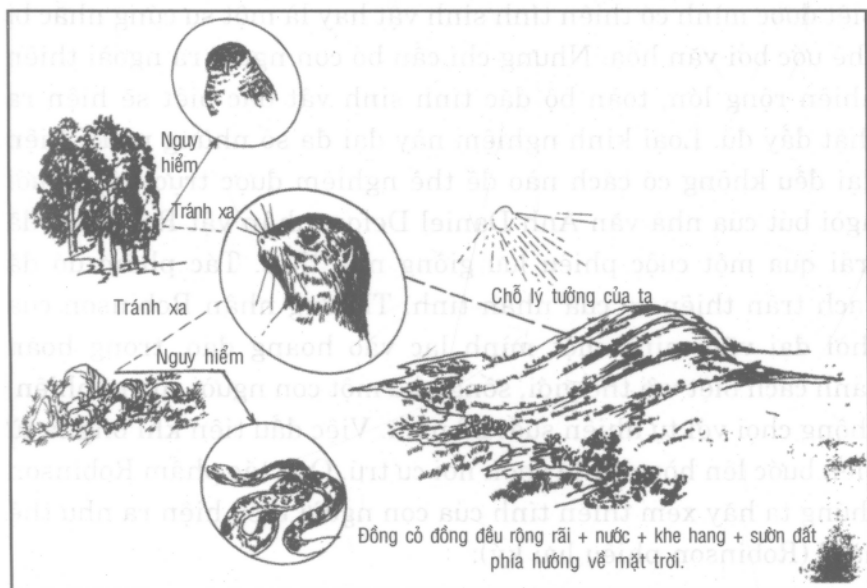
tổ tiên đến con cháu đời sau. Quan sát thực tế hoang dã và các công tác trong phòng thí nghiệm đã chứng minh, trên cơ sở bản năng di truyền, động vật đều tận lực chọn lựa nơi cư trú có các điều kiện lý tưởng hoặc gần như lý tưởng.

Tiêu chuẩn cuối cùng để phán đoán xác định nơi cư trú lý tưởng của động vật là tính phong phú của thức ăn trong vùng cư trú, không bị nguy hiểm và thuận lợi cho việc sinh sản, nuôi dưỡng con cháu đời sau. Nhưng trong nhiều tình huống, những nhân tố này thường rất khó cảm nhận trực tiếp. Điều này đòi hỏi động vật phải căn cứ vào một số dấu hiệu hoàn cảnh môi trường có thể nhận biết được ở hiện tại để chọn lựa vùng đất cư trú có ý nghĩa lâu dài. Những nhân tố môi trường làm căn cứ cho việc chọn lựa nơi cư trú thường khác biệt rất lớn so với tiêu chí lý tưởng. Đôi khi cần phải hy sinh lợi ích tạm thời để thỏa mãn nhu cầu lâu dài hơn, đối với những loại động vật có tính tiết mùa thì vấn đề này thể hiện rõ rệt. Quá trình thích ứng với thiên nhiên đã cung cấp cho động vật khả năng này. Trong việc chọn nơi cư trú của loài chuột như đã nói ở đoạn trên, thức ăn và nguồn nước là những tiêu chí cuối cùng có thể phán định trực tiếp trong việc chọn lựa nơi cư trú. Nhưng một số cá thể không có kinh nghiệm về môi trường hang huyệt trong mùa đông nên sự chọn lựa có tính an toàn là sự biểu hiện phản ứng bản năng đối với một số đặc trưng cảnh quan gián tiếp. (Hình 46): sườn phía Tây Bắc = mùa đông tàn khốc; đồng gạch đá đổ nát = loài rắn hung ác; bụi cây liễu hoặc cây dương đỏ = chim cú mèo và chim trĩ đáng sợ.

Động vật rất kén chọn khi lựa chọn nơi cư trú. Nó không tiếc thời gian và công sức cải tạo môi trường để nơi cư trú càng gần với mô hình lý tưởng hơn. Hành vi đắp đê trữ nước của loài

rái cá là một việc ai ai cũng biết, thậm chí ở một mức độ nào đó nó cải đổi kết cấu cảnh quan dòng chảy của sông. Trong tình trạng nguồn tài nguyên hạn chế và tập trung tương đối, động vật sẽ có hành vi bảo vệ lãnh địa, khiến vùng đất cư trú của chúng trở thành lãnh địa có tính chất biệt lập. Thông qua các loại ký hiệu (ký hiệu của thị giác, xúc giác hoặc thính giác) chúng nhận biết và bảo vệ lãnh địa của mình, tùy lúc, tùy nơi chúng sẽ phát động công kích những kẻ xâm nhập lãnh địa.

Động vật, con người chọn lựa, cải tạo và bảo vệ nơi cư trú của mình như thế nào?



Hình 46. Cảm ứng tốt xấu của loài chuột đối với đặc trưng cảnh quan trong môi trường (tác giả vẽ).

3.2. TỪ NƠI CƯ TRÚ CỦA ROBINSON XEM, THIÊN CHÚC CHỌN NƠI CƯ TRÚ CỦA CON NGƯỜI

So với động vật, chúng ta chọn lựa và quy hoạch nơi cư trú của mình hoàn toàn không bị động và bất lực như "người vằn mình" mà tác phẩm "người thợ săn và nhà triết học" của Simonds châm biếm. Trái lại, việc chọn lựa chứ không phải là cái tạo hoặc sáng tạo. Con người sáng suốt hơn động vật, càng kén chọn, càng có nhiều điều kiêng kỵ hơn.

Sống trong thời văn minh hiện đại, con người khó mà phân biệt được mình có thiên tính sinh vật hay là một sự cứng nhắc bị chế ước bởi văn hóa. Nhưng chỉ cần bỏ con người ra ngoài thiên nhiên rộng lớn, toàn bộ đặc tính sinh vật đặc biệt sẽ hiện ra thật đầy đủ. Loại kinh nghiệm này dai dẳng số những người hiện đại đều không có cách nào để thể nghiệm được trực tiếp. Dưới ngòi bút của nhà văn Anh Daniel Defoe, nhân vật Robinson đã trải qua một cuộc phiêu lưu giống như thật. Tác phẩm đó đã vạch trần thiên cơ của nhân tính. Thương nhân Robinson của thời đại văn minh một mình lạc vào hoang đảo, trong hoàn cảnh cách biệt với thế giới, sống như một con người của tự nhiên, chống chọi với tự nhiên suốt 28 năm. Việc đầu tiên khi ông ta từ biển bước lên hòn đảo là chọn nơi cư trú. Qua tác phẩm Robinson chúng ta hãy xem thiên tính của con người biểu hiện ra như thế nào? (Robinson phiêu lưu ký):

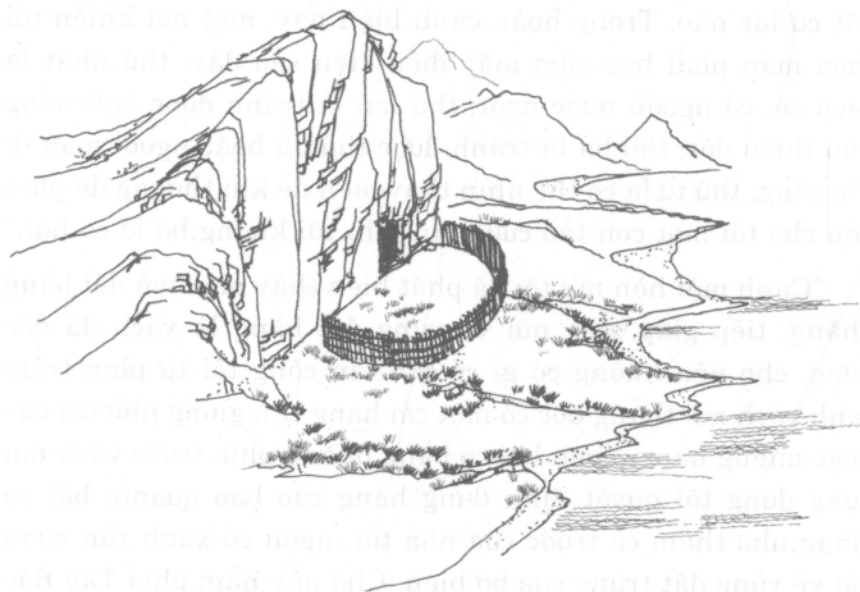
Sau khi định thần, Robinson nhìn xung quanh, xem rõ cuộc là mình lạc vào đâu để quyết định nên làm gì tiếp theo. Khi ông ta phát hiện thấy mình chẳng có một vật gì trong người và đang ở một vùng đất hoang vắng, còn màn đêm thì sắp buông xuống, lòng cảm thấy nặng nề, ông nghĩ rằng mình có thể trở thành miếng mồi trong bụng thú dữ. "Cách duy nhất để bảo toàn tính

mạng là tôi leo lên một cây to có lá rậm, tán to, có gai như là loại cây Vân Sam, và tôi đã trải qua đêm đầu tiên trên hoang đảo ở trên cây”.

Việc quan trọng của ngày thứ hai chính là tìm một chỗ nghỉ ngơi an toàn: “Toàn bộ tâm tư của tôi hiện nay là làm thế nào để bảo vệ chính mình khỏi sự tấn công của thú dữ để có thể tồn tại trên đảo và những người dã man có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh hiện nay, một nơi khiến tôi thỏa mãn phải bao gồm mấy điều kiện sau đây: thứ nhất là sạch sẽ, có nguồn nước ngọt; thứ hai là tránh được ánh nắng như thiêu đốt; thứ ba là tránh được thú dữ hoặc người man di tấn công; thứ tư là có thể nhìn thấy biển để khi thượng đế phải đến cho tôi một con tàu cứu mạng thì tôi không bỏ lỡ cơ hội.”

“Cạnh một hòn núi tôi đã phát hiện thấy một chỗ đất bằng phẳng, tiếp giáp giữa núi và vùng đất bằng là vách đá dốc đứng, cho nên không có gì có thể tấn công tôi từ phía trên; cạnh vách núi thẳng dốc có một cái hang cạn giống như cái cửa hoặc miệng hang. Trên bãi cỏ bằng phẳng phía trước vách núi dựng đứng tôi quyết định dựng hàng rào bao quanh; bãi cỏ giống như thảm cỏ trước cửa nhà tôi, ngọn cỏ xanh rờn vươn dài về vùng đất trũng của bờ biển. Chỗ này nằm phía Tây Bắc của hòn núi lệch về hướng Bắc nên tôi có thể tránh được cái nắng như thiêu đốt...” (hình 47). Sau khi xem xét chỗ cư trú, Robinson bèn lấy hang cạn làm trung tâm, vây quanh bằng hàng rào nhiều lớp hình nửa vòng tròn dài 9,14m, hợp với vách đá thẳng đứng cấu thành nơi cư trú hoàn toàn đóng kín. Không cửa, chỉ dùng một chiếc thang để ra vào. Từ đó về sau, trong quá trình đi sâu vào đảo tìm kiếm, ông ấy tìm thấy nguồn thức ăn phong phú và chọn nơi cư trú trong rừng cách xa bờ biển, ông làm ở đó “gian nhà tranh vùng thôn quê”.

Hành vi chọn nơi cư trú của Robinson đã thể hiện một số đặc tính tâm lý nào đó của người sống theo tự nhiên. Điều này chính là nguyên nhân chủ yếu khiến "Robinson phiêu lưu ký" thu hút được sự đồng tình rất mạnh mẽ của đông đảo mọi người. Bởi vì ý muốn và hành vi của ông ấy chính là ý muốn và hành vi của con người, là đặc tính sinh vật của loài người.



Hình 47. Sơ đồ nơi cư trú như ý của Robinson (tác giả căn cứ vào miêu tả trong "cuộc phiêu lưu của Robinson" để vẽ nên).



MÔ HÌNH CƯ TRÚ NHƯ Ý CỦA LOÀI NGƯỜI NGUYÊN THỦY Ở TRUNG QUỐC

4.1. TỪ RỪNG RẬM ĐẾN THẢO NGUYÊN - QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ TIẾN HÓA CỦA Ý THỨC CẢNH QUAN TỐT XẤU

Chương trên cho chúng ta thấy, để trở thành con người sống theo tự nhiên, chúng ta phải chọn lựa nơi cư trú lý tưởng như thế. Khả năng nhận thức của con người hoàn toàn không thấp hơn những động vật khác. Về phương diện tiến hóa và quy luật đào thải tự nhiên, loài người là một loại động vật đã từng tiếp nhận sự đào thải nghiêm ngặt nhất và khảo nghiệm ngặt nghèo nhất của thiên nhiên.

Cách nay khoảng 15.000.000 năm, tác dụng của những dòng sông băng khiến khí hậu trái đất dần dần lạnh và khô. Nhiều vùng đại lục cũ (chủ yếu là châu Á, Âu, Phi) vốn là cảnh quan rừng rậm của thời đại trung tân sinh, khép kín và đồng đều (1) đã biến đổi thành cảnh quan thảo nguyên - rừng rậm không đồng đều (2), mở rộng. Là thành viên kém nhất trong loài vượn

(1) Đồng đều : Địa chất cảnh quan tương đối đồng đều.

(2) Không đồng đều : Địa chất cảnh quan mang tính đa dạng, tương đối không đồng đều.

cổ ở rừng rậm, tổ tiên thời kỳ đầu của loài người không thể không rời khỏi rừng rậm, từ bỏ cuộc sống trên cây trong các rừng nhiệt đới ở châu Phi để xuống sống ở mặt đất. Từ đó bắt đầu lịch sử phát triển và tiến hóa bi tráng của loài người. Hiện nay đã có nhiều căn cứ thể hiện rõ, cách nay 3 - 4 triệu năm, sự phân bố của tổ tiên thời kỳ đầu của loài người đều giới hạn ở thảo nguyên rừng rậm châu Phi (thảo nguyên cây thưa, vùng nhiệt đới).

So với cuộc sống trên cây trong rừng rậm nóng ẩm, tổ tiên loài người thời kỳ đầu sống trên mặt đất trong cảnh quan thảo nguyên rừng rậm, luôn đối mặt với những kẻ thù gắt gao hơn. Có thể nói nguy hiểm và cơ hội sinh tồn là ngang nhau. Một mặt, trên thảo nguyên có nguồn tài nguyên săn bắt hái lượm rất phong phú; động vật, các loại cây làm thức ăn chỗ nào cũng có; những động vật nhỏ và các loại thực vật sống 1. 2 năm ở gần bên nguồn nước đều có thể trở thành đối tượng săn bắt và hái lượm. Nhưng mặt khác, cuộc sống trên mặt đất đối diện với hoạt động của sài lang hổ báo trong rừng rậm và trên thảo nguyên. Bản thân tổ tiên loài người cũng trở thành đối tượng bị săn bắt. Không giống như lúc sống trên cây, có thể ở trên cao mặc cho mãnh thú trợn mắt rình mò, loài vượn cổ ý chuyển vận từ cây này sang cây khác, ung dung tự đắc hái những quả chín và lá non trên cây. Trong rừng cây nóng ẩm, cảnh quan đồng đều, thiếu kết cấu không gian, nhiều cành lá dày đặc tạo môi trường thuận lợi cho những sinh vật sống trên cây hoạt động trong trạng thái có thể ở cùng nhau nhưng đều rất bí mật, dù gần trong gang tấc cũng không dễ gì phát hiện ra đối phương. Cho nên, thông qua thị giác để nhận biết cảnh quan mang lại hiệu quả rất thấp, từ đó đã phát triển khả năng chủ yếu thông qua thính giác và xúc giác để nhận biết cảnh quan và phân biệt đối phương. Hành vi ẩn nấp và sợ ụ hiếp là phương hướng tiến hóa của động vật rừng rậm. Nhưng trên thảo nguyên cây cối thưa

thốt, cảnh quan không đồng đều. Trong rừng, sâu trong đám cỏ cao, trong lùm bụi, trong nước, sau vách đá, đầu đầu cũng ẩn dấu nguy hiểm. Tổ tiên của loài người có thể nhìn thấy từ xa vật săn bắt và "tay thợ săn" từ chỗ trống trải, đồng thời họ cũng rất dễ để lộ chính mình trong tầm mắt của vật săn bắt và "tay thợ săn". Do vậy nó đòi hỏi tổ tiên loài người phải có phán đoán chính xác và kịp thời đối với vật thể xuất hiện trước mắt, để nhanh chóng phản ứng chạy trốn hay tấn công. Chính điều này đã thúc đẩy sự tiến hóa năng lực nhận biết bằng thị giác của loài người. Chỉ cần chúng ta so sánh một chút giữa con người với tổ tiên xa xôi của con người chưa bao giờ bước ra khỏi rừng rậm thì có thể thấy, mấy triệu năm kinh nghiệm cảnh quan thảo nguyên cây thưa chiếm hết đa số thời gian của toàn bộ lịch sử tiến hóa nhân loại, tạo nên tác dụng to lớn đối với sự hình thành và tiến hóa kết cấu tâm lý, sinh lý của loài người.

Chỉ nhìn từ tố chất sinh lý và thể chất thì con người quả thật là một loài kém: chạy chậm hơn những loài có chân móng (như ngựa, hươu...), vô chụp không bằng loài ăn thịt, bản lĩnh leo cây không bằng các loài linh trưởng khác, xuống nước thì càng không phải là tay bơi giỏi, cũng không có lớp mỡ và bộ lông dày để chịu rét như động vật. Nhưng chính vì những yếu kém về thể chất và sinh lý này bắt buộc loài người phải chọn lựa nơi cư trú đặc thù và lợi dụng có hiệu quả cảnh quan thiên nhiên nhất để sinh tồn và phát triển. Điều kiện hoàn cảnh hoặc nơi cư trú này có thể giúp người nguyên thủy tiến hành hữu hiệu các hành vi liệt kê dưới đây:

4.1.1. Bảo vệ

Tổ tiên loài người sống trên mặt đất cần phải lợi dụng một kết cấu nào đó trong cảnh quan để trốn tránh những kẻ săn bắt mình. Các chứng cứ hóa thạch thể hiện rõ, loài người sống trên

thảo nguyên cây thưa châu Phi chủ yếu là leo lên cây hoặc trèo lên núi để tránh thiên địch trong một thời gian rất dài. Một khi từ bỏ cuộc sống trên cây, tổ tiên loài người thời kỳ đầu vẫn còn quanh quẩn ven rừng, đồng thời giữ gìn một khoảng cách nhất định với rừng cây và vách núi, để khi bị thú dữ trên thảo nguyên truy đuổi thì kịp thời leo lên cây hoặc trèo lên vách núi để trốn tránh. Đối mặt với áp lực đào thải tàn khốc của thiên nhiên, hành vi ven biên này rõ ràng có giá trị thích ứng rất quan trọng. Trên đồng cỏ mênh mông trong núi hoặc ven rừng, một vài cây to đứng cô lập hoặc một mòm núi đá đột nhiên nhô lên, có thể trở thành chỗ dựa và là vật bảo vệ an toàn cho tổ tiên loài người trong quá trình tiến vào khai phá vùng thảo nguyên. Đồng thời nó có thể trở thành tâm điểm hoạt động của tổ tiên trong một phạm vi nhất định. Chính nhờ sự lợi dụng khả năng leo trèo di truyền lại từ trong cuộc sống trên cây, tổ tiên loài người đã lợi dụng cây cối và ngọn núi đá hiểm trở để tạo nên một sự cách ly trong không gian, ngăn được những loài động vật ăn thịt không biết leo trèo. Đềm đầu tiên của Robinson chọn là ở trên cây.

Khi con người phải trải qua một đêm dài và giá lạnh, trong đêm tối, con người không có cách nào thấy được thú dữ đến gần (đây chính là nguyên nhân làm con người có cảm giác sợ hãi trong bóng tối). Vì vậy chỉ có leo lên cây, trèo lên núi để tạm thời tránh khỏi sự đuổi bắt của những kẻ đi săn mình. Ngoài ra tổ tiên loài người còn cần phải có một nơi cư trú trực tiếp, tương đối ổn định và an toàn. Mặt phẳng trên núi hoặc hang động là sự chọn lựa tốt nhất, đồng thời có thể xây dựng thêm các chướng ngại vật bao quanh để mình ở trong trạng thái được che chắn, ngăn ngừa các động vật ăn thịt và những đối thủ đồng loại biết được bất kỳ tin tức gì trong nơi cư trú. Đối diện với thú dữ và đối thủ cạnh tranh thì một nơi không được biết rõ là một nơi có ẩn dấu nguy hiểm. Trong tình hình đó, khả năng sử dụng công cụ

rất hạn chế. Do vậy, loài người chọn những cảnh quan có nước, vách đá cách ly để xây dựng nơi ở có lợi, an toàn cao. Hành vi chọn nơi cư trú của Robinson là một minh chứng rất sinh động.

4.1.2. Săn bắt

Có lý do cho rằng tổ tiên loài người sống trên thảo nguyên cây cối thưa thớt thường chọn dùng nhiều cách thức săn bắt. Từ săn bắt dựa vào cơ hội may rủi, phát triển đến cách lập kế hoạch săn bắt, hợp tác săn bắt và mai phục săn bắt. Bất luận cách thức săn bắt như thế nào, con người đều tiến hành trong điều kiện lợi dụng cảnh quan thiên nhiên ở những mức độ khác nhau. Săn bắt cơ hội chủ yếu là đi thăm những nơi trước đây đã từng săn được hoặc đến nơi cư trú của động vật, như là hang động để bắt lấy thú săn. Nó đòi hỏi tổ tiên loài người từ một bộ phận thú săn có thể phán đoán được toàn thể, từ những dấu hiệu trong cảnh quan có thể phán đoán xem thú săn có ở đó hay không, rồi họ lập kế hoạch săn bắt, nhẹ nhàng áp sát con vật, trong chớp mắt họ tấn công, bất ngờ giết chết con thú trước khi nó phát hiện ra. Bàn chân dầy và mềm của con người thích ứng với hành vi săn bắt này. Hiên nhiên, giữa vật bị săn và người đi săn có một số nhân tố cảnh quan có thể ẩn nấp và tiếp cận thú săn (như tảng đá lớn, bụi rậm) sẽ nâng cao hiệu suất kế hoạch săn bắt rất nhiều.



Hình 48. Sở thích leo cây của trẻ con bắt nguồn từ sự thích ứng đối với việc bảo vệ và săn bắt hái lượm (tác giả chụp).

Trong hợp tác săn bắt, tổ tiên của loài người đã học được cách lợi dụng các cạm bẫy tự nhiên như đầm lầy hoặc khe núi. Mục đích là đuổi những động vật ăn cỏ rơi xuống khe núi hoặc rơi vào đầm lầy, thậm chí có thể khiến những động vật to lớn như thú dữ rơi vào cánh tuyệt vọng. Khảo cổ phát hiện, gần mười mấy vạn năm trước, người Ni-an-de-te (người cổ đại) đã rất giỏi về cách săn này. Chỗ tụ hợp (chỗ cư trú) của họ thường nằm ở gần khe núi và chuồng trại vật thiên nhiên. Khi mai phục săn bắt, việc lợi dụng kết cấu cảnh quan càng thể hiện rõ. Săn bắt những nơi động vật thường xuyên đi qua, hoặc nơi có nguồn tài nguyên hiếm hoi như gần nguồn nước, họ ẩn nấp ở đó, chờ đợi thời cơ. Trong cách săn bắt này lộ trống (cửa quan) và hành lang đều là kết cấu cảnh quan có hiệu quả nhất. Điều này rõ ràng sẽ dẫn đến sự ưa chuộng đặc thù của con người với kết cấu loại này.

4.1.3 Phân biệt và thăm dò không gian

Tổ tiên loài người có hai thân phận: làm người đi săn và vật bị săn. Họ không những phải có phán đoán tốt xấu trước sự xuất hiện bất kỳ của vật thể nào trong cảnh quan, mà còn cần phải phán đoán tốt xấu đối với không gian. Trong thời đại săn bắt tàn khốc, lạc vào cảnh tuyệt vọng như thế chẳng khác gì đi tìm cái chết. Nhưng so sánh khả năng phân biệt không gian của loài người với những loài động vật khác thì quả thật loài người còn thua xa. Những loài có khả năng đặc biệt như bò câu đưa thư, chó săn, chim hậu vượt qua đại dương, di chuyển từ Nam xuống Bắc đại lục, mỗi năm đều có thể trở về chính xác một điểm nào đó. Về phương diện này con người không bằng loài chuột. Chính điều này nói lên rằng con người cần phải có tính phân biệt đối với cảnh quan. Các đặc trưng nhận biết không gian như vật đánh dấu, tính tổng thể của không gian, kích thước của không

gian, đặc trưng phương hướng vị trí... chính là điều kiện chọn lựa không gian hoạt động và cư trú.

Trong cuộc sống lâu dài ở thảo nguyên rừng rậm, tổ tiên loài người lúc nào cũng dò tìm và khai phá cảnh quan mới, nơi cư trú mới. Chính thiên tính tìm kiếm và khai phá của loài người mới có thể giúp con người chinh phục từng góc nhỏ của trái đất, thậm chí vượt ra ngoài không gian vũ trụ. Khi có sự phát triển của các chủng loại quần thể và nguy cơ thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên nếu thiếu tính tìm tòi, không mở rộng nơi cư trú sẽ khiến cho quần thể rơi vào hoàn cảnh tuyệt vọng. Vì vậy, dự báo không gian mới và kết cấu cảnh quan phát triển trong tương lai sẽ trở thành một trong những điều kiện chọn lựa vùng đất cư trú của loài người.



Hình 49. Sở thích thăm nom và dòm ngó bắt nguồn từ sự thích ứng đối với việc dò tìm và phân biệt không gian (tác giả chụp).

4.1.4. Bảo vệ lãnh địa

Trong lịch sử tiến hóa lâu dài của nhân loại, thời kỳ có khí hậu đông giá thảo nguyên phát triển mạnh, loài động vật ăn cỏ rất phong phú, đồng thời cũng có thời kỳ tan băng thảo nguyên thoái hóa, rừng rậm xâm nhập và sa mạc hóa, tài nguyên thiên nhiên rất thiếu. Tình trạng thiếu nguồn tài nguyên săn bắt, hái lượm rất phổ biến, đồng thời tài nguyên phân bố hạn chế ở ven bờ đầm lầy, khe núi, sông suối, thung lũng núi..., từ đó đã dẫn đến tính cạnh tranh khốc liệt giữa loài người với các loài khác, xuất hiện những nơi cư trú có tính biệt lập (lãnh địa). Chính vì vậy hành vi bảo vệ lãnh địa của loài người phát triển. Tính hạn chế của tổng thể tài nguyên thiên nhiên và tính phong phú cục bộ cùng với tính đáng bảo vệ là điều kiện cơ bản để hành vi bảo vệ lãnh địa phát triển. Chu lãnh địa cần phải hy sinh một phần năng lượng dùng cho việc đi thị sát, đánh dấu lãnh địa và tấn công kẻ xâm nhập để đảm bảo độc quyền hưởng thụ nguồn tài nguyên. Và nếu như sự phân bố nguồn tài nguyên trong lãnh địa cư trú khá thưa thớt hay không gian lãnh địa quá rộng lớn; hoặc nơi cư trú không thuận lợi cho việc đánh dấu và thị sát, thiếu kết cấu tính phòng vệ thì hành vi bảo vệ lãnh địa của chủ nhân sẽ phải tiêu hao rất nhiều công sức, thậm chí không thực hiện được. Vì thế, cảnh quan có nguồn tài nguyên tập trung và có ưu thế chiến lược bảo vệ sẽ rất được người nguyên thủy coi trọng.

Tóm lại, rời khỏi cuộc sống trên cây và dần thân vào cảnh quan thảo nguyên rừng rậm đa dạng hóa, loài người phải đối mặt với sự đào thải của tự nhiên rất tàn khốc, từ đó đã tiến hóa một loạt hành vi có tính thích ứng, họ đã phát triển khả năng tâm lý phán đoán và nhận thức cảnh quan tương ứng của mình. Điều này giúp loài người có thể lợi dụng một số kết cấu nào đó

của cảnh quan thiên nhiên để khắc phục những thế yếu về cơ thể và sinh lý của bản thân để tiến hành có hiệu quả công việc bảo vệ, săn bắt, phân biệt và tìm kiếm không gian, cùng với việc khai phá không gian mới. Đồng thời họ có thể bảo vệ hữu hiệu vùng đất cư trú, giành lấy độc quyền hưởng thụ nguồn tài nguyên. Những kết cấu cảnh quan có lợi cho những hành vi nói trên của con người trở thành những đặc trưng lý tưởng của nơi cư trú mà con người dựa vào để sinh tồn và phát triển, thành cái con người ưa chuộng, tìm kiếm (hình 48, 49, 50, 51). Trên nền tảng này, chúng ta khảo sát một chút về mô hình nơi cư trú lý tưởng (nói chính xác là nơi cư trú vừa ý) của người nguyên thủy ở Trung Quốc với những đặc trưng kết cấu của nó.



Hình 50. Một cảnh quan kết cấu phân biệt khiến sự vận động trong không gian của con người mù mịt không thể xác định (tác giả chụp).



Hình 51. Sở thích của con người đối với kết cấu lãnh địa bắt nguồn từ sự thích ứng đối với việc bảo vệ lãnh địa (tác giả chụp).

4.2. MÔ HÌNH CƯ TRÚ VỪA Ý CỦA NGƯỜI NGUYÊN THỦY Ở TRUNG QUỐC - HÌNH TƯỢNG NGUYÊN MẪU CỦA PHONG THỦY LÝ TƯỞNG

Sau khi trải qua hơn một triệu năm dưới sự đào luyện và đào thải của thảo nguyên cây thưa vùng nhiệt đới châu Phi (thảo nguyên rừng rậm), vào khoảng thời kỳ đầu của thời đại tân sinh (cách nay khoảng 3 triệu năm), tổ tiên loài người đã mang những

đặc chất tâm lý và sinh lý của người đứng thẳng, xuất hiện ở đại lục Âu - Á. Người đứng thẳng xuất hiện ở Trung Quốc vừa mới bắt đầu thì đã đặt mình trong địa hình phức tạp. Từ những di chỉ của người nguyên thủy, nghiên cứu cho thấy từ người đứng thẳng đến thời kỳ cuối của người thông minh, đa số phân bố tập trung ở ba khu vực địa lý tự nhiên lớn của Trung Quốc. Đó là khu vực khí hậu gió mùa ở Đông bộ, khu vực khô hạn vùng Tây Bắc và khu vực đới khí hậu quá độ ven khu giá rét Thanh Tạng. Ở những khu vực chuyển tiếp giữa các đới khí hậu này, đồi núi chập chùng, sông ngòi ngang dọc, loại hình cảnh quan phong phú, đa dạng nhất, là nơi cung cấp cho loài người nguyên thủy nhiều dạng vùng cư trú đáng đầu tư chọn lựa. Thông qua việc so sánh và phân tích những vùng đất cư trú điển hình mà người nguyên thủy đã sinh sống qua một thời gian dài (bảng 3), chúng ta có thể phát hiện thấy những đặc trưng kết cấu của nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy Trung Quốc. Cái gọi là "vừa ý" ở đây chỉ là những vùng đất cư trú có thể chọn lựa lúc đó, một sự chọn lựa nào đó gần với mô hình lý tưởng nhất. Cho nên từ trong những vùng đất cư trú vừa ý, điển hình này, chúng ta vừa có thể thấy được mô hình nơi cư trú lý tưởng trong tâm hồn người nguyên thủy, vừa nhìn thấy được sự thích ứng đối với nơi cư trú vừa ý nhưng không thật sự lý tưởng này và di truyền cho đời sau, và nó còn ảnh hưởng đến mô hình lý tưởng của người hiện đại.

Dễ thấy rằng, giữa nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy ở Trung Quốc với mô hình phong thủy lý tưởng cùng những mô hình cảnh quan lý tưởng của người Trung Quốc có những đặc trưng kết cấu tương đồng rất rõ. Trên cơ sở thảo luận về những hành vi của người nguyên thủy như bảo vệ, săn bắt, phân biệt và dò tìm không gian cùng với hành vi bảo vệ lãnh địa như đã nói ở

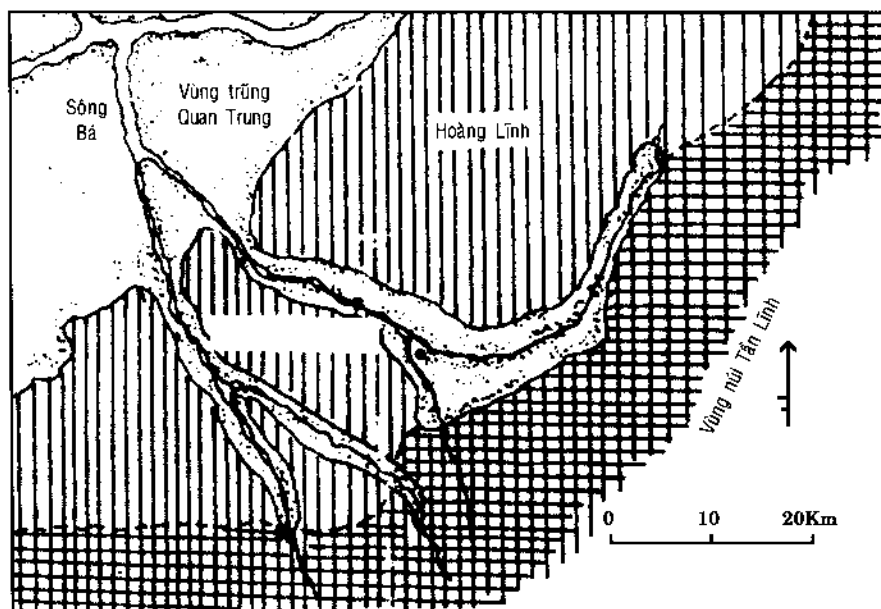
đoạn trên, chúng ta phân tích chức năng sinh thái chủ yếu của kết cấu cảnh quan nơi cư trú vừa ý đã nói trên.

Bảng 3: Kết cấu điển hình nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy ở Trung Quốc

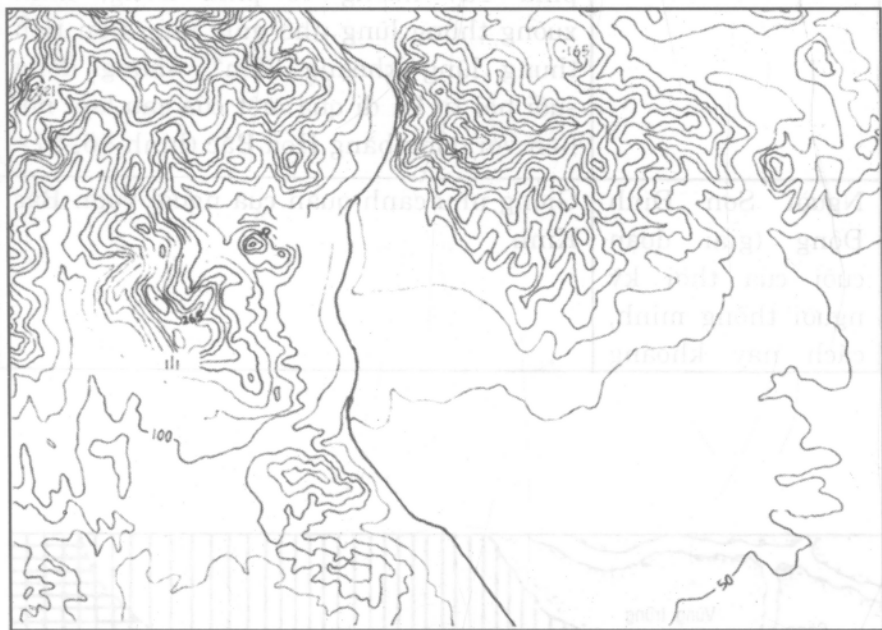
Loại người nguyên thủy	Kết cấu tổng thể cảnh quan nơi cư trú
Người vượn Nguyễn Mưu (giai đoạn đầu của người đứng thẳng, cách nay khoảng 1.700.000 năm)	Nơi cư trú nằm ở thung lũng Nguyễn Mưu, chiều Bắc Nam dài khoảng 30km, chiều Đông Tây khoảng 7km, nơi phát hiện hóa thạch ở trên gò nhỏ trong thung lũng thuộc chân núi Đông Sơn, độ cao tương đối 4m, diện tích chỉ có 320m ² . Địa thế lân cận gò núi khá cao, độ cao tương đối khoảng 150m. Tổng thể địa thế lệch từ phía Đông sang hướng Tây Nam và Tây Bắc. Phía Tây nam thung lũng là sông Bang chảy qua sông Long Xuyên hội nhập vào sông Kim Sa.
Người vượn Lam Điền (giai đoạn đầu của người đứng thẳng, cách nay khoảng 1000000 năm)	Nơi cư trú là khe sông Bá, nằm ở góc Đông Nam của vùng đồng bằng Quan Trung, phía Đông Nam là dãy núi Tần Lĩnh cao chót vót, hai phía Bắc Nam đều là đất hoàng thổ dốc đứng. Nơi có hóa thạch là một dãy gò đất sát chân núi Tần Lĩnh, cao hơn lòng sông khoảng 100m, nằm gần sông Bá, đầu Đông Nam của sông Bá ăn sâu vào trong vùng núi Tần Lĩnh, đầu Tây Bắc chạy ra đồng bằng đất trũng của sông Vị (hình 52)

Người vượn Bắc Kinh (giai đoạn người đứng thẳng, cách nay khoảng 200000-700000 năm)	Nơi cư trú ở vùng Cầu Khẩu Điểm, nằm ở góc Tây Bắc của đồng bằng Hoa Bắc rộng lớn, Tây Bắc dựa vào dãy núi cao kéo dài, Đông Bắc là những gò đồi nhỏ nhấp nhô, phía Nam và Đông Nam là đồng bằng Hoa Bắc rộng lớn từ từ chạy về phía Nam, ở phía trước chân núi của Long Cốt phía Tây Bắc có một ngọn đồi nhỏ tương đối độc lập, trên đó có động Long Cốt. Đây chính là nơi sinh sống trực tiếp của những người vượn cư trú, độ cao tương đối của ngọn đồi khoảng 70m, nằm gần sông Bá Nhi, chiếm một góc của đồng bằng. Sông Bá Nhi chảy qua sông Lưu Ly và sông Vinh Định-nối liền với hành lang sông Tang Can (hình 53)
Người Mã Bá (giai đoạn đầu của người thông minh, cách nay khoảng 100000 năm)	Nơi cư trú nằm trong một vùng thung lũng núi đá Mã Bá Hoạt ở Quảng Đông. Hang động của họ nằm ở ngọn núi sư tử, là một đỉnh núi đá vôi cô lập, cao 60-70m, bốn bên có các ngọn núi thấp bao bọc. Sông Mã Bá uốn lượn trong thung lũng, phía sau nối tiếp với sông Bắc Giang, huyệt động nhìn xuống thung lũng và vùng đầm lầy bao quanh (hình 54, 55)
Văn hóa Tiểu Nam Hải (cách nay khoảng 130000-250000 năm)	Di chỉ Tiểu Nam Hải cách phía Tây thành An Dương 25km, nằm ở khu vực chuyển tiếp giữa đồng bằng Hoa Bắc và núi Thái Hằng. Phía Tây là dãy núi Thái Hằng, phía Đông là đồng bằng Hoa Bắc. Huyệt động của người nguyên thủy nằm trong thung lũng của những đồi núi, nằm

	chừng ngọn núi Bắc Lâu Đình, lưng ở phía Tây hướng về phía Đông, nhìn xuống thung lũng nhỏ giữa núi, diện tích thung lũng khoảng 3km ² , những dòng suối hội tụ lại đi qua một cửa sau hẹp nối liền với đồng bằng Hoa Bắc (hình 56, 57)
Người Sơn Đình Đông (giai đoạn cuối của thời kỳ người thông minh, cách nay khoảng	Giống như cảnh quan của người vườn Bắc Kinh



Hình 52. Tổng thể kết cấu cảnh quan nơi cư trú của "người Lam Diên"



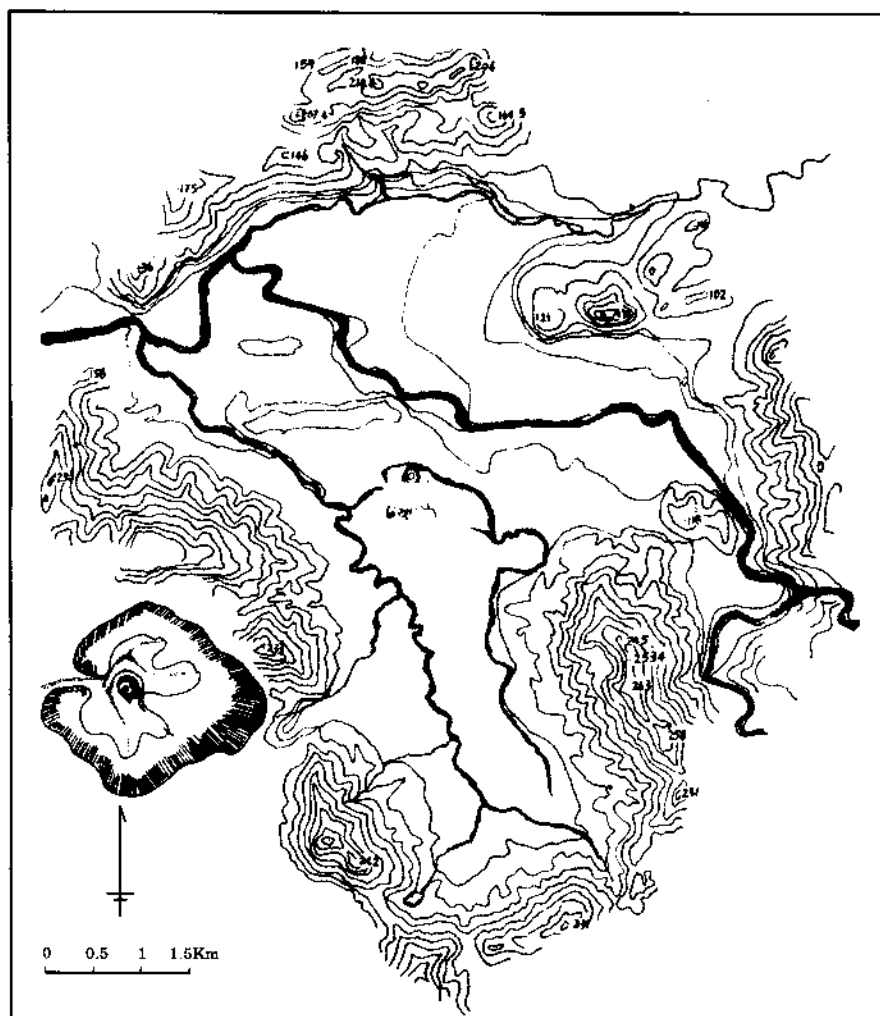
Hình 53. Tổng thể kết cấu cảnh quan nơi cư trú của “người Bắc Kinh”.



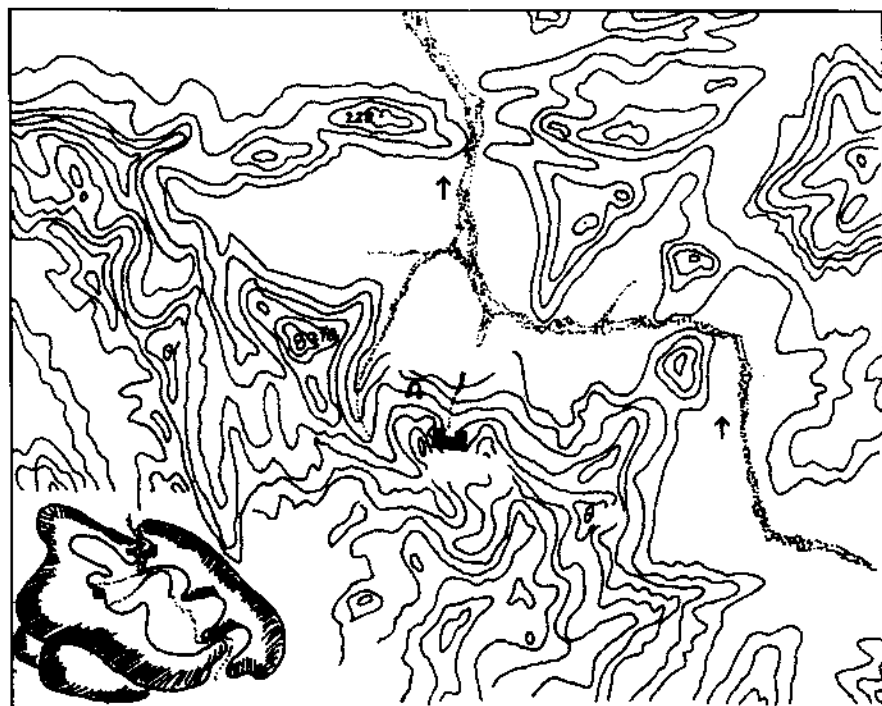
Hình 55. Cảnh quan nơi cư trú của “người Mã Bá” (tác giả chụp).



Hình 57. Cảnh quan di chỉ “văn hóa tiểu Nam Hải” (tác giả chụp).



Hình 54. Tổng thể kết cấu cảnh quan nơi cư trú của "người Mã Bá" (tác giả vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).



Hình 56. Tổng thể kết cấu cảnh quan của di chỉ “Văn hóa Tiểu Nam Hải” (tác giả căn cứ theo khảo sát thực địa và địa hình vẽ lại theo tỉ lệ 1/50.000).

4.2.1. Hiệu ứng của kích thước và hợp vây (tổng hợp chung quanh)

Trong bảng 3, những nơi cư trú vừa ý điển hình của người nguyên thủy Trung Quốc thường nằm ở thung lũng, lòng sông hoặc một góc của đồng bằng và chúng đều có một loại đặc trưng hợp vây. Kích thước không gian đều ở trong một giới hạn nhất định. Trong con mắt của người quan sát nó cấu thành một cảnh quan đơn nguyên làm cho ta có cảm giác tổng thể rất lớn. Đó chính là khu hoạt động sản bất bình thường của người nguyên thủy. Vậy một chỉnh hợp không gian tương đối đồng đều, kích

thuộc thích hợp với người nguyên thủy là phải có hàng loạt hiệu ứng và ý nghĩa sinh thái:

Thứ nhất, một số nghiên cứu chứng tỏ rằng số cá thể người hợp tác với nhau tốt nhất là trong khoảng $5 + 2$. Số này còn gọi là ma số (số huyền bí). Người nguyên thủy hợp tác săn bắt thường lấy 5 người là phổ biến nhất. Người nguyên thủy trong một quần thể cư trú thường có 10 - 12 người trưởng thành, cùng với những người chưa trưởng thành tổng cộng khoảng 20 - 25 người hợp thành một quần thể. Rõ ràng một quần thể hợp tác khoảng 5 người tiến hành vây bắt, bảo vệ và giữ gìn lãnh địa trên thảo nguyên rộng lớn mênh mông không phải là chuyện dễ dàng. Đối với việc vây bắt, họ cần phải đề phòng thú săn chạy thoát từ bất kỳ hướng nào. Nhưng đối với việc bảo vệ mình và bảo vệ lãnh địa thì họ cần phải ngăn chặn sự tấn công đến từ một hướng nào đó. Và một không gian hợp vây che chắn hoặc gần như hợp vây rõ ràng giúp những hoạt động nêu trên thực hiện dễ dàng hơn rất nhiều.

Thứ hai, khi mới bắt đầu, người nguyên thủy không có khả năng đi xa. Trong những hoạt động thông thường hàng ngày người nguyên thủy lấy nơi ở hoặc hang động làm trung tâm, trong phạm vi bán kính 10km. Nếu vượt ra khỏi cự ly này thì năng lượng mà họ tiêu hao khi đi xa, có khả năng vượt quá số năng lượng mà họ săn bắt hái lượm được. Nhưng dù ở bất cứ vùng nào, tài nguyên thiên nhiên và khí hậu ra sao, dù lãnh địa săn bắt hái lượm có kích thước như thế nào thì vốn tài nguyên thiên nhiên sẵn có vẫn có thể cung cấp đầy đủ thức ăn cho khoảng 25 người. Cho nên, một không gian hợp vây có kích thước như thế là một sự thống nhất với nhu cầu tài nguyên và phù hợp với khả năng bảo vệ lãnh địa, khả năng vận động không gian và quần thể

hợp tác tốt nhất của người nguyên thủy. Loại hiệu ứng kích thước này có ý nghĩa vững bền.

Thứ ba, như đã nói trên, năng lực nhận thức và phân biệt không gian của người nguyên thủy rất hạn chế. Một không gian hợp vây có biên giới rõ ràng, kích thước giới hạn có thể giúp cho hoạt động săn bắt hái lượm của người nguyên thủy trong một không gian quen thuộc được thực hiện một cách dễ dàng. Vì biên giới rõ ràng nên quan hệ sinh thái tương đối ổn định. Dãy núi nhấp nhô ở đường chân trời và địa hình đã trở thành điểm tham chiếu để người đi săn bắt hái lượm xác định phương hướng của mình. Nếu đi ra khỏi điểm tham chiếu này thì người nguyên thủy có thể sẽ lạc ra bên ngoài và trở thành miếng mồi ngon cho các loài thú ăn thịt.

Thứ tư, không gian hợp vây khiến cho kẻ xâm nhập có một cảm giác e dè, không những kẻ xâm nhập có thể bị chủ lãnh địa tấn công bất kỳ lúc nào, mà còn khó chạy thoát một khi đã vào đó. Vì vậy, tuy một không gian nhưng người chiếm hữu và kẻ lần đầu xâm nhập sẽ có cảm thụ về cảnh quan hoàn toàn khác nhau.

Thứ năm, một thung lũng hay lòng sông được vây bọc có được tiêu khí hậu rất tốt (khí hậu trong phạm vi thung lũng hay lòng sông đó). Điều này rất có lợi cho sự phong phú và khả năng tái sinh của tài nguyên thiên nhiên, và duy trì được sự cân bằng trong trao đổi sinh lý của người nguyên thủy.

4.2.2. Hiệu ứng ven biên

Các nơi cư trú điển hình như đã kể trên đều có đặc trưng "ven biên". Chúng ở ven các vùng đất có hệ thống sinh thái, như vùng giao thoa giữa vùng núi, đồng bằng, thung lũng hoặc lòng sông. Nơi sống (nhà ở) trực tiếp của người nguyên thủy là hang

động. Các hang động đặc trưng thường nằm ở ven núi. Từ đó đã sinh ra một loạt "hiệu ứng ven biên":

Đầu tiên, trên dãy đất ven biên, do nhiệt độ và đặc tính của đất đai hiện rõ những đặc trưng của tính quá độ, dẫn đến việc xuất hiện thảm thực vật phong phú và phức tạp. Đó cũng là khu vực phân bố tập trung nhiều loại động vật ăn cỏ. Đây chính là nơi cung cấp nguồn tài nguyên phong phú cho người nguyên thủy săn bắt và hái lượm.

Thứ hai, vùng ven biên với cảnh quan địa lý thuận lợi, thường là những con đường mà động vật di chuyển qua, ví dụ như động vật ăn cỏ theo sự đổi mùa mà di chuyển từ vùng núi đến đồng bằng, và do nhu cầu của mỗi loại động vật đối với nhiều hệ sinh thái mà tiến hành di chuyển... Sự thuận lợi này cung cấp nhiều cơ hội săn bắt và địa hình thích hợp là nơi tốt nhất để phục kích săn bắt.

Thứ ba, vùng ven biên có tính thuận lợi "nhìn xa và bảo vệ". Trong hoàn cảnh cạnh tranh kịch liệt, đối với người nguyên thủy điều này rất quan trọng. Người nguyên thủy cần phải quan sát mọi lúc để có thể kịp thời phát hiện tất cả những gì phát sinh trong môi trường, kể cả hướng vận động của kẻ địch tấn công và dấu vết của thú săn. Đồng thời do tầm nhìn của người nguyên thủy còn hạn chế nên họ cần phải xác định phía sau, nơi không thể an toàn họ có thể căn cứ theo tình hình mà tấn công hay chạy trốn có hiệu quả. Nằm ở chân núi dựa lưng vào núi cao nhìn xuống đồng bằng chính là địa hình tốt nhất "nhìn người mà không bị người nhìn", dễ tấn công và dễ chạy thoát.

Thứ tư, tính dị chất của cảnh quan vùng ven biên là do các loại cảnh quan tạo nên, nên nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nhận biết không gian.

4.2.3. Hiệu ứng cách ly

Ngoài tổng thể cảnh quan cách ly do kết cấu hợp vây và kết cấu dựa vào núi ở gần nước cấu tạo nên, sự cách ly ở nơi sinh sống trực tiếp của người nguyên thủy Trung Quốc - hang động và vùng lân cận càng hiện rõ sự quan trọng. Nó cần phải tuyệt đối an toàn. Vì vậy, nơi ở trực tiếp hoàn toàn không ở trên ngọn núi cao cũng không phải ở trên đồng bằng trống trải, mênh mông, mà là ở gần những ngọn núi lớn. Những ngọn núi lớn này phải là những ngọn núi độc lập hoặc ngọn đồi nhỏ tương đối độc lập, có độ cao và diện tích khá nhỏ. Đặc trưng của loại cảnh quan này có hiệu ứng ở ba phương diện sau đây:

Thứ nhất, trong phạm vi kích thước như thế, có thể loại trừ được những nguy hiểm ẩn dấu.

Thứ hai, dù nơi ở trực tiếp thấp rất nhiều so với kết cấu địa hình vây hợp của vùng biên giới xung quanh nơi cư trú, nhưng phạm vi nơi cư trú lại chiếm cứ điểm cao, có thể nhìn thấy được toàn bộ xung quanh và có ưu thế chiến lược tiến công từ trên cao giáng xuống.

Thứ ba, loại vị trí độc lập tương đối này cùng với cảnh quan nền tạo thành những đơn nguyên địa mạo đối chiếu về hình thể, kích cỡ (như là một cây đứng biệt lập và thể núi đá), nó trở thành vật làm dấu không gian chủ yếu, là một nút thắt quan trọng trong sự nhận thức không gian của người nguyên thủy.

4.2.4. Hiệu ứng chỗ trống và hành lang

Không gian vây bọc như ý hoàn toàn không đóng kín tuyệt đối, nó đều chứa lại một chút chỗ trống để liên hệ với thế giới bên ngoài. Chỗ trống này thường men theo dòng chảy của sông, khe núi kéo dài và tạo thành hành lang. Kết cấu cảnh quan loại này có hiệu ứng ở năm phương diện sau:



Hình 58. Di chỉ "Chiêu Ân Tự" trùng lập với nơi cư trú của "người Mã Bá".

Dầu tiên, chỗ trống và hành lang là con đường giao lưu vật chất, năng lượng và tin tức trong và ngoài. Đồng thời nó là con đường tất yếu của sự vận động giống loài trong không gian. Nó có mật độ tài nguyên thiên nhiên cao nhất, chủng loại phong phú nhất, từ đó nó là nơi tốt nhất để săn bắt, hái lượm, đặc biệt là mai phục săn bắt. Vào mùa khô hạn, chỗ trống (nguồn nước) và hành lang có thể trở thành nơi duy nhất có nguồn nước và thực vật tươi non. Một hành lang có nhiều động vật giẫm đạp lên, đi xuyên qua bụi rậm hoặc đám cỏ tranh còn báo hiệu chính bản thân vật săn và nguồn nước.

Thứ hai, chúng là nơi then chốt để bảo vệ lãnh địa và có ưu thế chiến lược nắm giữ cửa. Về mặt này, chức năng của hành lang là nhấn mạnh ưu thế chiến lược phòng vệ của chỗ trống, nó khiến kẻ xâm nhập ở vào thế yếu trong thời gian và đoạn đường dài. Một khi kẻ xâm nhập đột phá được chỗ trống và hành lang,

việc bảo vệ lãnh địa sẽ hết sức khó khăn. Cho nên, có thể nói quyền khống chế hành lang và chỗ trống được hay mất quyết định đến vận mệnh của nơi cư trú.

Thứ ba, người chiếm giữ chỗ trống có thể đảm bảo "nhìn trộm" người khác nhưng lại không bị người khác "nhìn trộm", đồng thời giữ được tính thần bí của nơi bảo vệ hoặc nơi cư trú của mình và có thể nghe được động tĩnh bên ngoài để chuẩn bị phòng vệ hoặc tiến công. Từ ý nghĩa này mà nói thì kết cấu chỗ trống của nơi cư trú cũng giống như lỗ nhìn trên cửa nhà những cư dân thành thị hiện đại.

Thứ tư, chỗ trống và hành lang là con đường đi thăm dò và khai phá không gian mới của bộ lạc người nguyên thủy. Khi số nhân khẩu của bộ lạc tăng lên hoặc khi tài nguyên cạn kiệt, bộ lạc có thể đi qua chỗ trống hoặc men theo hành lang tỏa rộng ra nơi cư trú mới, điều đó đảm bảo cho sự duy trì và phát triển của bộ lạc. Ví dụ như người vượt Bắc Kinh đã mấy lần rời bỏ nơi cư trú vùng núi Long Cốt, và rất có thể là họ đã men theo hành lang khe núi sông Vinh Định - sông Tang Can tiến vào thung lũng núi của Hà Bắc và Sơn Tây.

Thứ năm, hành lang và chỗ trống không chỉ là con đường hay chỗ ra vào, nó còn là kết cấu cơ bản để nhận biết không gian. Nó có thể giúp người nguyên thủy không bị lạc đường khi di chuyển hoặc hoạt động săn bắt. Nó liên kết quá khứ, hiện tại và tương lai, nó là tuyến liên kết và là điểm nút then chốt trong mô thức nhận biết không gian.

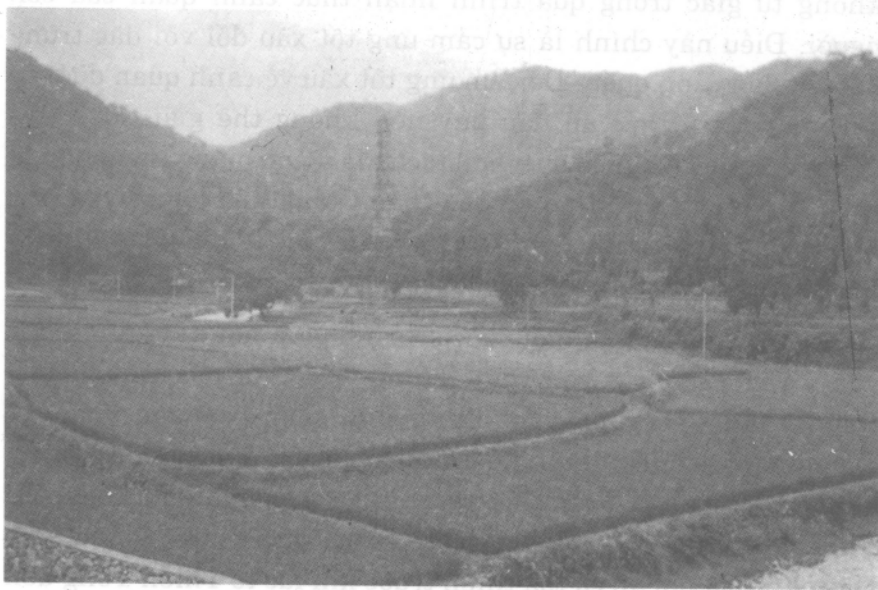
Tóm lại, chỗ trống và hành lang không làm mất đi các loại hiệu ứng bảo vệ hữu hiệu của kết cấu vây hợp, mà còn thăm dò vận động không gian của chính chủ nhân lãnh địa. Nó là nơi tập trung đầy đủ nhất vật chất, năng lượng và sự chuyển động của các chủng loài. Đồng thời nó còn có tác dụng then chốt trong hoạt động bảo vệ lãnh địa và nhận biết không gian.

Có thể thấy, nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy Trung Quốc có nhiều loại hiệu ứng sinh thái. Kết cấu cảnh quan của nó tạo điều kiện cho người nguyên thủy ở trong một ưu thế chiến lược bảo vệ, săn bắt hái lượm, nhận biết không gian, thăm dò khai phá không gian mới và bảo vệ lãnh địa. Việc chọn lựa nơi cư trú có những hiệu ứng sinh thái này có thể thành công hay không đã trở thành một áp lực chọn lựa cho sự tiến hóa và phát triển của loài người. Sự đào thải của tự nhiên và kinh nghiệm di truyền giúp cho khả năng này của người nguyên thủy được bảo tồn vĩnh viễn trên cấu trúc genes sinh vật. Sau khi Trung Quốc tiến vào giai đoạn xã hội nông nghiệp, năng lực tâm lý phát triển và tiến hóa từ trong cuộc sống săn bắt hái lượm này, trong nhiều tình huống đã mất đi ý nghĩa hiệu quả và lợi ích trên phương diện sinh thái học. Nhưng nó lại biểu hiện ra một cách không tự giác trong quá trình nhận thức cảnh quan của con người. Điều này chính là sự cảm ứng tốt xấu đối với đặc trưng kết cấu của cảnh quan. Do cảm ứng tốt xấu về cảnh quan dưới sự chi phối của ý thức ẩn dấu này nên không thể giải thích mối quan hệ logic giữa hiệu quả và lợi ích, do đó nó mang tính thần bí rất lớn. Nhưng chính nó đã cấu thành tầng kết cấu sâu cơ bản nhất của ý thức cảnh quan tốt xấu của người Trung Quốc (ý thức phong thủy).

Nếu chúng ta làm một cuộc so sánh giữa nơi cư trú lý tưởng vừa ý của người nguyên thủy Trung Quốc với mô hình phong thủy lý tưởng và những mô hình cảnh quan lý tưởng khác thì chúng ta có thể phát hiện được giữa chúng có tồn tại hiện tượng kết cấu đồng nhất. Trên thực tế, chính ở trên ngọn núi cô lập Sư Tử, nơi cư trú vừa ý của người Mã Bá có ngôi chùa "Chiêu Ẩn". Đây chính là nơi ẩn cư tọa thiền trước khi lục tổ Thiền Tông đến Tào Khê, Nam Hoa xây chùa (hình 58). Địa điểm này được chọn để xây dựng Trường Xuân Quan (bắt đầu xây vào đời Đường) nó

là nơi sản sinh ra nền văn hóa Tiểu Nam Hải. Công trình này được xây dựng trên khu cư trú cũ của người nguyên thủy (hình 57). Điều này không phải là ngẫu nhiên mà do kinh nghiệm di truyền đã ghép xây mô hình nơi cư trú lý tưởng thật chắc chắn trên gien sinh vật của người Trung Quốc.

Trên cơ sở thảo luận ở trên, ý nghĩa tầng sâu của tổng thể những đặc trưng kết cấu cảnh quan như hành lang và chỗ trống, cách ly và thai tức, nương tựa và ven biên, che chắn và bao bọc đã được làm sáng tỏ. Chúng giúp cho những hoạt động bảo vệ mình, bảo vệ lãnh địa, dò tìm và nhận biết không gian, săn bắt của người nguyên thủy trong cuộc sống trên đại lục Trung Quốc có được ưu thế chiến lược rất rõ. Trên cơ sở này, chúng ta không gặp khó khăn khi lý giải ý nghĩa tầng sâu của một số ký hiệu phong thủy và tiểu phẩm trong mô hình phong thủy.



Hình 59. Một trong những hàm ý tầng sâu của tháp vật hóa hành vi nhìn dò xét, sau tháp ẩn dấu chùa Quốc Thanh (tác giả chụp).

4.3. QUAN NIỆM VỀ TIỂU PHẨM PHONG THỦY

So với tổng thể những đặc trưng kết cấu cảnh quan của phong thủy thì các ký hiệu, tiểu phẩm phong thủy thường là phụ họa thêm ý nghĩa tượng trưng thần bí. Từ kinh nghiệm sinh thái của người nguyên thủy và quan điểm lịch sử tiến hóa sự hình thành cơ chế cảm ứng tốt xấu của cảnh quan, chúng ta có thể nhận thức những ký hiệu và tiểu phẩm phong thủy này, chúng rất có ích cho chúng ta trong việc lý giải ý nghĩa tầng sâu của mô hình phong thủy.

4.3.1. Quan niệm phong thủy về các loại đình, tháp

Phong thủy đình, tháp trong vùng đất Trung Quốc rộng lớn thời cổ đại đâu đâu cũng có. Hàm ý văn hóa của phong thủy có rất nhiều, hoặc là dùng để trấn áp khử hung, hoặc dùng để hưng văn vận, tụ khí bổ khuyết, tô điểm hóa sông núi. "Thần tuyền đình tháp bí ký" truyền lại ở Quảng Đông viết rằng: "đất nước của nền nhân văn chói lọi, sông núi nhiều dạng tươi đẹp, trời tạo nên, đất dựng nên, đó là điều không cần bàn luận". Nghĩa là vùng đất không hoàn mỹ, thì dùng sức người để sửa chữa. Không gì là không có sự hiệu nghiệm của nó. Đó chính là cái khí tốt lành của trời đất, hòa hợp gió mưa, hiển nhiên là cái lý trời và người hợp nhất... đình chính sửa xong là thành, nhìn lên nhìn xuống, thấy cái thế cô lập nhưng không cho là bổ trợ, còn nơi có biển lớn ở gần sát, đình của thành không cao lắm, địa thế đi thẳng, khí cũng không tích đọng, từ đó mà xây tháp ở bên trái của nó, gần thì trấn giữ khí biển, xa thì thêm thắt vào núi non xanh tươi, hòa với hình thế tự nhiên, các tháp Văn Xương của huyện thành tạo thành thế chấp tay vái". Lại như tháp Văn Xương ở Tịnh Đức An Huy, thành huyện có hình dạng giống như "ngũ quy xuất động" (năm con rùa ra khỏi hang), nếu như rùa mà đi thì sẽ mang theo cái khí văn, tài. Vì phía Tây Nam của thành có ngọn núi Tử Sơn, hình thù giống như ngọn lửa, dẫn đến trong thành thường xuyên bị nạn cháy, cho nên xây tháp để "định quy" (giữ rùa), "trấn hỏa"

(ngăn lửa). Nhưng những ngụ ý văn hóa phong thủy này chỉ là một cách giải thích qua sự yêu thích của con người đối với các ký hiệu phong thủy loại đình, tháp. Ý nghĩa bản chất của nó chỉ có thể thu được đáp án từ trong kinh nghiệm cảnh quan cư trú của người nguyên thủy:

Thứ nhất, nó đã phản ánh sự yêu thích và nhu cầu của gien con người đối với vật đánh dấu không gian. Một cánh đồng nếu thiếu vật đánh dấu thì sẽ bị lạc đường và gặp nguy hiểm. Từ ý nghĩa này, chúng ta có thể nói đình, tháp phong thủy không gì khác hơn là một cây cô lập đứng trên thảo nguyên, nó tạo thành một đỉnh độc lập hay một hòn đá lớn đối chiếu với cảnh quan và là nút thắt trong mô thức nhận thức không gian.

Thứ hai, đình, tháp phong thủy là sự công bố về lãnh địa, là vật hóa của hoạt động bảo vệ lãnh địa. Từ ý nghĩa này, nó giống như con sù tử trên thảo nguyên châu phi dùng phân tiêu và nhánh cây khô để biểu thị lãnh địa, hay giống như hổ ở trong rừng rậm Ấn Độ cào vết móng trên thân cây để biểu thị lãnh địa. Nó cảnh cáo, uy hiếp những kẻ đến từ bên ngoài và tạo cảm giác thân thiết cho chủ lãnh địa.

Thứ ba, đình, tháp là sự vật chất hóa hành vi quan sát và bảo vệ mình. Bất luận đình, tháp có chức năng quan sát (bao gồm quan sát kẻ địch và ngắm cảnh) hay không thì hàm ý bản chất của nó vẫn là sự yêu thích của con người khi ngắm nhìn và dò xét sự vật. Hơn nữa đình, tháp và nơi bảo vệ tách rời nhau, chúng chỉ xuất hiện ở đầu thôn, đỉnh núi, chỗ trống của la thành (cửa nguồn nước) và không hy sinh tiền đề bảo vệ chính mình mà vật hóa hành vi quan sát dò xét không gian bên ngoài lãnh địa (hình 59). Từ ý nghĩa này, chúng ta có thể hiểu nó không khác gì những trạm gác phân bố ở vòng ngoài nơi cư trú của bộ lạc nguyên thủy.

Thứ tư, là chức năng hoàn chỉnh hình dạng. Kinh nghiệm săn bắt đã khắc trên gien của con người một mô hình nơi cư trú lý tưởng hoàn chỉnh. Nhưng trong cảnh quan thiên nhiên thực tế thì mô hình lý tưởng này luôn luôn không đạt đến sự thỏa

mãn thực tế. Thông qua các loại đình, tháp phong thủy họ bổ sung vào chỗ khiếm khuyết của tự nhiên, tạo thành một nơi cư trú lý tưởng hoàn chỉnh trên phương diện tâm lý.

4.3.2. Quan niệm về các loại cửa, cổng vào, bức tường làm bình phong sau cổng

Phong thủy rất xem trọng các loại cấu trúc này. Xem nó là điểm then chốt để tránh tà khí hung, dẫn nhập sinh khí. Hàm ý tầng sâu của cửa và cầu cơ bản giống nhau. Chúng không những không hy sinh tính tiện lợi vận động của chính không gian, mà còn thực hiện cách ly và bao bọc không gian. Nhưng các thiết kế cửa, cầu và cổng vào ở đầu thôn... là sự vật hóa đối với hành vi bảo vệ lãnh địa và tuyên bố lãnh địa (hình 60, 61). Chức năng của bức tường bình phong ở cổng cũng giống như kết cấu phong thủy ở Ấn sơn, Chiêu sơn. Nó đặt nơi cư trú hoặc nhà ở trong một trạng thái thần bí không thể biết, uy hiếp những kẻ xâm nhập vào. Trước một nơi được bảo vệ không biết rõ hư thực thế nào thì người cũng như động vật không dám mặc nhiên xâm phạm.

4.3.3. Quan niệm về rừng phong thủy và cây phong thủy

Những nông thôn rộng lớn của vùng Đông Nam Trung Quốc nếu thiếu cây phong thủy và rừng phong thủy thì hầu như không trở thành thôn xóm. Tuổi của cây phong thủy cũng xa xưa như lịch sử của thôn xóm. Dù nghèo đến cùng cực hay lúc cần dùng củi gấp, những người dân quyết không lấy một nhánh cây hay một lá cây phong thủy (hình 62, 63). Ý nghĩa phong thủy bề mặt của nó là tụ khí, ẩn gió. Ý nghĩa sinh thái thực tế của nó là bảo vệ nguồn nước, tránh gió tránh nắng. Nhưng ý nghĩa sâu hơn là chúng có tác dụng giống như vật đánh dấu không gian trong nhận thức của cư dân và hiệu ứng che chắn không gian của chúng. Đồng thời, bản thân cây, rừng phong thủy luôn che dấu sự tồn tại của nơi cần bảo vệ. Những chức năng này hiển nhiên đều vượt ra khỏi tính hiệu quả và lợi ích sinh thái thực tế của chúng. Ngoài ra, cây phong thủy và rừng phong thủy cũng là

sản vật của hành vi tiết chế sinh thái trong văn hóa Trung Quốc, là di tích của cơ chế thích ứng sinh thái vùng trũng trong văn hóa Trung Quốc. Hình tượng và mệnh danh của địa mạo phong thủy bắt nguồn từ nhu cầu nhận thức không gian và vật thể, từ kinh nghiệm săn bắt hái lượm của người nguyên thủy, ý nghĩa tầng sâu của nó không nói chúng ta cũng hiểu.

Chúng ta chưa có đủ bằng chứng để khẳng định người Trung Quốc hiện đại chính là con cháu trực tiếp của "người Bắc Kinh" hoặc "người Lam Điền". Chúng ta cũng không thể khẳng định người châu Âu hiện đại không có gien của "người Bắc Kinh", hay trong máu của dân tộc Trung Hoa không có máu của người Ni-ande-te. Vì vậy, một giả thiết an toàn là kinh nghiệm săn bắt hái lượm ở những nơi cư trú điển hình nêu trên của người nguyên thủy Trung Quốc không đủ để hình thành mô hình phong thủy lý tưởng Trung Quốc hay tính độc đáo của mô hình cảnh quan lý tưởng. Nhưng qua so sánh về văn hóa chúng ta có thể thấy, mô hình phong thủy của văn hóa Trung Quốc và mô hình cảnh quan lý tưởng của văn hóa các dân tộc khác, như văn hóa cơ đốc giáo châu Âu, tồn tại một số sự khác biệt rõ rệt. Sự khác biệt đó dẫn đến sự biểu hiện nét đặc sắc trong mô hình phong thủy của văn hóa dân tộc Trung Hoa. Đối với những nét đặc sắc này, chúng ta cần phải nghiên cứu từ lịch sử văn hóa dân tộc, bao gồm thời kỳ định hình của văn hóa dân tộc, cơ chế thích ứng sinh thái và kinh nghiệm sinh thái trong lịch sử phát triển để nhận thức và lý giải. Chúng ta sẽ phát hiện chính trong thời kỳ định hình chủ yếu văn hóa nông nghiệp của dân tộc Trung Hoa và kinh nghiệm vùng trũng trong giai đoạn phát triển chủ yếu đã nhấn mạnh thêm sự yêu thích đặc biệt đối với một số kết cấu cảnh quan nào đó của người Trung Quốc. Từ đó, chúng đã tạo nên nét đặc sắc của mô hình "phong thủy". Đương nhiên, người Trung Quốc và dân tộc Trung Hoa mà chúng ta nói ở đây là một quần thể người có ý nghĩa tương đối, chịu ảnh hưởng chủ đạo của văn hóa Trung Quốc.



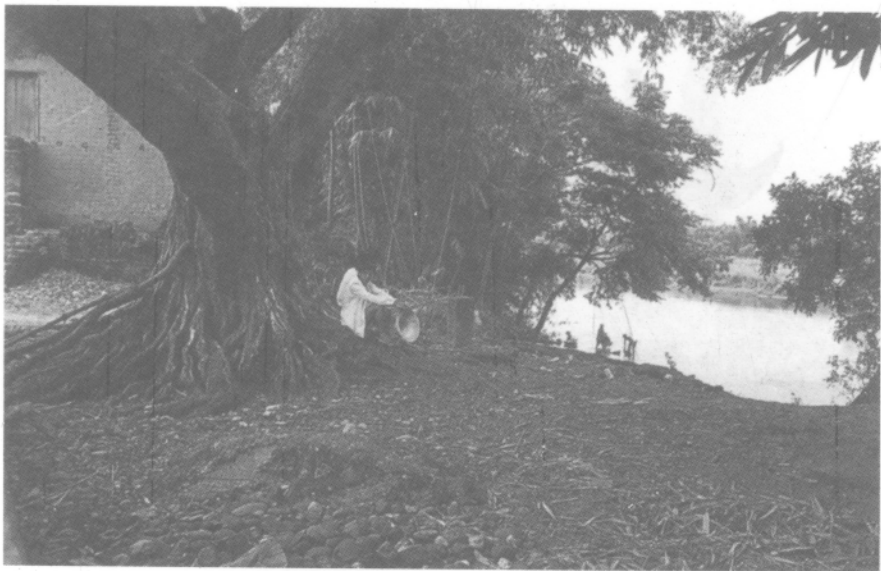
Hình 60. Cửa thôn - Vật hóa hành vi bảo vệ lãnh địa và tuyên bố đối với lãnh địa (Thôn Vân Thụy ở núi Tê Hùng, tác giả chụp).



Hình 61. Cổng vào - Vật hóa hành vi bảo vệ lãnh địa và tuyên bố đối với lãnh địa (Nam An Huy, tác giả chụp).



Hình 62. Rừng Phong thủy (Quảng Đông, tác giả chụp).



Hình 63. Cây phong thủy và bia bảo vệ cây (Quảng Tây, tác giả chụp).



NHỮNG MÔ HÌNH PHONG THỦY ĐƯỢC THỂ HIỆN TRONG VĂN HÓA CANH NÔNG TRUNG QUỐC

5.1. SO SÁNH VĂN HÓA: NHỮNG ĐẶC TRƯNG LÀM MẠNH THÊM MÔ HÌNH PHONG THỦY

Bất kỳ một loại văn hóa nào là thành viên trong vòng văn hóa cũng đều cung cấp một mô hình nhận thức cảnh quan, tức là hệ thống thao tác và giải thích mối quan hệ giữa cảnh quan và một chủng tộc người. Như chương thứ nhất của quyển sách này đã thảo luận, phong thủy chẳng qua là sự giải thích và biểu đạt đối với lý tưởng của cảnh quan. Mô hình phong thủy lý tưởng là giai thích, thiết kế và sáng tạo mô hình cảnh quan của chính mình. Từ ý nghĩa này, phong thủy không chỉ có trong văn hóa Trung Quốc mà còn có trong văn hóa các dân tộc khác, chẳng qua là nó có tên riêng mà thôi. Các công trình nghiên cứu của ngành khảo cổ học và lịch sử học nêu rõ, trong văn hóa Indian châu Mỹ, phong thủy (Geomancy) chỉ đạo thiết kế quy hoạch thành phố, trục tuyến chủ yếu của thành phố và

bố cục kiến trúc tôn giáo đều căn cứ nghiêm ngặt theo dạng sao (chiêm tinh) để thiết kế, nhằm đạt được sự hòa điệu giữa cấu trúc tôn giáo với sự vận động của các thiên thể. Và "phong thủy" trong văn hóa này rất nhạy cảm đối với huyết động và đỉnh núi cao. Trung tâm thành phố ở trên huyết động và vây quanh huyết động, tuyến trục chính (phía Bắc lệch sang Đông, 15025') nằm vắt ngang khe núi, hai đầu trục tuyến đều lấy đỉnh cao nhất của dãy núi làm trung điểm, đầu phía Bắc của trục tuyến xây nguyệt đàn (tháp trăng hình chữ kim), nguyệt đàn xây dựa lưng vào đỉnh núi cao phía Bắc. Các nền văn hóa cổ đại khác cũng có ý thức "phong thủy" tương tự.

So với các nền văn hóa khác thì mô hình phong thủy lý tưởng của văn hóa Trung Quốc (nói theo nghĩa rộng là mô hình cảnh quan lý tưởng) có chỗ độc đáo riêng của nó. Dưới đây chúng ta sẽ so sánh chủ yếu với văn hóa cơ đốc giáo châu Âu để tìm hiểu thêm về những nét đặc sắc trong mô hình cảnh quan lý tưởng của người Trung Quốc. Sự tìm hiểu đó làm cho việc thảo luận được rõ ràng. Chúng ta sẽ đem những đặc điểm này quy kết thành hai phương diện sau đây, mà trên thực tế bản chất của chúng là một thể: --

5.1.1. Đặc trưng bảo vệ nhấn mạnh "hộp trong hộp"

Tuy thành phố cổ đại của Trung Quốc và thành phố theo phong cách Baroque của châu Âu đều nhấn mạnh trục tuyến thần thánh, nhưng thành phố xây theo phong cách Baroque lấy kiến trúc chủ yếu là trung tâm của tầm nhìn hoặc điểm tiêu cự trên đường ngắm, hoặc đường chiếu. Nhưng ở thành phố Trung Quốc thì trục tuyến này chỉ có tính tượng trưng, hoàn toàn không được xem là có chức năng hành lang tầm nhìn. Hoàng đế Khang Hy ngồi trong điện Thái Hòa của Tử

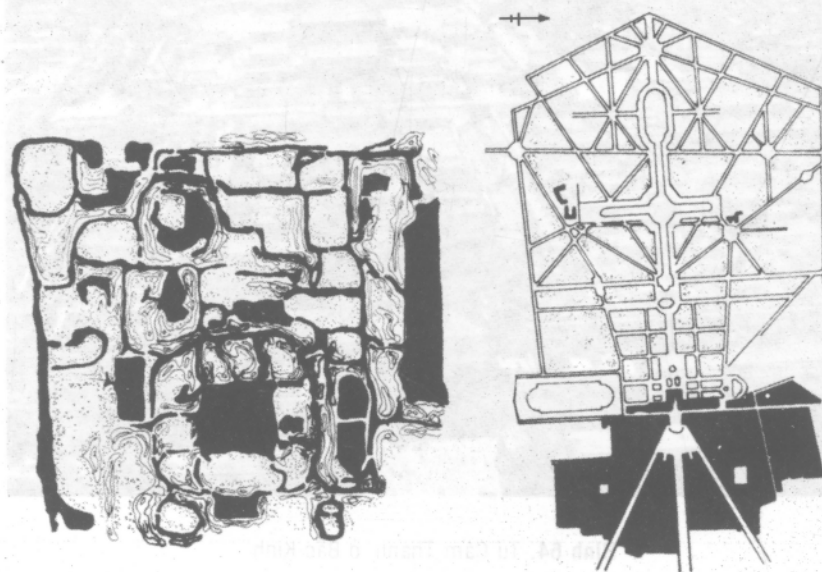
Cấm Thành không thể nhìn thấy những nơi bên ngoài cửa điện Thái Hòa, trừ khi ông ta lên Cảnh Sơn, nếu không tuyệt đối ông ta không thể thấy được những trục tuyến Nam Bắc đi qua thành Bắc Kinh. Cho dù ở trên Cảnh Sơn, cái mà ông ấy thấy được chỉ là những mái ngói màu vàng mà thôi. Nhưng cùng lúc đó vua Lu-I (Louis) thứ 14, ngồi trong cung điện Versailles lại có thể nhìn thấy phòng ăn, phòng khiêu vũ trong cung điện, nhìn ra ngoài cửa sổ có thể phóng tầm mắt ra xa 3 km đến hồ phun nước và tượng đài ở trục xạ chiếu (hình 64, 65, 66).



Hình 64. Từ Cấm Thành ở Bắc Kinh.



Hình 65. Cung điện Versailles ở Pháp (tác giả chụp).

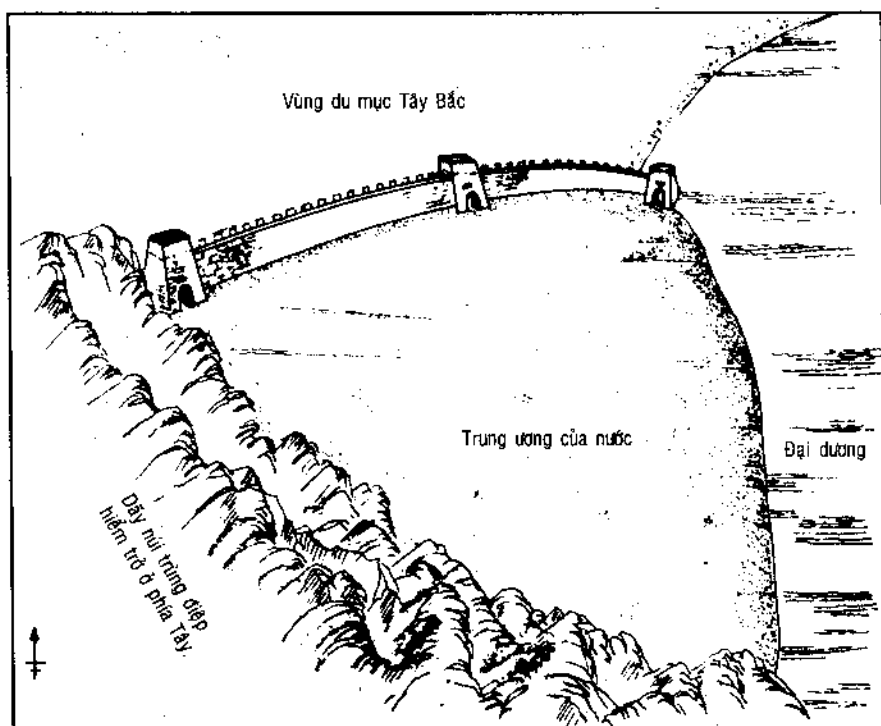


Hình 66. Vườn Viên Minh (hình trái) - "Hợp tử trong hợp tử" và cung điện Versailles ở Pháp cùng thời đại (hình phải). Chiếm lĩnh đối với tầm nhìn điểm không chế (Căn cứ có liên quan đến hình vẽ sơ lược của địa hình).

Bất luận là Tử Cấm thành theo kiểu hình học hay vườn thượng uyển theo kiểu thiên nhiên, bất luận là khu nhà tứ hợp viện của dân thường, hoa viên của bậc đại sĩ phu, hay là vùng đất thánh của tôn giáo, thì mô hình cảnh quan những nơi đó của người Trung Quốc mà chúng ta thấy được chính là "hộp trong hộp" và đó là sự yêu thích mãnh liệt đối với kết cấu bảo vệ. Bất luận là tường thành vây bọc, vách ngăn, hòn non bộ do con người xây nên hay là rừng núi tự nhiên tạo nên đều được dùng để cấu thành một không gian che chắn và bao bọc (hình 64). Vạn Lý Trường Thành được xem là một kỳ quan vĩ đại của thế giới và là một tuyệt tác cảnh quan nhân tạo của Trung Quốc, hàm ý thực sự của nó hoàn toàn không ở chức năng ngăn chặn sự xâm nhập của các bộ lạc du mục ở phía Bắc. Thực tế, Trường Thành (Vạn Lý Trường Thành) không thể thực hiện được mục đích giúp chủ nhân của lãnh địa Trung Nguyên ngăn chặn nạn xâm nhập từ bên ngoài, giữ được sự thống trị bền vững lâu dài. Trái lại, từ thời Tần Thủy Hoàng đến những vị Hoàng đế cuối đời Minh đều vì việc tu bổ xây dựng Trường Thành mà làm nhân dân dân khổ cực, hao tổn tiền của, khiến trong nước oán hận, kết quả là làm cho vương triều nhanh chóng bị diệt vong. Vì vậy, Trường Thành và hàng loạt hệ thống kiến trúc mang tính phòng vệ tương tự (bao gồm hệ thống phòng ngự ven biển cuối đời Thanh), thực chất chỉ là để thỏa mãn một nhu cầu tâm lý, biểu hiện sự yêu thích mãnh liệt đối với kết cấu cảnh quan mang tính phòng vệ. Nó tồn tại sâu xa trong văn hóa dân tộc Trung Hoa (hình 67, 68).

Nói một cách tương đối, văn hóa cơ đốc giáo châu Âu biểu hiện sự yêu thích mãnh liệt đối với điểm không chế tầm mắt, điểm cao. Sự yêu thích này thể hiện rõ nét ở trong các cung điện. Cách kiến trúc lấy cung của vua làm khởi điểm giữa trục chiếu xạ (nói chính xác là hành lang tầm mắt) (hình 65, 66), thể hiện rõ trên ngọn tháp giáo đường nhìn ngắm toàn thành phố,

hay ở các thành lũy trên đỉnh núi cao chót vót. Dù là trong mô hình phong thủy lý tưởng, nhưng huyết cũng lấy loại "đột" làm tiêu chuẩn tốt nhất, độc lập tương đối và nhìn thấy minh đường. Tuy nhiên, tầm nhìn và điểm cao ở đây cũng chỉ giới hạn trong lớp lớp la thành, thậm chí trong mô hình lý tưởng Bồng Lai, Côn Lôn còn nhấn mạnh ngọn núi cao cô lập là đặc trưng chủ yếu. Đặc trưng hòn đảo cô lập và núi cao chót vót chủ yếu sự cách ly không gian; vì thế chín tầng thành và rừng rậm bao vây cùng với kết cấu "hồ lô" hiển nhiên đều không nhấn mạnh đến kết cấu cảnh quan điểm cao và tầm mắt, biểu hiện sự yêu thích mãnh liệt đối với kết cấu bảo vệ.



Hình 67. Trường Thành khiến vùng đất Trung Quốc rộng lớn hình thành một không gian bảo vệ hoàn mỹ (tác giả mô tả hình tượng).

5.1.2. Đặc trưng bảo vệ lãnh địa được nhấn mạnh - đóng nhiều lớp ở "tứ phía"

Liên hệ với đặc trưng bảo vệ được nhấn mạnh đã nói trên (bao bọc và che chắn), chúng ta thấy mô hình phong thủy lý tưởng của người Trung Quốc và mô hình cảnh quan lý tưởng có kết cấu bảo vệ lãnh địa được nhấn mạnh, bao gồm nhấn mạnh đối với miệng nguồn nước, Hàn môn tinh (1) và La tinh (2), nhấn mạnh và xem trọng việc làm cửa trong nhà ở của cư dân và thành thị Trung Quốc. Nó vốn được xem là một con đường liên hệ với thế giới bên ngoài, dùng để thăm dò và khai phá tương lai. Mô hình cảnh quan lý tưởng của người Trung Quốc có sắc thái "đóng" rất đậm nét, đồng thời giữ lấy địa thế núi cao hiểm trở và các loại rừng, hồ, sư tử, voi làm con người khiếp sợ (hình tượng thiên nhiên hoặc tác phẩm xây dựng nhân tạo). Ngược với quá trình xây dựng thành phố, chùa miếu của Ấn Độ và Đông Nam Á, tuân tự xây dựng của người Trung Quốc cổ đại là xây tường thành và cửa thành trước nên chỉ cần có tường và cửa là coi như thành đã xây xong, sau đó mới tiếp tục xây đền miếu.

Trong "Kinh Thi, thiên Huyền" có "trúc chi đằng đằng, tước lữ bình bình, bách đồ giai hưng...nãi lập cao môn (quách môn), cao môn hữu khang, nãi lập ứng môn (chính môn), chính môn tương tương, nãi lập trùng thổ (đại xã), nhung xú du hành". (những kiến trúc, chỉnh sửa nhiều lần, dựng nên trăm bức tường rồi xây cửa cao môn, cửa cao môn to lớn, rồi xây cửa ứng môn, cửa ứng môn khí thế như tường, rồi xây xã miếu lớn, ngăn bọn thảo khấu ở phía Tây đi qua). Người Trung Quốc cổ đại lấy thứ tự tường - cửa - đền lớn để miêu tả quá trình xây thành, đồng thời không ngừng tán dương hình thế hùng tráng

(1) Hàn Môn Tinh: Kết cấu cảnh quan bảo vệ nguồn nước.

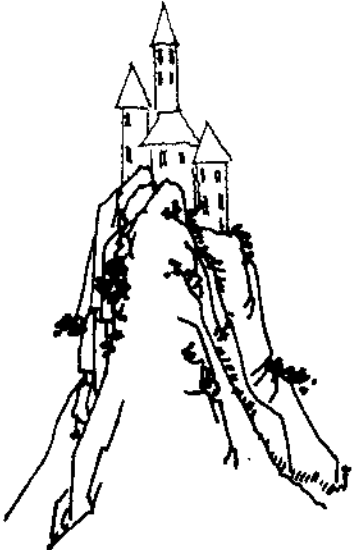
(2) La Tinh: Kết cấu cảnh quan bao quanh vị trí huyết phong thủy.

cao tận trời xanh của cửa thành. Cho dù xây dựng công viên thành phố Trung Quốc hiện đại thì kiến trúc của lớn và tường thành vây quanh luôn luôn được đặt ở vị trí quan trọng hàng đầu, và hầu như nó chiếm hết toàn bộ đầu tư thời kỳ đầu của công trình. Hai loại đặc trưng cảnh quan lý tưởng được nhấn mạnh nêu trên chính là văn hóa vật chất của văn hóa dân tộc Trung Hoa đối với sự yêu thích hành vi "phòng thủ" và "ẩn dấu". Nhưng đặc trưng điểm tầm nhìn và điểm cao được nhấn mạnh trong văn hóa châu Âu chính là văn hóa vật chất của hành vi "xâm lược" lấy công làm thú và phô trương kiểu "ông hổ giấy". Trong cảnh quan lý tưởng coi "ẩn dấu" và "phòng thủ" là sự yêu thích mang tính chiến lược biểu hiện một đặc trưng chung của văn hóa Trung Quốc: tức là quyến luyến và dựa dẫm vào thiên nhiên.

Trong văn hóa kiến trúc châu Âu, từ phong cách Byzantin, Gothic đến chủ nghĩa cổ điển, Baroque và phong cách Rococo, không có phong cách nào là không biểu hiện ra sự yêu thích đối với việc trang trí và phô trương chính bản thân kiến trúc. Nhưng trong văn hóa Trung Quốc, bản thân vật được kiến trúc hầu như hoàn toàn không quan trọng. Điều quan trọng là cảnh quan thiên nhiên mà nó tồn tại trong đó. Trong nền văn hóa kiến trúc 5000 năm, từ lều cỏ của tiên dân Bán Pha đến điện Thái Hòa của Tử Cấm thành, cái mà chúng ta thấy được là một mô hình đơn giản và mộc mạc, hầu như không thay đổi. Đối với việc trang trí cho công trình kiến trúc hầu như không có ý nghĩa quá lớn, bởi vì mục đích của người sử dụng là muốn đem kiến trúc (văn hóa vật chất của con người) "ẩn dấu" trong cảnh quan thiên nhiên mà không bộc lộ chính mình. Một bức điển họa "cổ tự ẩn trong núi sâu" đã nói lên tất cả chỗ kỳ diệu của nó, ngôi chùa cổ ẩn sâu như thế, đến nỗi chỉ có một dấu vết duy

nhất của vị sư đi gánh nước mới có thể đoán được nó có tồn tại. Trong mô hình phong thủy và những mô hình cảnh quan lý tưởng khác mà chúng ta đã bàn ở chương thứ nhất, hoạt động của con người chỉ là một điểm "huyệt" dưới sự bao bọc bảo vệ của con rồng thiên nhiên, bãi cát, nước. Có thể nói Tử Cấm Thành đã nhấn mạnh việc thể hiện ý nghĩa cao đến tận trời xanh của người thống trị. Nhưng dù là như thế thì núi Cảnh Sơn vẫn nằm trên tuyến trục chính Bắc, nếu nói đó là một tấm bình phong ngăn chặn gió rét Tây Bắc thì chẳng bằng nói nó là một "chỗ dựa" mang ý nghĩa tượng trưng, ẩn ẩn hiện hiện trạng thái tâm lý dựa dẫm và quyến luyến đối với cảnh quan thiên nhiên. Nhưng cần phải biết rằng cũng với gò đất tương tự, thì cung điện Reynots ở châu Âu được xem là điểm tiêu cự nằm ở đầu cuối của trục tuyến, được xem là đối cảnh của cung điện chứ không phải là chỗ dựa để thiết kế. Dòng nước uốn khúc trước cửa Điện Thái Hòa và sông Kim Thủy trước Thiên An Môn cũng có ý nghĩa tương tự, tức là thể hiện sự quyến luyến và dựa dẫm vào thiên nhiên. Nhưng cũng dòng nước giống như thế thì ở trong cung điện châu Âu nó được xem như là cảnh trên trục ngắm để xử lý, là đối tượng để ngắm nhìn chứ không phải là đối tượng để dựa dẫm (hình 65). Và trong Viên Minh Viên, loại tâm lý dựa dẫm và quyến luyến đối với núi và nước này càng được thể hiện hết sức rõ nét (hình 66).

Bảng 4: So sánh những đặc trưng được nhấn mạnh của mô hình cảnh quan lý tưởng trong văn hóa Trung Quốc và châu Âu.

Đặc trưng được nhấn mạnh của mô hình cảnh quan lý tưởng trong văn hóa Trung Quốc	Đặc trưng được nhấn mạnh của mô hình cảnh quan lý tưởng trong văn hóa châu Âu
	
Chiến lược ẩn dấu: khiến con người ẩn dấu vết tích trong cảnh quan thiên nhiên	Chiến lược phô trương: nhấn mạnh vị trí và trang trí của chính bản thân kiến trúc
Chiến lược phòng thủ: chiếm cứ không gian đóng nhiều lớp ở bốn bên	Chiến lược tiến công: chiếm cứ điểm cao và tầm nhìn
Dựa dẫm lưu luyến thiên nhiên	Lãng mạn thiên nhiên
Nghiêng về “tính cách” hướng nội	Nghiêng về “tính cách” hướng ngoại

Từ đầu đời Đường, tranh sơn thủy Trung Quốc xem núi sông thiên nhiên là chủ đề thể hiện độc lập, còn nhân vật kiến trúc chỉ để điểm xuyết thêm, nhiều khi không xuất hiện con người. Người xưa xem núi sông thiên nhiên là cảnh quan "đáng cư trú" ẩn dấu để xây dựng khu nhà, xem núi sông thiên nhiên là đối tượng có thể ký thác. Bất luận sông núi mà tranh sơn thủy biểu hiện khí thế hùng vĩ thế nào thì vẫn luôn quy nạp về sự tĩnh hóa, đào sâu và xếp đặt ở sự hòa điệu hướng nội. Người Trung Quốc luôn luôn lấy sự gợi cảm tình cảm, bày tỏ tấm lòng làm sự truy cầu thẩm mỹ cao nhất, đồng thời biểu hiện sự quyến luyến và nương tựa mãnh liệt đối với sông núi thiên nhiên. Nhưng ở châu Âu cho đến thế kỷ thứ 17 họa phái Hà Lan hưng khởi thì lần đầu tiên tranh phong cảnh mới xuất hiện và nó được xem như một nghệ thuật độc lập. Nó xuất hiện trễ hơn tranh sơn thủy Trung Quốc hơn một ngàn năm, nhưng bức tranh phong cảnh thuần túy thiên nhiên nào cũng biểu hiện ra địa vị chúa tể của con người, giống như có người bình luận: trong tranh phong cảnh châu Âu "dù đứng trước một bức tranh mềm mại và yên tĩnh, nhưng ít nhiều bạn cũng cảm nhận được một trái tim dục vọng đang đập". Đó là một tinh thần tiến thủ và chiếm hữu thiên nhiên nhưng tuyệt đối không phải là sự thỉnh cầu bảo vệ thiên nhiên mà tìm kiếm một không gian cư trú ẩn dật.

Tóm lại, lý tưởng cảnh quan Trung Quốc đã nhấn mạnh sự yêu thích của người xưa đối với những cảnh quan có tính bảo vệ, bảo vệ lãnh địa, đồng thời nó biểu hiện sự quyến luyến và nương tựa vào cảnh quan thiên nhiên, tạo thành sự đối lập rất mãnh liệt với lý tưởng cảnh quan của văn hóa cơ đốc giáo châu Âu (bảng 4). Vấn đề dưới đây là những đặc trưng được nhấn mạnh trong mô hình cảnh quan lý tưởng hoặc mô hình phong thủy Trung Quốc. Chúng được hình thành như thế nào vào thời đại sản bắt hái lượm của người nguyên thủy Trung Quốc, hay phát

triển, tích đọng và hình thành trong quá trình lịch sử kinh nghiệm sinh thái văn hóa dân tộc Trung Hoa ?

5.2. VÙNG TRÚNG QUAN TRUNG-SỰ NHẤN MẠNH THỜI KỲ ĐỊNH HÌNH VĂN HÓA CỦA MÔ HÌNH PHONG THỦY

Giống như sự thích ứng sinh vật, sự thích ứng văn hóa có thể thông qua sự mở rộng và phục chế gien văn hóa để trở thành bản chất văn hóa của dân tộc nhất định, dù cho những thích ứng văn hóa này đối với thể hệ sau có ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế hay không. Nếu nói, kinh nghiệm sinh thái của người nguyên thủy Trung Quốc hoặc xa hơn nữa là người vượt trên thảo nguyên cây thưa châu Phi, thông qua con đường di truyền sinh vật đúc kết thành kết cấu tâm lý tầng sâu cơ bản của ý thức tốt xấu về cảnh quan của người Trung Quốc thì trên cơ sở này kinh nghiệm sinh thái trong thời kỳ định hình của văn hóa dân tộc Trung Hoa thông qua con đường tích lũy văn hóa đã xây dựng nên một kết cấu tầng sâu khác của ý thức tốt xấu về lý tưởng cảnh quan của người Trung Quốc. Từ đó về sau, thông qua gien sinh vật và "gien văn hóa", người Trung Quốc không ngừng chỉnh tu và nhấn mạnh thêm cơ chế phục chế chính mình, hình thành nên một mô hình cảnh quan lý tưởng mang đậm nét đặc sắc của dân tộc Trung Hoa - mô hình phong thủy.

Có thể nói thời nhà Chu là một thời kỳ định hình của sự phát triển văn hóa dân tộc Trung Hoa. Vương triều Chu do bộ tộc Chu Cơ kiến lập và là một triều đại quan trọng kế thừa "trước gọi sau mờ" trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Văn minh của triều Chu đối với sự phát triển của xã hội Trung Quốc đã tạo nên ảnh hưởng sâu sắc và rộng rãi. Điều này đã được giới sử học công nhận. Văn hóa nho gia từ Khổng Tử trở về sau rất xem trọng và tôn sùng Chu lễ. Họ lý tưởng hóa xã hội Tây Chu, khiến ý nghĩa định hình của văn hóa thời Chu càng thêm chói

lợi trong quá trình lịch sử phát triển văn hóa Trung Quốc. Đặc trưng văn hóa Hậu Dụ của xã hội nông nghiệp khiến lễ chế của nhà Chu, mô hình hành vi của nhà Chu, đương nhiên bao gồm cả mô hình nhận thức cảnh quan, thông qua kinh điển trong Tứ thư Ngũ kinh đời đời phục chế, truyền bá và tạo thành bản sắc của văn hóa dân tộc Trung Hoa. Đặc biệt là chế độ thành quách, cung điện có liên quan mật thiết với chủ đề chính của quyển sách này. Thông qua việc truyền bá các kinh điển như "Khảo công ký", "Tả truyện", "Lễ ký", các đời sau cơ bản đều dựa theo truyền thống nhà Chu mà xây dựng. Từ triều Hán trở đi, các kiến trúc tế lễ của giai cấp thống trị như thái miếu, xã tắc, minh đường, tích ung... đa số đều dựa theo truyền thống và văn hiến của nhà Chu truyền lại mà tiến hành xây dựng.

Điều đặc biệt cần phải nhấn mạnh là nhà tứ hợp viện được xem như là một nét đặc sắc lớn của văn hóa kiến trúc Trung Quốc. Mô hình nguyên thủy của nó cũng hình thành từ thời kỳ đầu của Tây Chu. Từ "ngôi nhà chung" trong xã hội thị tộc của văn hóa Ngưỡng Thiều (văn hóa thời đại đồ đá mới) đến "hạ hậu thị thất" (ngôi nhà lớn của dòng họ Hạ Hầu) vào thời sơ kỳ của chế độ nô lệ và trước là tiền đường sau là nhà của đời Thương, mô hình kiến trúc của tổ tiên người Trung Quốc không có sự thay đổi rõ rệt. Nhưng đến thời Tây Chu thì bố cục của kiến trúc đã có sự biến đổi về chất: Một bố cục tứ hợp viện hoàn chỉnh đã xuất hiện. Nếu đem so sánh kiến trúc tứ hợp viện của cung điện thời sơ Chu và cung điện chính trong các di chỉ cung đình của nhà Thương thời kỳ đầu, có thể thấy tiền đường trong kiến trúc thời sơ Chu đã bị phân lập, vị trí trước đây của tiền đường đã trở thành sân nhà, đồng thời xuất hiện bức tường làm bình phong ở cổng. Tôi cho rằng bước nhảy vọt về chất này đã biểu thị sự nhấn mạnh về ý thức bảo vệ và bảo vệ lãnh địa của dân tộc Chu, và nó phát triển thành đặc chất văn hóa của dân tộc Trung Hoa.

"Nhân canh tam thánh, sự lịch tam cô" trong "kinh dịch", bốc tử của quê này cũng hình thành trong suốt thời kỳ Chu từ khi hưng khởi cho đến khi kiến lập vương triều Tần Chu. Từ ý nghĩa lịch sử mà nói thì "dịch" cũng đã phản ánh khá tập trung kinh nghiệm sinh thái xã hội và tự nhiên của thời đại định hình văn hóa Trung Quốc. Do "dịch" được ca ngợi là đứng đầu trong các kinh nên từng chữ từng câu của dịch đều được suy tôn là chân lý, và hệ thống lý luận của "thuyết phong thủy" là mượn dịch để phát triển với một mức độ rất lớn. Thông qua "kinh dịch" chúng ta có thể phát hiện một số ý nghĩa tầng sâu, bắt nguồn từ quan niệm "phong thủy" tốt xấu.

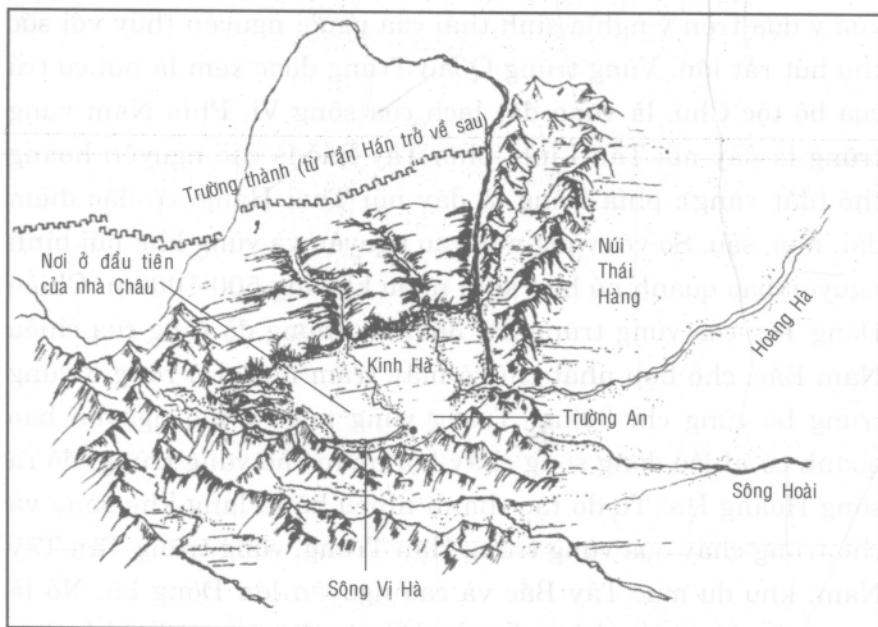
Mấy điểm nêu trên đủ để chứng tỏ rằng thông qua việc tìm hiểu sự thích ứng sinh thái và kinh nghiệm sinh thái văn hóa Chu chúng ta có thể tiến thêm một bước nữa để làm rõ ý nghĩa tầng sâu ở cảm ứng tốt xấu trong cảnh quan (ý thức phong thủy) của dân tộc Trung Hoa. Nhưng vùng đất hoạt động chủ yếu của bộ tộc Chu trong thời kỳ định hình văn hóa là vùng trũng Quan Trung lấy tuyến Chi Sơn-Trường An làm trung tâm. Nói cách khác, chính kinh nghiệm sinh thái tự nhiên và xã hội của vùng trũng này đã thúc đẩy một trình độ khá cao sự phát triển của ý thức cảnh quan tốt xấu (phong thủy) độc đáo của người Trung Quốc. Hoặc có thể nói nó đã nhấn mạnh thêm sự yêu thích kết cấu bảo vệ và bảo vệ lãnh địa trong lý tưởng cảnh quan của dân tộc Trung Hoa và sự quyến luyến dựa dẫm vào cảnh quan thiên nhiên của họ.

5.2.1. Vùng trũng Quan Trung - chiếc cầu liên kết giữa văn hóa và sinh vật

Trong thời kỳ quá độ từ xã hội săn bắt hái lượm đến xã hội trồng trọt và chăn nuôi, bộ tộc Chu đã tìm được những nơi cư trú

vừa ý dựa trên ý nghĩa sinh thái của người nguyên thủy với sức thu hút rất lớn. Vùng trung Quan Trung được xem là nơi cư trú của bộ tộc Chu, là vùng đất lạch của sông Vị. Phía Nam vùng trung là dãy núi Tần Lĩnh, phía Tây Bắc là cao nguyên hoàng thổ (đất vàng), phía Đông là dãy núi Thái Hàng, có đặc điểm dài, hẹp, sâu. So với vùng núi, cao nguyên và vùng khe núi bình nguyên bao quanh nó hơn kém nhau khoảng 500-1000m. Chiều Đông Tây của vùng trung dài 360km, nhưng độ rộng của chiều Nam Bắc, chỗ hẹp nhất chỉ có mấy trăm mét. Độ rộng ở vùng trung bộ cũng chỉ 30km. Trong vùng núi và cao nguyên bao quanh có nhiều dòng sông chảy hội nhập vào vùng trung, đổ ra sông Hoàng Hà. Từ đó tạo thành nhiều hành lang khe sông và chỗ trống chảy qua vùng trung Hán Trung, vùng trung Tần Tây Nam, khu du mục Tây Bắc và cao nguyên lớn Đông bộ. Nó là trọng tâm hoạt động chủ yếu của dân tộc Chu trong thời kỳ phát triển và lớn mạnh ở vùng ven phía Nam - Tây Nam của vùng trung, đồng thời nó cũng là khu vực hoạt động trung tâm của họ. Kỳ Sơn giống như huyết "nhũ đột" trong mình đường "phong thủy" và vùng đất "thai tức" (vùng đất nhỏ nằm cách ly trong không gian chung). Nơi ở của người Chu dựa lưng vào vùng núi Tần Lĩnh, nhìn xuống vùng đất lạch sông Vị (hình 68). Tổng thể kết cấu cảnh quan giống như mô hình nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy Trung Quốc, khi thành viên của bộ lạc tăng thì tổng thể năng lực hoạt động cũng tăng dần đến kích thước của không gian cư trú được mở rộng một cách tương ứng. Trên thực tế, vùng đất lạch sông Bá trong cuộc sống của "người Lam Điền" chính là phân hình (1) của vùng trung Quan Trung. Nó là một góc tách ra từ trong vùng trung rộng lớn này (Hình 52).

(1) Kết cấu giống nhau trên kích thước không gian khác nhau



Hình 68. Biểu thị tổng thể kết cấu cảnh quan của vùng trũng Quan Trung.

Không phải ngẫu nhiên Tổ tiên người Chu lấy vùng trũng này làm nơi cư trú. Từ nước Thai (một nước thời xưa thuộc tỉnh Thiểm Tây Trung Quốc), nơi cư trú sớm nhất của họ (thuộc vùng huyện Vô Công, Thiểm Tây ngày nay) cho đến sau họ này di chuyển về Tịnh Bàn (vùng Tuần Ấp, huyện Bàn, tỉnh Thiểm Tây ngày nay), rồi đến vùng nguyên Chu, trung tâm hoạt động chủ yếu của người Chu trong thời kỳ phát triển lớn mạnh (vùng Phù Phong, Kỳ Sơn ngày nay), đất Phong, Cáo (vùng Tây An ngày nay) là nơi nhà Chu phát triển đến đỉnh cao, chúng đều có sự chọn lựa rất cẩn thận. "Kinh Thi, Công Lưu" đã miêu tả rất sinh động lịch sử chọn đất mở nước, Công Lưu từ Thai di chuyển đến Bàn: "Độc Công Lưu, cùng coi cánh đồng trèo lên thì ở chỗ mình, trở xuống thì là cánh đồng trăm dòng suối chảy qua. Nhìn thấy cánh đồng rộng lớn, di chuyển xuống đồi nam,

gặp gỡ ở kinh thành, ánh đông ở kinh đô". "Kinh Thi, Huyền" đã thuật lại lịch sử vua Chu dời nhánh định cư hưng quốc, "người xưa đến triều đi ngựa, dẫn bờ nước phía Tây, đến ở bên dưới nhánh, vui cùng khương nữ, việc đến nhà quan".

Giới sử học cho rằng, trong lịch sử phát triển của người Chu, dời nhánh Thái Vương là một bước chuyển biến nhảy vọt rất quan trọng. Từ đây người Chu chuyển nguy thành an, chuyển yếu thành mạnh, nhanh chóng lớn mạnh lên. Trong "Kinh Thi, Văn Vương hữu thanh" miêu tả sự nghiệp Văn Vương di cư sang đất Phong, Võ Vương di cư sang đất Cảo làm hưng thịnh quốc gia. Qua những miêu tả này, chúng ta chỉ thấy được các đời tổ tiên người Chu vội vội vàng vàng. Vì chọn nơi cư trú mà bỏn ba giữa sông núi vùng trung Quan Trung, nên không biết tiêu chuẩn chọn lựa cụ thể của họ là gì. Nhưng những lần di cư họ đều ở vùng ven biên phía Nam - Tây Nam của vùng trung. Từ thực tế này cùng với những từ ngữ ngợi khen của người Chu đối với những nơi định cư này mà xem thì hiển nhiên người Chu có một sự yêu thích đặc biệt đối với vùng trung Quan Trung. Sự yêu thích này bắt nguồn từ vùng cư trú, nó ẩn chứa mô hình cảnh quan lý tưởng trong tâm hồn của người Chu và bắt nguồn từ mô hình nơi cư trú lý tưởng qua kinh nghiệm sinh thái săn bắt hái lượm của người nguyên thủy. Đương nhiên có các loại hiệu ứng sinh thái mà chương 3 đã thảo luận. Đồng thời, do đặc trưng ven biên địa lý tự nhiên của vùng trung Quan Trung nên nó có thêm nguồn tài nguyên trồng trọt, chăn nuôi và săn bắt hái lượm rất tốt. Vùng trung Quan Trung chính là sự kế thừa mô hình nơi cư trú săn bắt hái lượm lý tưởng của người nguyên thủy hay còn gọi là sự khai sáng ra mô hình nơi cư trú nông nghiệp lý tưởng của bộ tộc Chu. Giữa mô hình nơi cư trú lý tưởng trên gien văn hóa và gien sinh vật, vùng trung Quan Trung đã tạo nên tác dụng kế thừa trước gọi sau mớ. Chúng ta sẽ thấy được sự

gợi mở. Sau biểu hiện là sự thích ứng sinh thái nông nghiệp trong vùng trũng Quan Trung của người Chu. Điều này nhấn mạnh thêm sự yêu thích của dân tộc Hán đối với hành vi bảo vệ lãnh địa và đối với những cảnh quan có ưu thế chiến lược tương ứng, cùng với sự quyền uy và dựa dẫm vào cảnh quan thiên nhiên.

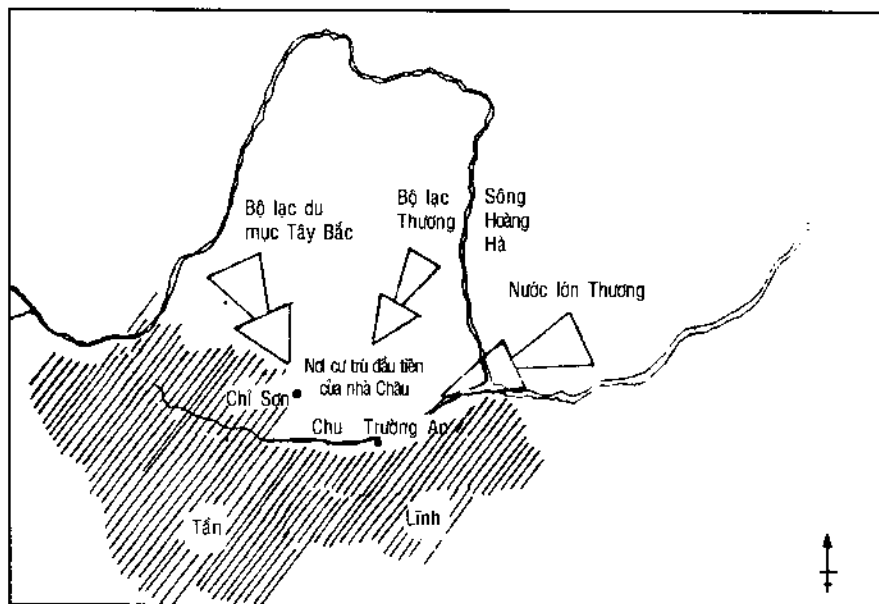
5.2.2. Vùng trũng Quan Trung- một lãnh địa nông nghiệp có ưu thế chiến lược bảo vệ mình và bảo vệ lãnh địa

Tính không đồng đều trong sự phân bố nguồn tài nguyên trong không gian và sự thiếu hụt tài nguyên phổ biến khiến cho những không gian có nguồn tài nguyên tương đối tập trung và thuận lợi trong việc bảo vệ trở thành lãnh địa lý tưởng của bộ lạc. Vùng đồng bằng đất lạch sông Vị nằm giữa dãy núi chạy dài, cao nguyên hoàng thổ mênh mông với thượng lưu sông Hoàng. Có thể nói đây là một khu vực xanh có nguồn tài nguyên chăn nuôi trồng trọt tập trung nhất. Và khu vực xanh này có bốn bề đóng kín hiểm trở, là một không gian có tính bảo vệ và địa thế tự bảo vệ rất mạnh. Giống như "nơi hiểm trở nhất của vùng Cam Túc nghiêng nhiều về ranh giới bên phải, mang đến cho Tứ Xuyên Hồng hà, sông Kinh và sông Vị. Tổng thể cảnh quan của Trung Hoa thực là cứu châu màu mỡ, ngăn trở phòng ngự, vùng sâu xa của thiên hạ" mà Ban Cố đời Đông Hán đã miêu tả trong "Lương Đô Tật". Đặc biệt là sau khi người Chu dời đô đến Nguyên Chu, ưu thế bảo vệ và bảo vệ lãnh địa này càng được nhấn mạnh. Nguyên Chu (vùng thềm địa chất cao mà bằng phẳng) được xem là nơi sinh sống trực tiếp của bộ tộc Chu, phía Bắc dựa lưng vào Kỳ Sơn, phía Nam gần sông Vị, hai phía Đông Tây đều có sông Tấn và sông Thiên chảy vòng quanh bảo vệ. Chiều Đông Tây của bình nguyên này dài khoảng hơn 70km, chiều Nam Bắc rộng khoảng hơn 20 km. Đây là một lãnh địa đáng bảo vệ ở vùng trũng Quan Trung, có thể chịu áp lực rất lớn nhưng khi bị

bức chạy thì vẫn là nơi được thiên nhiên bảo vệ đủ để duy trì sự sinh tồn của bộ lạc. Ngoài ra nó còn có ưu thế chiến lược quan sát khống chế vùng trung. Từ đặc trưng kết cấu cảnh quan mà nói thì nó chính là một huyết phong thủy lý tưởng có lưng dựa vào Huyền Vô, minh đường nhô cao trong la thành vây kín xung quanh. Sự thích ứng với nơi sinh sống trực tiếp lãnh địa có kết cấu bảo vệ và bảo vệ lãnh địa nhiều lớp cùng với kinh nghiệm sinh thái xã hội trong loại kết cấu cảnh quan này thật sự đã làm mạnh thêm sự yêu thích và dựa dẫm của người Chu vào những cảnh quan có tính che chắn bảo vệ và lãnh địa đáng bảo vệ.

5.2.3. Từ "Phì độn" đến "lợi Đông Tây không lợi Nam Bắc" - ưu thế chiến lược lấn trôn

Nghiên cứu quan hệ phân bố không gian của nhà Chu với các thế lực khác (hình 69), ta thấy phía Tây Bắc của họ là bộ lạc du mục có tính tấn công rất lớn, phía Đông và Đông Bắc là nước Thương, có những bộ lạc rất hùng mạnh. Rất dễ thấy, vị trí địa lý của người Chu chính là vùng ven biên của các thế lực bộ lạc tác động lẫn nhau, khiến nhà Chu ba mặt đều có kẻ địch và chỉ sinh tồn trong một không gian hẹp. Nhà Chu vừa "là thảo khấu" của nhà Thương, vừa chống lại sự tấn công "cướp bóc" của các bộ lạc du mục khác. Như quẻ "mông" trong "dịch" có "nơi bị công kích nhiều, không có lợi để làm thảo khấu là chỗ lợi cho việc cướp bóc" đã phản ánh vị trí này của nhà Chu. Đôi khi, mượn thiên thời địa lợi của vùng "ven biên" có lợi để trợ giúp cho thế lực này công kích thế lực kia, như quẻ "vị tễ" trong "dịch" có "tinh tú dùng thay thế phương ma quỷ. Ba năm có nước lớn Thương". Căn cứ theo thống kê không đầy đủ của tác giả, trong "dịch", bốc từ của quẻ có hơn 80 điều phản ánh cuộc chiến tranh giữa nhà Chu và các bộ lạc, nó đã chứng minh đầy đủ ý nghĩa quan trọng của sự cạnh tranh giữa các bộ lạc đối với sự phát triển của người Chu.



Hình 69. Biểu đồ biểu thị quan hệ thế lực giữa bộ lạc Chu và các bộ lạc khác (Du Khổng Kiên, 1990)

Tuy ở trong tình trạng ba mặt chịu áp lực cạnh tranh và xâm nhập của các bộ lạc, nhưng chỉ có vùng núi Tân Linh rộng lớn và Kỳ Sơn ở phía Nam - Tây Nam của Chu là hưởng được không khí yên tĩnh và hòa bình của thiên nhiên. Sinh hoạt trong một xã hội vừa tàn khốc vừa giao hòa thế giới với thiên nhiên tươi đẹp, khiến cho người Chu càng cảm thụ được vẻ đáng yêu của thiên nhiên, họ xem mối quan hệ thiên nhiên giữa vùng núi phía Nam và Tây Nam là mô hình xã hội lý tưởng. Như quẻ "trung phù" trong "kinh dịch" nói: "Hạc-kêu trong bóng tối, con nó và nó, ta có tước tốt, ta và nó ngã theo đó" đã thể hiện sự vươn tới một xã hội hòa bình không có chiến tranh. Chính vì thế, trong "dịch" phản ứng tốt xấu về phương hướng luôn lấy Tây Nam (Kỳ Sơn và vùng núi Tân Linh) là tốt, Đông Bắc (các bộ lạc du mục cướp đoạt thành tính và bộ tộc Thượng hùng

mạnh) là xấu. Như quẻ "kiến" nói "lợi Tây Nam, không lợi Đông Bắc, lợi thấy người tài đức. Trình: cát". Quẻ "xuyên" nói "lợi Tây Nam không có chỗ nào đi, quay trở lại đo là cát". Trạng thái tâm lý không cạnh tranh với thế giới và rất yêu thích vùng núi thiên nhiên Tây Nam này phát triển thêm một bậc trở thành sự sùng bái chủ nghĩa bảo vệ chính mình và chủ nghĩa chạy trốn "Phi độn", "Gia độn" (xem quẻ độn trong kinh dịch). Chiến lược "chạy trốn", bảo vệ mình và chịu khó cầu toàn chính là vật quý trong thiên hạ mà cuối cùng người Chu đã đạt được trong thế giới cạnh tranh lẫn nhau giữa các thế lực bộ lạc. Nhưng "gien văn hóa" quyền uyển và dựa dẫm đối vào cảnh quan bảo vệ tự nhiên hàm chứa trong đó sự xuất hiện ý thức phong thủy của người Trung Quốc. Vì vậy mô hình cảm ứng tốt xấu "lợi Tây Nam, không lợi Đông Bắc" của dân tộc Chu được thuyết phong thủy kế thừa và trực tiếp hợp ứng với mức độ rất lớn.

5.2.4. Từ "thần", "hoán" đến "cấm lâm, cát" - hiệu ứng tai họa của vùng trũng Quan Trung

Vùng ven cao nguyên hoàng thổ nơi hoạt động trong thời kỳ đầu của người Chu, đất bị xói mòn rất nghiêm trọng, làm tăng thêm sự chênh lệch cao thấp về địa thế và tần suất địa chấn xuất hiện nhiều, khiến các tai họa như núi lở, nước lũ, trượt sườn núi thường xuyên xảy ra. Ngoài ra, vùng đất lạch sông Vị là một vùng có chấn động mạnh, nhiều vụ động đất lớn, mạnh trong lịch sử Trung Quốc đều xảy ra ở đây. Quẻ "thần", "hoán", trong bạch thư "Chu Dịch" đã tường thuật một cách sinh động những tai họa này của người Chu. Những tai họa này xảy ra trong một thời gian dài khiến người Chu dần dần nhận thức được quá trình sinh thái tự nhiên và mối quan hệ giữa sinh thái và con người. Các nhận thức về rừng rậm có "rừng rậm. Đây không phải là điểm dữ: trinh, cát". "rừng ngọt, không thu lợi; đã

lo nó, không phải điềm dữ". "Đến rừng, không có điềm hại" và "biết thích hợp với rừng là ông vua lớn, cát." (bách thư "dịch", quẻ "lâm") Quẻ này đã phản ánh người Chu không chỉ nhìn thấy được chức năng thực dụng trực tiếp của rừng rậm, mà còn thấy được chức năng sinh thái của rừng rậm trong phương diện ngăn chặn các dòng nước chảy làm mất đất, giảm tối đa tai họa khô hạn. Từ đó họ có phán đoán tốt về rừng rậm bảo hộ, và xem sự phá hoại rừng là xấu. Kinh nghiệm sinh thái nông nghiệp này đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành ý thức cảnh quan tốt xấu, đồng thời nó thúc đẩy sự sớm thành thực của ý thức sinh thái và sự nương dựa vào hệ thống sinh thái tự nhiên tốt. Do trong "dịch" chỉ phản ánh mô hình phán đoán trực giác "hiện tượng-tốt xấu", mà hoàn toàn không tiến hành thảo luận mối quan hệ nhân quả giữa chúng, nên sau khi kế thừa mô hình phán đoán trực giác này, thuyết phong thủy lại chọn dùng hệ thống giải thích mới để tiến hành giải thích. Thuyết phong thủy xem rừng cây rậm rạp um tùm trên núi là tốt, đồng thời đem điều này quy về chức năng "tụ khí" của rừng.

Có thể thấy những đặc trưng cảnh quan của vùng trung Quan Trung, kinh nghiệm sinh thái và sự thích ứng văn hóa đã làm mạnh thêm hành vi bảo vệ mình, bảo vệ lãnh địa và sự yêu thích kết cấu cảnh quan tương ứng của dân tộc Chu nói riêng và dân tộc Trung Hoa nói chung.

Khác với kinh nghiệm sinh thái trong thời kỳ định hình chủ yếu của văn hóa Trung Quốc, vùng then chốt sản sinh ra nền văn hóa châu Âu là đảo Crète trong vùng biển Aegean (giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ), và nó cùng thời đại với nhà Tây Chu (800 - 510 năm trước công nguyên). Văn hóa châu Âu trải qua thời kỳ định hình lâu dài, nó lấy bán đảo Hy Lạp làm trung tâm vùng biển Aegean và khu vực duyên hải. Sau đó nhanh chóng mở rộng ra đến khu vực Địa Trung Hải rộng lớn. So với vùng trung

Quan Trung, kinh nghiệm sinh thái của tổ tiên người châu Âu có mấy điểm khác nhau sau đây:

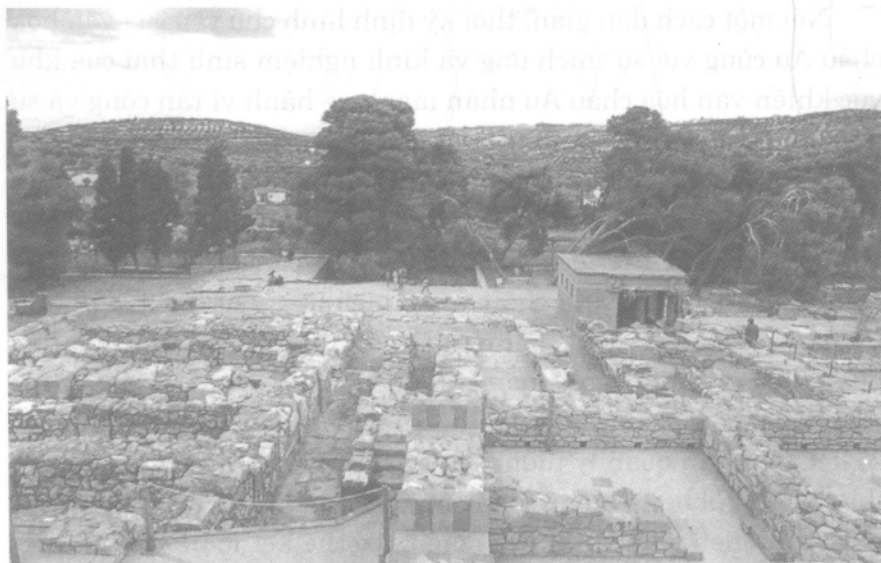
Thứ nhất, khí hậu có sự khác biệt rất rõ. Khu vực vùng biển Aegean có khí hậu dạng Địa Trung Hải, hoàn toàn khác với khí hậu mang tính gió mùa của vùng trũng Quan Trung. Mùa đông ở vùng biển Aegean có nhiều mưa, ẩm ướt, nhưng mùa hè thì khô hạn. Từ sự bức xạ nhiệt mùa hè trở nên có lợi nhất cho sự sinh trưởng của vạn vật. Điều này nói lên tổ tiên người châu Âu không có khí hậu nông nghiệp thích hợp (hình 70). Ngược lại gió mùa trong ngày hè ở vùng trũng Quan Trung đã mang đến lượng mưa rất dồi dào, làm cho mọi vật trong thời kỳ sinh trưởng thu được lượng mưa và ánh sáng đầy đủ, thích hợp cho việc trồng trọt.



Hình 70. Rừng trám thưa thớt dưới khí hậu Địa Trung Hải (tác giả chụp).

Thứ hai, tổ tiên người châu Âu thiếu cảnh quan vùng trũng và đất lạch sông có nhiều tài nguyên phong phú và đáng bảo vệ lãnh địa như vùng trũng Quan Trung. Đương nhiên không có nơi để bảo vệ thiên nhiên, con người phải tự cấp tự túc. Đất đai lồi lõm bạc màu và diện tích tài nguyên thừa thớt làm cho việc bảo vệ lãnh địa nơi cư trú mất hết ý nghĩa. Vì vậy nó không có không gian và đất đai ủng hộ cho một xã hội tập quyền (quyền lực tập trung vào tay vua). Tài nguyên thừa thớt và thiếu hụt chỉ duy trì các thành bang nhỏ, phân tán. Loại thành bang nhỏ này lấy thành lũy chiếm cứ đỉnh cao làm trung tâm. Bản thân thành lũy là nơi tập trung của cái dư thừa, cái đáng bảo vệ là thành lũy chứ tuyệt đối không phải là nơi cư trú có sức sản xuất thấp, là nơi đáng đề dựa dẫm và ký thác; đương nhiên thành lũy này do con người xây dựng chứ không phải là một cảnh quan thiên nhiên che ẩn. Sự dựa dẫm và quyến luyến đối với cảnh quan thiên nhiên của đại biểu người Chu là sự tin tưởng vào chính sức mạnh của mình, điều này khác với tổ tiên người châu Âu. Tình trạng không có nơi được thiên nhiên bảo vệ để có thể ẩn nấp và nương tựa thì tấn công và biểu thị sức mạnh của chính bộ lạc trở thành cách bảo vệ chính mình tốt nhất. Chiến lược tương ứng của nó là thông qua sự phô trương (mà không che dấu) để đạt được mục đích làm đối phương khiếp sợ và lùi bước. Do đó thành lũy đa số chiếm cứ đỉnh cao và các hòn đảo, khổng chế chặt hành lang lưu thông có ý nghĩa chiến lược, làm cho nó có ưu thế chiến lược tiến công lớn nhất và sinh ra hiệu quả biểu thị sức mạnh của mình tốt nhất (hình 71, 72, 73)

Chúng ta đã thảo luận qua kết cấu đảo và đỉnh cao trong nơi cư trú được. Nó được xem là nơi sinh sống trực tiếp của người nguyên thủy có hiệu ứng sinh thái tốt nhất, là đặc trưng kết cấu nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy. Trong văn hóa châu Âu, sự yêu thích loại kết cấu này đã được nhấn mạnh rất rõ, nhưng trong mô hình phong thủy lý tưởng của người Trung Quốc thì sự yêu thích loại kết cấu này lại rất mờ nhạt.



Hình 71. Di chỉ Cnossos, cung điện Minos (cung điện Knoss, đảo Crete, 2000-1400 trước Công nguyên) - Không chế con đường giao thông trọng yếu ra vào đảo (tác giả chụp).



Hình 72. Di chỉ thành phố cổ Phaistos của Minos (đảo Crete, 1900-1400 trước Công nguyên). Dựa vào núi và không chế vùng đồng bằng Messara trên đảo (tác giả chụp).

Nói một cách đơn giản, thời kỳ định hình chủ yếu của văn hóa châu Âu cùng với sự thích ứng và kinh nghiệm sinh thái của khu vực khiến văn hóa châu Âu nhấn mạnh về hành vi tấn công và sự tin tưởng vào chính mình, nhưng lại làm yếu đi một cách tương ứng hành vi bảo vệ mình, bảo vệ lãnh địa và tin tưởng đối với tự nhiên. Bản chất của văn hóa châu Âu là tính khuếch trương, đối với đồng loại là thế, đối với thiên nhiên cũng thế. Có thể nói chính kinh nghiệm sinh thái và sự thích ứng văn hóa trong thời kỳ đầu của xã hội nông nghiệp dần dần đã hình thành nên sự phân tách mô hình cảnh quan lý tưởng phương Đông phương Tây. Sự khác biệt giữa hai nền văn hóa này đã nhấn mạnh thêm một số kết cấu cảnh quan lý tưởng chung trên gien sinh vật con người theo những phương hướng khác nhau tạo nên. Vì vậy so sánh mô hình trên gien sinh vật này chúng ta có thể kết luận sự khác biệt văn hóa của mô hình cảnh quan lý tưởng là sinh sau.



Hình 73. Thành bảo vệ cổ xưa (Acropolis, Athens, thế kỷ thứ 5 trước công nguyên); chiếm cứ điểm cao (tác giả chụp).

5.3. KINH NGHIỆM VÙNG TRUNG TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA: SỰ TÁI NHẤN MẠNH MÔ HÌNH PHONG THỦY

Văn hóa Trung Quốc thời Tây Chu cơ bản là sau khi định hình, định hướng liền bước vào một quá trình phát triển liên tục kéo dài. Dù triều đại có đổi thay thế nào, hay có bộ tộc khác xâm nhập thì sự phát triển của nền văn hóa nông nghiệp Trung Quốc vẫn không tách rời mô hình mà nó đã có. Tính ổn định và tính liên tục của nó được các nhà sử học ca ngợi là không có nền văn hóa nào có được. Trong lịch sử dài hơn 3000 năm, loại hình cảnh quan đặc biệt "vùng trung" này luôn luôn đi kèm với sự phát triển văn hóa của dân tộc Trung Hoa. Sự thích ứng sinh thái "vùng trung" lâu dài đã tiến thêm một bậc nhấn mạnh thêm đặc trưng bảo vệ mình, bảo vệ lãnh địa và dựa vào thiên nhiên của mô hình phong thủy, đồng thời nó ngày càng cách xa với mô hình của châu Âu.

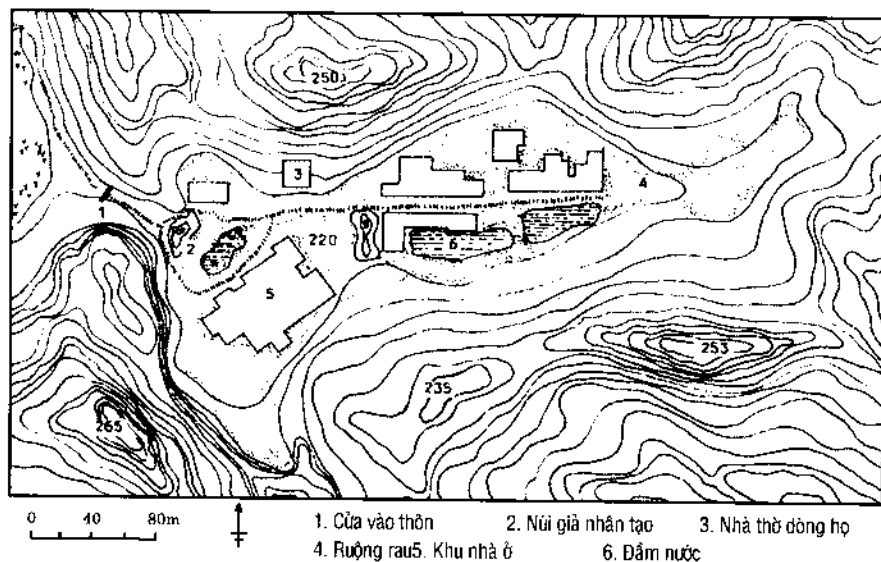
5.3.1. Vùng trung Quan Trung đi kèm với sự phát triển văn hóa dân tộc Trung Hoa

Từ sau Tây Chu đến Tùy Đường, vùng trung Quan Trung hầu như luôn là trung khu của văn minh Trung Hoa, là cái gốc tỏa ra văn hóa Trung Hoa. Nó được xem là chốn kinh kỳ trong thời gian khoảng 1100 năm, trải qua 11 vương triều, và gần như đã chiếm cứ trọn thời kỳ văn hóa dân tộc Trung Hoa từ lúc định hình phát triển cho đến lúc thống trị, bao gồm các triều đại có ảnh hưởng đến lịch sử Trung Quốc. Gồm Tây Chu, Tần (được xem là vương triều đầu tiên của thời đại phong



Hình 74. Tổng thể cảnh quan thôn Vân Thụy ở núi Thê Tiểu (tác giả chụp).

kiến), Hán (được xem là cao trào đầu tiên của sự phát triển nông nghiệp ở Trung Quốc) và Tùy Đường (được xem là thời kỳ thống trị của văn hóa phong kiến). Cho nên, có thể nói sự thích ứng và kinh nghiệm sinh thái trong vùng trũng Quan Trung của người Chu luôn được tiếp tục và nhấn mạnh thêm. Kinh nghiệm của vùng trũng Quan Trung có ý nghĩa làm mạnh thêm mô hình "phong thủy", đây là điều không nói cũng biết.



Hình 75. Mặt phẳng thôn Vân Thụy ở núi Thê Tiêu

5.3.2. Vùng trũng mang tính phổ biến của lãnh địa nông nghiệp Trung Quốc

Trong các loại địa hình Trung Quốc, diện tích vùng núi chiếm 33%, gò đồi và vùng trũng chiếm 29%, còn đồng bằng chỉ chiếm 12%. Các vùng này chủ yếu nằm ở hướng Đông Bắc, Hoa Bắc, trung hạ lưu Trường Giang và khu tam giác Châu Giang. Trong thời kỳ đầu của nền văn minh nông nghiệp, những đồng bằng rộng lớn này nằm trong trạng thái nước sông tràn ngập, không

ổn định, không thích hợp để định cư và trồng trọt. Đồng bằng Hoa Bắc được khai phá sớm nhất, nhưng sông Hoàng Hà không ngừng làm biến đổi nó. Trong thời gian hơn 2000 năm nay, sông Hoàng Hà cơ bản đã quét ngang qua một lượt từ Bắc xuống Nam. Còn đồng bằng Đông Bắc và khu tam giác Châu Giang thì vào trước đời Đường Tống nó vẫn nằm trong tình trạng hoang sơ (so với văn hóa Hán mà nói). Cho nên, trong một thời kỳ rất dài nguồn tài nguyên trồng trọt của Trung Quốc bị giới hạn ở vùng đồng bằng trong thung lũng núi và vùng trũng, gò đồi. Tính hạn chế của nguồn tài nguyên, tính không đồng đều của việc phân bố tài nguyên và đặc điểm cảnh quan cùng tính đáng bảo vệ của vùng trũng khẳng định chắc chắn vùng phổ biến văn hóa trồng trọt ở đại lục Trung Quốc luôn có sự yêu thích với các cảnh quan có ưu thế chiến lược bảo hộ, bảo vệ lãnh địa.

Thông qua ví dụ thực tế cấu trúc và cảnh quan của thôn Vân Thụy núi Thê Tiểu, chúng ta có thể nhận thấy trực quan đối với loại đặc trưng dựa dẫm vào thiên nhiên, bảo hộ và bảo vệ lãnh địa rất sắc nét của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc (hình 74, 75). Đời đời cư dân của thôn này đa số sống bằng nghề hái trà. Thôn nằm trong một vùng trũng nhỏ trên đỉnh núi Thê Tiểu, bốn bề có gò đất bao quanh, cây cối um tùm, đây rõ ràng là kết quả bảo hộ trong thời gian dài. Từ mặt cắt có thể thấy gò đất bao xung quanh ít nhất cũng có vết tích của con người đã xây dựng ở một số nơi. Vùng trũng vốn chỉ có một con đường nhỏ khúc khuỷu để liên kết với thế giới bên ngoài (hiện nay vì nhu cầu giao thông nên đã mở một con đường nhỏ ở góc Đông Bắc), nó phải đi quanh co qua núi để ra ngoài, lại có một ngọn núi giả và cửa thôn do con người xây dựng. Người ngoài vào chỉ có thể đi vòng qua bờ đấp phía sau ngọn núi giả có cây cổ thụ thâm niên mới có thể thấy cảnh thôn làng trong núi.

5.3.3. Kinh nghiệm vùng trũng và cơ chế tiết chế sinh thái trong văn hóa nông nghiệp Trung Quốc

Ở một trình độ cao, phong thủy biểu hiện sự yêu mến, tin tưởng và tôn trọng bố cục cảnh quan tự nhiên và quá trình tự nhiên, điều này gọi là tiết chế sinh thái. Sự hình thành cơ chế tiết chế sinh thái có hai điều kiện. Một là loại cơ chế này có thể mang đến cho quần thể lợi ích lâu dài. Hai là quần thể có khả năng bảo vệ thành quả hành vi tiết chế của họ. Sáu hiệu ứng dưới đây của vùng trũng đều có lợi cho việc thỏa mãn hai điều kiện này. Vì thế, kinh nghiệm vùng trũng trong thời gian dài đã thúc đẩy sự phát triển cơ chế tiết chế sinh thái của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc.

(1) Vùng trũng có lợi cho việc hình thành khu văn hóa sinh thái ổn định. Vùng trũng dễ cấu tạo thành một khu văn hóa sinh thái xác định ven biển (Eco-cultural Region), khu địa lý sinh vật phân bố những đơn nguyên văn hóa thường trùng hợp. Giữa người cư trú và môi trường tự nhiên đã thiết lập nên một mối quan hệ ổn định lâu dài, giúp người cư trú có cơ hội nhận thức toàn diện

Kết cấu và quá trình hình thành của hệ thống sinh thái vùng trũng, giúp mọi người nhận thức được mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, từ đó đẩy mạnh phát triển hành vi tiết chế sinh thái.

(2) Nó có lợi cho sự phát triển ý thức gia đình và đạo đức kế tục. Vùng trũng là một quần thể có mối quan hệ gia đình và xã hội rất mật thiết, giúp cho gia đình và lãnh địa được ổn định. Kích thước của vùng trũng thích ứng với kích thước của quần thể gia đình và xã hội. Sự phát triển của cả gia tộc hoặc quần thể hoàn toàn phụ thuộc vào hạn chế này của lãnh địa, từ đó sinh ra

ý thức gia đình rất mãnh liệt. Mỗi một thành viên nhỏ đều chịu sự hun đúc của người lớn về truyền thuyết gian nan khi tổ tiên họ khai phá và bảo vệ gia đình và đã trải qua một cách thần kỳ. Từ đó sinh ra tình cảm kính trọng ngưỡng mộ tổ tiên và nó



Hình 76. Cúng tế tổ tông (tác giả chụp).

phát triển thành sùng bái tổ tông (hình 76). Cái gọi là "quân tử phản cổ phục thi, bất vong kỳ sở do sinh xuất, thị dĩ chi kỳ kính, phát kỳ tình, kiệt lực tòng sự dĩ báo kỳ thân" (Lễ ký, tế nghĩa) (người quân tử thì nhớ về nguồn cội, không quên nơi sinh ra, phải cung kính, phải yêu thương, làm việc hết sức mình để báo đáp cho người thân). Sự sùng bái và kính ngưỡng tổ tông này biểu hiện bằng những hành động cụ thể như sau: thứ nhất, mỗi thành viên đều xem mình như là một sinh mệnh của gia đình, nhiệm vụ chủ yếu của họ là kế tục, giúp cho sinh mệnh của gia tộc tiếp tục kéo dài, vì vậy, "bất hiếu có ba điều, không có con là điều lớn nhất" (Mạnh tử, lý lâu thượng). Thứ hai, xem gia nghiệp tổ tiên truyền lại như là một sự nghiệp thần thánh, và phải có trách nhiệm truyền lại đầy đủ cho đời sau: "truyền gia giữ nghiệp, đời đời nối tiếp, vì không ai không tiếp nối những gì mà tổ tiên tích lũy, cho nên là con cháu không được quên tổ tông ngày nào". Đạo đức để lại cho đời sau khiến họ có thể kết hợp hữu cơ lợi ích lâu dài của gia tộc với lợi ích hiện tại của chính mình. "giếng nước tổ tiên để lại", "ruộng đất tổ tiên để lại", "cây cối tổ tiên để lại"... bản thân điều này có nghĩa là chúng được đời sau kế thừa và bảo vệ. Đối với việc hủy bỏ chúng có thể "trên phạm tội với liệt tổ liệt tông, dưới xấu hổ với con cháu", mà thành người bất dung, và thành chính mình cũng bất dung.

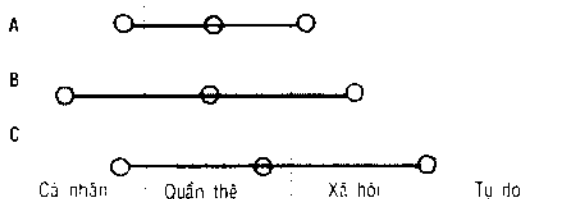


Hình 77. Thỏa mãn về điều đã có thì vui (tác giả chụp).

(3) Nó có lợi cho sự hình thành quần thể xã hội thành nhiều dạng khác nhau. Phương thức chiếm lĩnh không gian có thể phân làm bốn loại: chiếm lĩnh cá nhân, chiếm lĩnh tập thể, chiếm lĩnh xã hội và chiếm lĩnh tự do. Vì sự khác nhau giữa cảnh quan và phương thức sinh hoạt nên tỉ lệ của bốn loại chiếm lĩnh không gian trên có sự khác nhau rất lớn (hình 77), thông qua mối quan hệ giữa tông tộc và cảnh quan vùng trũng thích hợp nhất dùng để chứng minh đặc trưng chiếm lĩnh không gian dưới. Do kích thước vùng trũng có giới hạn nên mối quan hệ xã hội gia tộc, không gian cá nhân chiếm hữu bị hạn chế. Toàn bộ không gian là nơi chung của gia tộc và toàn thể thành viên có quan hệ mật thiết với xã hội. Đồng thời, tính mở rộng của không gian xã hội rất ít. Kẻ xâm nhập đến từ bên ngoài thường tạo nên sự cảnh giác và hoài nghi cho toàn dân trong thôn, vì vậy họ có tính bài xích rất rõ. Tính chung hướng không gian của tập thể và gia tộc làm cho mỗi thành viên cảm thấy phải có trách nhiệm

bảo vệ gia đình của chính mình, để giữ gìn lợi ích của chính mình. Bất kỳ cá nhân nào có hành vi lãng phí tài nguyên đều chịu sự chỉ trích của toàn thể thành viên, thậm chí bị trừng phạt nghiêm khắc. Từ đó đã tránh được "cục diện bị đất thường có trong thảo nguyên". Tính bài xích đối với những người đến từ bên ngoài và khả năng bài trừ những phần tử biến chất trong nội bộ tập thể khiến hành vi tiết chế sinh thái của tập thể được sự bồi đắp.

(4) Vì có lợi cho sự phát triển kinh tế dạng tự lực nên dẫn đến phát sinh nhu cầu từ bên trong. Nó có tác dụng cách ly không gian của vùng trung phát triển lấy sự cần thiết cho chính mình để làm phương thức nhu cầu bên trong (indigenous) của mục đích, mà không cần bắt buộc, lấy việc biết đủ, hài lòng làm nguyên tắc (hình 78). Mục đích sản xuất là để tiêu dùng cho chính mình chứ không phải là để trao đổi với thế giới bên ngoài. Sự trao đổi vật chất và năng lượng của vùng trung với thế giới bên ngoài rất hạn chế, tính ỷ lại của hoạt động kinh tế nội bộ đối với bên ngoài rất ít. Do đó hoạt động sản xuất sẽ trực tiếp chịu sự chế ước của cơ chế sinh thái bên trong vùng trung, và sản xuất bao gồm hành vi tiết chế sinh thái và hành vi tính thích ứng bên trong. Kinh nghiệm cho thấy dạng ỷ lại kinh tế, dạng thúc đẩy tiêu thụ, nhu cầu bắt buộc luôn dùng tiêu chuẩn giá trị của văn hóa vùng khác để cân bằng trình độ phát triển kinh tế và trình độ thỏa mãn nhu cầu. Kết quả là dẫn đến sự phá vỡ nguồn tài nguyên của khu vực đó (hình 79).



Hình 78. Quan hệ tỉ lệ của bốn phương thức chiếm lĩnh không gian khác nhau dưới phương thức sống và cảnh quan khác nhau.



Hình 79. Những quảng cáo mời mua mà gia đình bình thường ở Mỹ nhận được mỗi ngày. xã hội lãng phí dẫn đến nhu cầu nguồn bên ngoài (tác giả chụp).

(5) Cảnh quan vùng trũng ảnh hưởng đến quá trình văn hóa của xã hội. Do tính cách ly của không gian và tính ổn định của môi trường tự nhiên và xã hội nên vùng trũng thường xuyên ở trạng thái gần bão hòa. Có người cho rằng dưới áp lực dân số gần bão hòa như thế thì có lợi cho việc thúc đẩy sự phát triển hành vi tiết chế sinh thái của văn hóa. Trong điều kiện cách ly thời gian dài, kỹ thuật sản xuất trong vùng trũng ở trạng thái phát triển trì trệ trong thời gian dài, khiến họ càng dựa vào khả năng tái sinh của nguồn tài nguyên truyền thống để sản xuất (hình 80). Vì thế nó có thể thu được lợi ích to lớn trong hành vi tiết chế sinh thái của mình. Nhưng kỹ thuật phát triển nhanh chóng khiến người ta không ngừng khai phá nguồn tài nguyên mới dẫn đến sự loại trừ tính dựa vào nguồn tài nguyên cố định đặc biệt, không có lợi cho việc phát triển hành vi tiết chế sinh thái.

(6) Những kinh nghiệm tai họa do tính cục bộ thường xuyên (hình 81). Vì cảnh quan vùng đất rộng lớn cấu thành vùng trũng, so với đồng bằng rộng lớn, nên nó có tính phức tạp và tính dị chất rất rõ. Mỗi một vùng trũng là một hệ thống sinh thái độc lập tương đối. Tài nguyên của mỗi vùng trũng và những tai họa do sự phá hoại cảnh quan mang lại một mức độ rất lớn đều do tính lưu vực nhỏ hoặc tính cục bộ tạo thành, đối với tổng thể cảnh quan có ảnh hưởng từ từ, nó là dạng cảnh báo. Đặc điểm cảnh quan của vùng trũng (như là địa thế chênh lệch cao thấp rất lớn, nguồn nước từ bốn bên đổ xuống tập trung ở trung tâm, sự biến đổi theo mùa của nguồn nước) đã quyết định kinh nghiệm. Tai họa là sự kích thích bên ngoài thường xuyên có cường độ giới hạn nhất định. Nhìn ở góc độ tiến hóa hệ thống và nguyên lý, tính thích ứng có lợi cho sự phát triển cơ chế tiết chế sinh thái văn hóa. Trái lại, ở đồng bằng lớn (như hai lưu vực sông), hệ thống sinh thái đồng đều, ít đa dạng, ít phức tạp và không có nhiều tầng. Gien sinh thái nông nghiệp khá đơn nhất, tai họa do sự phá hoại cân bằng sinh thái mang lại sự công kích và hủy diệt.



Hình 80. Trình độ sản xuất thấp trong thời gian dài có lợi cho sự phát triển của cơ chế tiết chế sinh thái (Núi Thái Hàng, Hà Nam, tác giả chụp).



Hình 81. Kinh nghiệm tai họa - Khô hạn và nguồn tài nguyên nước hạn chế đủ để cơ chế tiết chế sinh thái phát triển (Liên Nam, Quảng Đông, tác giả chụp).

Từ đây có thể thấy, kinh nghiệm vùng trũng của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc có tác dụng thúc đẩy rất rõ đối với hành vi tiết chế sinh thái. Ở đây cần phải hiểu là hành vi tiết chế sinh thái hoàn toàn không chỉ có riêng trong văn hóa nông nghiệp vùng trũng của Trung Quốc. Rất nhiều văn hóa khác dùng hình thức phong tục tôn giáo, những điều cấm kỵ và vật tổ để thực hiện việc bảo vệ và sử dụng tiết chế nguồn tài nguyên cố định. Ở Ấn Độ có rất nhiều động thực vật được tôn giáo bảo vệ nghiêm ngặt. Điều này bắt nguồn từ hành vi tiết chế sinh thái của thời kỳ săn bắt hái lượm. Mặc dù văn hóa cơ đốc giáo bị xem là phá hoại thiên nhiên, nhưng vẫn không thiếu truyền thống yêu quý thiên nhiên không muốn bắn giết động vật. Tôi muốn nhấn mạnh do kinh nghiệm vùng trũng rất độc đáo khiến hành vi tiết chế sinh thái văn hóa nông nghiệp vùng trũng của Trung Quốc có nét đặc sắc rõ rệt, chủ yếu biểu hiện ở hành vi tiết chế. Họ không lấy việc sử dụng liên tục một nguồn tài nguyên đơn nhất làm mục đích, mà lấy việc bảo hộ và sử dụng liên tục tổng thể môi trường sinh hoạt và môi trường sản xuất nông nghiệp làm mục đích. Thuyết phong thủy làm thành hệ thống thao tác và giải thích mối quan hệ giữa thiên nhiên và người Trung Quốc, cùng với lý tưởng cảnh quan, đã tập trung thể hiện loại cơ chế tiết chế sinh thái này của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc, đồng thời nó đã hình thành nên nét đặc sắc quyến luyến nương tựa vào tổng thể môi trường tự nhiên và yêu quý giữ gìn cảnh quan thiên nhiên của phong thủy Trung Quốc.

5.3.4. "Tranh giành trung nguyên" và mô hình "Đào Uyên Minh"

Vùng trung nguyên rộng lớn được khai phá khá sớm, chiến tranh xảy ra liên miên khiến cho vùng đồng bằng rộng lớn mấy lần trở thành nơi con người đoạn tuyệt, người cư trú ở đó hoặc là bị giết, hoặc là chạy trốn. Điều này nói lên rằng giữa người cư trú và nơi cư trú trên đồng bằng lớn khó mà hình thành cơ chế thích ứng ổn định trong thời gian dài. Trái lại, ở lưu vực sông Trường Giang, vùng đồi núi phía Nam, và vùng trũng nhỏ luôn khá an tĩnh, nó trở thành nơi trốn tránh thiên nhiên mà những người chạy nạn hướng đến. Điều này thấy rất rõ ở thời Tấn, Nam Tống. "Nguồn hoa đào từ thế giới bên ngoài" trong ý tưởng kết cấu Đào Uyên Minh phản ánh trạng thái tâm lý này. Trong thực tế, dù bị săn đuổi chung quanh trung nguyên hoặc bị các bộ tộc xâm nhập (các bộ tộc du mục), vùng núi đồi Giang Nam rộng lớn vẫn luôn trở thành nơi bảo hộ các dòng họ vua chúa bị truy đuổi và các cư dân trung nguyên. Đây vừa là quá trình mở rộng của văn hóa dân tộc Trung Hoa, vừa là quá trình làm mạnh thêm sự thích ứng vùng trũng. Điều này khiến người Trung Quốc đem lý tưởng xã hội yên tĩnh, thiết kế hài hòa trong vùng trũng giữa núi và thiên nhiên, tính bảo vệ lãnh địa rất mạnh, có thể bảo vệ mình, và mô hình vùng trũng lý tưởng này chính là mô hình phong thủy lý tưởng.

Nếu nói kinh nghiệm vùng trũng trong quá trình phát triển văn hóa nông nghiệp của dân tộc Trung Hoa là sự nhấn mạnh thêm và là sự tiếp nối của sự thích ứng và kinh nghiệm vùng trũng Quan Trung thời kỳ định hình, thì văn hóa châu Âu trong quá trình mở rộng khu vực châu Âu rộng lớn và hướng về ven bờ

Địa Trung Hải cũng tiếp nối và nhấn mạnh giống như thế đối với sự thích ứng sinh thái và kinh nghiệm sinh thái đảo và vùng ven bờ Địa Trung Hải. Vì khuôn khổ bài viết có hạn, nên không triển khai thảo luận thêm. Chính kinh nghiệm sinh thái và cảnh quan khác nhau trong thời kỳ định hình và phát triển chủ yếu của hai loại văn hóa này đã lần lượt nhấn mạnh thêm một số đặc trưng kết cấu mô hình nơi cư trú lý tưởng trên gien sinh vật của con người, từ đó dẫn đến sự khác biệt và nét đặc sắc riêng của mỗi mô hình cảnh quan lý tưởng trong văn hóa châu Âu và văn hóa dân tộc Trung Hoa.



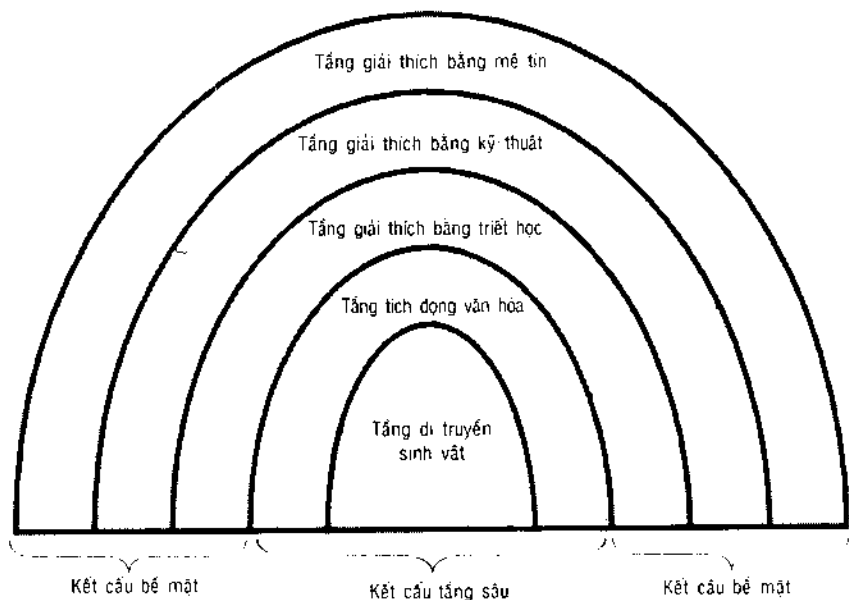
HỆ THỐNG GIẢI THÍCH VỀ ĐỊA ĐIỂM TỐT - XẤU THEO THUYẾT PHONG THỦY

Như phần mở đầu đã nói, quyển sách này không có ý định tiến hành thảo luận sâu hệ thống giải thích của phong thủy. Nghiên cứu về phương diện này trong và ngoài nước đều có không ít sách khảo luận. Ở đây thêm vào một chương, đơn giản là để trình bày một chút quan điểm của chính mình, đồng thời cũng nêu ra những suy nghĩ mang tính hoàn chỉnh về kết cấu toàn quyển sách.

Các chương thảo luận trên muốn trình bày rõ: ý thức phong thủy (ý thức tốt xấu về cảnh quan) được quyết định bởi trình độ năng lực tâm lý rất cao hình thành trong quá trình tiến hóa của nhân loại. Đồng thời nó cũng chịu ảnh hưởng của kinh nghiệm sinh thái xã hội và tự nhiên trong quá trình phát triển thời kỳ định hình chủ yếu của văn hóa dân tộc. Hai tầng năng lực tâm lý và kinh nghiệm sinh thái này chồng lên nhau, tạo thành ý nghĩa sâu xa của phong thủy. Nơi cư trú vừa ý của người nguyên thủy là mẫu nguyên gốc của phong thủy lý tưởng. Những kinh nghiệm vùng trũng trong quá trình định hình và phát triển của văn hóa nông nghiệp Trung Quốc đã làm mạnh thêm những đặc trưng kết

cấu của mẫu nguyên gốc này. Từ đó nó tạo thành ý thức tốt xấu về cảnh quan và mang đậm bản sắc dân tộc Trung Hoa.

Sau đây chúng tôi sẽ nhấn mạnh việc giải thích thuyết phong thủy và xây dựng hệ thống giải thích về loại ý thức cảnh quan tốt xấu này. Hệ thống giải thích này bao gồm ba tầng: hệ thống triết học thủy hóa - cơ hóa và hóa thành. Nó là hệ thống kỹ thuật dựa vào hình thể khảo sát khí mà chỉ có một số ít chuyên gia nắm vững, và là tầng giải thích mê tín làm cho đông đảo người dân lao động ở tầng lớp thấp tiếp thu. Ba tầng giải thích này của thuyết phong thủy đã cấu thành kết cấu bề mặt của ý thức phong thủy Trung Quốc (hình 82). Do hệ thống giải thích bề mặt này hoàn toàn không phản ánh trực tiếp ý nghĩa hiệu quả và lợi ích thực tế của cảnh quan tốt hay xấu, dẫn đến thuyết phong thủy và việc xem phong thủy mang tính thần bí và tính huyền ảo rất lớn.



Hình 82. Kết cấu bề mặt và kết cấu tầng sâu của ý thức phong thủy.

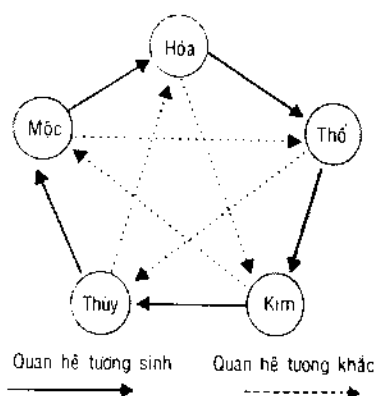
Sách địa lý bắt đầu có từ Hoàng Thạch (cuối đời Tần đầu đời Hán), được kế tục bởi Quách Phác (đời Tấn), được thịnh hành do công của Dương Công (Dương Quân Tùng, đời Đường) và bị tuyệt hậu do những sách giả tạp nham xuất hiện, giả mạo những tên tuổi nổi tiếng (Tương Quốc, đời Thanh). Sự thật tác phẩm "Thanh Nang Kinh" của Hoàng Thạch Công, "Táng Thư" của Quách Thị không có kết luận nhất trí, nhưng sự cống hiến của hai quyển sách này về "thuyết phong thủy" đã được công nhận. Trong hệ thống triết học cổ đại Trung Quốc, hai quyển sách này cơ bản đã xác lập được hệ thống lý luận và tư tưởng triết học cụ thể của "thuyết phong thủy". Các nhà phong thủy từ Quách Phác trở về sau đều tiến hành giải thích và phụ họa kỹ thuật bằng hệ thống lý luận này, và dần dần làm cho thuật phong thủy hỗn tạp, tối tăm và thần bí. Khảo sát lý luận của thuyết phong thủy ở đây chủ yếu lấy những tác phẩm khảo luận được tôn xưng là kinh điển làm căn cứ.

6.1. HỆ THỐNG GIẢI THÍCH TRIẾT HỌC

Về vấn đề bản thể luận, triết học Trung Quốc có các loại "duy khí luận", "duy lý luận" và "duy tâm luận", nhưng lấy "duy khí luận" làm trào lưu chủ yếu. Nó quy nguồn gốc của thế giới vượt qua hình chất, và cho rằng không có chỗ nào là không tồn tại khí, từ đó nó lập nên hệ tư tưởng trời - đất - con người hợp nhất. Tư tưởng triết học này trở thành tiền đề "khoa học" cụ thể cho việc tìm kiếm sự hòa điệu giữa con người và thiên nhiên làm mục đích cuối cùng. "Thuyết phong thủy" thông qua logic thủy hóa - cơ hóa - hóa thành, chuyển hóa khí - phạm trù triết học này tạo thành hệ thống có thể thao tác cụ thể (hình 83).

Cái gọi là thủy hóa tức là trời, đất, vạn vật đều bắt đầu từ âm dương. Bản thể của khí tức là thái hư vô hình, khí âm, khí dương tràn ngập trong trời đất, "nó tụ hợp, nó phân tán, biến

hóa thành vô vãn hình dạng" (Trương Tải, "Chính Mông", thiên Thái hòa). "khí chuyển động hỗn độn, hợp lại mà thành chất, sinh ra người và hình thù vạn vật; hai đầu âm dương tuần hoàn không ngừng nghỉ, là ý nghĩa của việc lập nên trời đất" (Đồng thượng). Đây chính là căn cứ bản thể luận của sự sinh trời, đất, con người hợp nhất.



Hình 83. Quan hệ tương sinh tương khắc ngũ hành âm dương.

Cái gọi là cơ hóa, tức là khí không hình, khí chất hoàn toàn không đuổi bắt được nó. "khí khí tụ lại thì trời thành tượng, đất thành hình" (Thanh Nang Kinh), "trời có ngũ tinh. đất có ngũ hành; trời phân làm nơi trú của tinh tú, đất bày sông núi" (đồng thượng). Ngoài những hình thể cố định như thế, khí còn có hình thái có thể nhận biết được như gió, mưa, sương, tuyết, tức là cái "tăng thư" gọi là "khí âm dương, thời thì thành gió, thăng thì thành mây, chấn thì thành sấm sét, giáng thì thành mưa". Khí âm dương không những có quy luật tụ tán trên ba tầng không gian mà trên duy độ thời gian cũng có hình thái vận động có thể nhận biết được. "Thuyết phong thủy" dùng mối quan hệ về sự vận động của khí và mùa, đêm ngày trong triết học Trung Quốc: "Ngày đêm là hơi thở của trời! Nóng lạnh là ngày đêm của trời! Đạo trời phân xuân hạ mà dịch chuyển, giống như con người vừa ngủ thì hồn vía tương giao." (Trương Tải, "chính mông", thiên thái hòa). Một trong những đặc điểm lớn nhất của triết học Trung Quốc là vật chất và nhân luân tinh thần hợp thành một thể, thống nhất ở khí (hoặc lý, tâm): "loài bay hay lặn, động vật hay thực vật, loài linh hay ngu, thiện hay ác, đều cần phải có khí để tồn tại".

"phạm cái gian cầm vào người thì khí nghịch ứng vào nó, khí nghịch thành tượng thì sinh ra loạn ở đó. Chính khí cầm vào người thì khí thuận ứng vào nó, khí thuận thành tượng thì sinh ra thịnh trị ở đó" (Vương phu Chi, "Trương Tử Chính Mông Chủ", thiên tham lương). "Thuyết phong thủy" kế thừa và phát triển tư tưởng này, "táng thư" nói chôn phạm vào nhân đạo và chôn phạm vào thiên đạo thì cùng thấy là "hung táng" (chôn chỗ xấu): "âm dương khác biệt với nhau là điều xấu thứ nhất, tuổi thời quá giờ là điều xấu thứ hai, sức nhỏ hình to là điều xấu thứ ba, ý giàu cậy thế là điều xấu thứ tư, nịnh trên bức dưới là điều xấu thứ năm, biến ứng quá lạ là điều xấu thứ sáu."

Bảng 5: Mối quan hệ ngũ hành
phối hợp giữa lượng biến đổi chủ yếu

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Ngũ tinh	Tuế tinh	Huỳnh hoặc	Trần tinh	Thái bạch	Thần tinh
Phương vị	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Mùa	Xuân	Hạ	Quý hạ	Thu	Đông
Đức hạnh	Nhân	Lễ	Tin	Nghĩa	Trí
Màu sắc	Xanh lá cây	Đỏ	Vàng	Trắng	Đen

Như thế, trạng thái vận động của khí (Qi) trở thành một hàm số đa lượng biến đổi:

$$Q_i = F(c.e.d.m.d.s.h)$$

Trong đó: c là thiên tượng; e là địa hình; d là phương vị; m là khí tượng; s là thời gian; h là nhân luân, tinh thần; F là một loại quan hệ hàm số. Phương trình này có một nghiệm tối ưu nhất là sinh khí, tức là ngũ hành âm dương giữa các lượng biến đổi đều đạt đến "xung hòa" (hòa điệu nhịp nhàng với nhau). Vì

thế, nó đã đưa quan hệ phối hợp của ngũ hành âm dương và quan hệ tương sinh, tương khắc vào làm nguyên tắc phân định (bảng 5, hình 83)

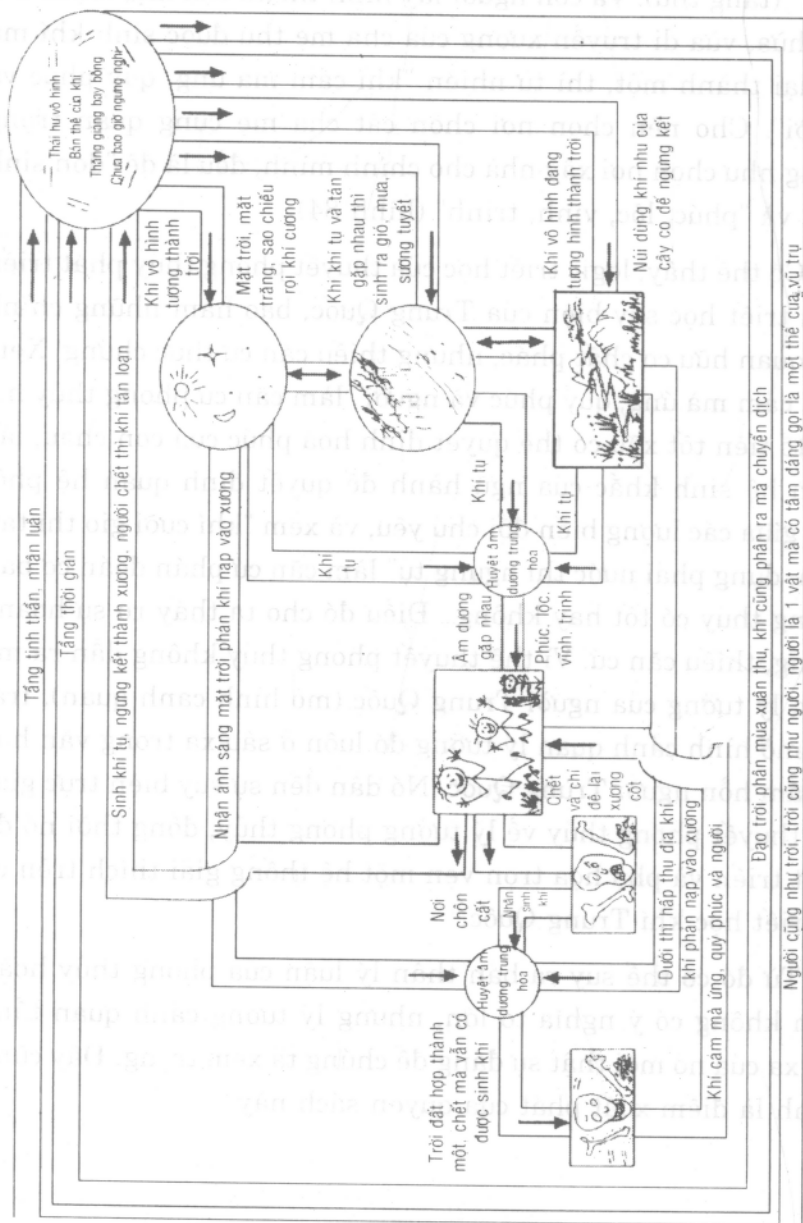
Cái gọi là hóa thành tức là trên cơ sở quy luật vận động của khí như đã nói trên, ngược lên nhìn thiên tượng, cúi xuống nhìn địa hình, khảo sát bốn mùa, định phương hướng, vị trí, "thuận ngũ triệu, dụng bát quái, bài lục giáp, bố bát môn, đoán ngũ vận, định lục khí, minh địa đức, lập nhân đạo, nhân biến hóa, nguyên chung thi" (Thanh Nang Kinh). Khiến âm dương xung hòa mà được sinh khí, có sinh khí thì có phúc lộc vinh trình, vạn vật hóa sinh. Như thế xác định được con đường kỹ thuật của thuật phong thủy, đồng thời nêu lên rằng "khí cỡi gió thì tán loạn, gặp nước thì ngưng tụ" từ đó dẫn ra mô hình cảnh quan phong thủy lý tưởng "ấn gió giới hạn bằng nước".

Sùng bái tổ tông là một nét đặc sắc lớn trong văn hóa tôn giáo Trung Quốc. Sắp xếp cho người chết cùng giống như cho người sống, và là một điều hao tâm tốn trí chủ yếu trong chế độ mai táng của Trung Quốc. Không giống như văn hóa cơ đốc giáo, trong nền văn hóa sùng bái tổ tông của Trung Quốc, linh hồn của con người sau khi chết sẽ hòa vào thế giới của các linh hồn. Ở đây không có sự khác biệt hoàn toàn, mà nó trở thành một thế giới bên kia đối ngược với thế giới hiện thực. Chúng vẫn là khí của âm dương thiên địa, người chết vẫn có thể cảm giác cùng với con cháu (hình 84). Vì vậy, dù cho trong thuyết phong thủy có phân ra làm âm trạch, dương trạch thì trên thực tế hoàn toàn không có sự khác biệt gì lớn. Điểm giàu tính thần bí nhất của "thuyết phong thủy" là mộ phần tổ tiên tốt xấu có thể quyết định họa phúc của con cháu, logic đó cũng bắt nguồn từ chỗ này. "sống thì khí tụ, ngưng kết thành xương, chết mà độc lưu, cho nên chết thì khí trái lại thu lấy xương, đó là cách lấy âm mà

sinh" (táng thư). Và con người lấy hình thể từ cha mẹ, mạch khí kế thừa, vừa di truyền xương của cha mẹ thu được sinh khí mà trở lại thành một, thì tự nhiên "khí cảm mà ứng, quý phúc và người". Cho nên chọn nơi chôn cất cha mẹ cũng quan trọng giống như chọn nơi xây nhà cho chính mình, đều là để "đón sinh khí" và "phúc, lộc, vinh, trình" (hình 84).

Có thể thấy, logic triết học của thuyết phong thủy phát triển trên triết học suy biện của Trung Quốc, bao hàm những chỉnh thể quan hữu cơ chất phác, nhưng thiếu căn cứ thực chứng. Xem "khí cảm mà ứng, quý phúc và người" làm căn cứ phong thủy mô mà tổ tiên tốt xấu có thể quyết định họa phúc của con cháu, lấy quan hệ sinh khắc của ngũ hành để quyết định quan hệ phối hợp giữa các lượng biến đổi chủ yếu, và xem "khí cười gió thì tán loạn, đọng phải nước thì ngưng tụ" làm căn cứ phán đoán cơ bản phong thủy có tốt hay không... Điều đó cho ta thấy rõ sự hoang đường, thiếu căn cứ. Vì thế thuyết phong thủy không dẫn ra mô hình lý tưởng của người Trung Quốc (mô hình cảnh quan), trái lại, mô hình cảnh quan lý tưởng đó luôn ở sâu xa trong văn hóa và tâm hồn người Trung Quốc. Nó dẫn đến sự suy biện trực giác của thuyết phong thủy về lý tưởng phong thủy, đồng thời nó đã phát triển và phụ họa trọn vẹn một hệ thống giải thích trên cơ sở triết học khí Trung Quốc.

Từ đó có thể suy ra bản thân lý luận của phong thủy hoàn toàn không có ý nghĩa to lớn, nhưng lý tưởng cảnh quan tầng sâu xa của nó mới thật sự đáng để chúng ta xem trọng. Đây cũng chính là điểm xuất phát của quyển sách này.



Hình 84. Biểu đồ quy trình sinh khí phong thủy.

6.2. HỆ THỐNG GIẢI THÍCH KỸ THUẬT VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

Trong hệ thống giải thích mang tính triết học này, thuyết phong thủy lại mở ra một hệ thống kỹ thuật trác định sử dụng la bàn làm trung tâm, làm cho việc xem phong thủy trở thành một môn kỹ thuật khá phức tạp, đồng thời nó trở thành cách thức kiếm sống của một số người. Những người dân ở tầng lớp dưới của Trung Quốc không có cách nào để tiếp thu được những kỹ thuật phong thủy như sử dụng la bàn phức tạp và mang tính triết học thâm sâu như đã nói trên. Vì thế những nhà thuật sĩ dân gian cần phải dung tục hóa thuyết phong thủy, khiến những người dân bình thường cũng có thể tiếp thu được. Điều này cần phải mượn sự trợ giúp của quý thần và hệ thống tín ngưỡng vốn có trong dân gian. Tôi gọi nó là tín ngưỡng dân gian, để giải thích thuyết phong thủy và thuật phong thủy, từ đó khiến thuyết phong thủy mang sắc thái mê tín rất đậm nét.

Hiện nay, có rất nhiều cuộc thảo luận trong và ngoài nước về thuyết phong thủy. Thực tế đa số các cuộc thảo luận này đều tiến hành ở kết cấu bề mặt của ý thức phong thủy, cho nên có người cho rằng nó là mê tín phong kiến, cũng có người cho rằng nó là khoa học. Như trên đã bàn luận, "thuyết phong thủy" hoàn toàn không tiến hành giải thích mối liên hệ bản chất của quan hệ "hiện tượng cảnh quan - cảm ứng tốt xấu", mà là tiến hành xuyên tạc một cách hệ thống. Bất luận xem hệ thống giải thích này là mê tín hay khoa học, trên thực tế chúng tôi đều không có sự trợ giúp nào đối với việc nghiên cứu mối quan hệ tốt xấu và cảnh quan mà "thuyết phong thủy" mong muốn giải quyết. Nếu chúng ta có thể tìm hiểu, thảo luận về lịch sử phát triển và hình thành ý thức cảnh quan tốt xấu của người Trung Quốc thì việc phân tích ý nghĩa sâu xa của mô hình phong thủy lý tưởng, có thể tìm ra quy luật định lượng và định tính của mối quan hệ

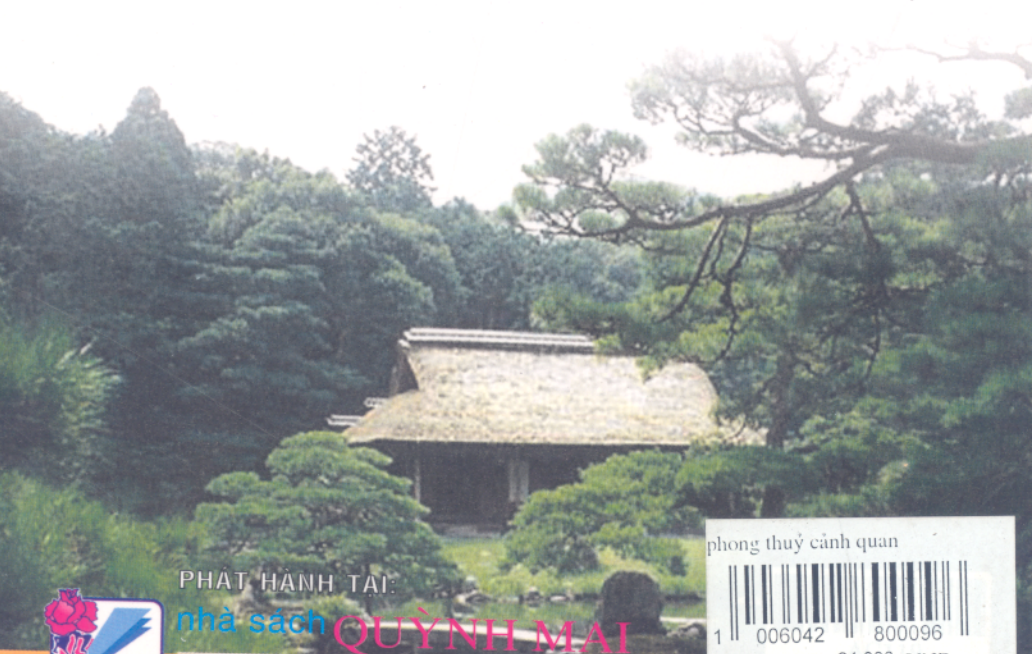
giữa cảnh quan và con người. Cần phải đem những lý luận có ích cho việc thiết kế quy hoạch cảnh quan và mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người để nghiên cứu và phát triển một cách khoa học, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu văn hóa truyền thống được tiến hành ở bậc cao hơn. Điều này không chỉ quan trọng cho việc nghiên cứu "thuyết phong thủy" mà còn là đối với việc nghiên cứu các di sản văn hóa khác của dân tộc Trung Hoa.

Khoa học? Mê tín? A di đà phật, phong thủy chính là một loại hiện tượng văn hóa, vì sao lại chê bai nó? Hàm ý chân chính của nó nằm ở sự lý tưởng của cảnh quan mà nó phản ánh, một loại cấu hình trên gien văn hóa và gien sinh vật.

HẾT

DU KHỔNG KIÊN

PHONG THUY CẢNH QUAN



PHÁT HÀNH TẠI:

nhà sách **QUỲNH MAI**

474 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.3 - TP.HCM

ĐT: (08)8355907 - 8355915, FAX: 8355915

Email: saigonbook@hcm.fpt.vn

phong thủy cảnh quan



1 006042 800096

24.000 VND

Giá: 24.000đ



AC119